LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
VŨ THANH (Chủ biên) – BÙI MINH ĐỨC – PHẠM THỊ THU HƯƠNG
TRẦN VĂN SÁNG – NGUYỄN VĂN THUẤN

# Ngữ văn

## 10

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

LÃ NHÂM THÌN – ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Tổng Chủ biên)
VŨ THANH (Chủ biên) – BÙI MINH ĐỨC – PHẠM THỊ THU HƯƠNG
TRẦN VĂN SÁNG – NGUYỄN VĂN THUẤN

# Ngữ văn 10

## TẬP HAI

*(Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 442/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022)*

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

## KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

Văn bản

Câu hỏi

Mẫu

*Các em giữ gìn sách cẩn thận, không viết vào sách để sử dụng được lâu dài.*

BÀI 5

# THƠ VĂN NGUYỄN TRÃI

## YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Vận dụng được hiểu biết về bối cảnh lịch sử, văn hoá, về tác giả và thể loại vào việc đọc hiểu các tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Trãi. Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật một số tác phẩm của Nguyễn Trãi, qua đó thấy được vẻ đẹp con người, thơ văn và những đóng góp của ông cho sự phát triển của văn học dân tộc.
- Thực hành phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong văn bản.
- Viết được văn bản nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.
- Biết thuyết trình và thảo luận về một vấn đề xã hội.
- Đề cao tinh thần yêu nước, niềm tự hào về văn hoá và lịch sử dân tộc, về người Anh hùng dân tộc – Danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi.

## KIẾN THỨC NGỮ VĂN

### 1. Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội với việc đọc hiểu tác phẩm văn học

– Đọc hiểu tác phẩm văn học luôn gắn liền với việc vận dụng kiến thức về hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. Hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thời kì nhà văn sống với những sự kiện, các mối quan hệ xã hội, sinh hoạt văn hoá đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sáng tác của nhà văn và được phản ánh một cách sâu sắc trong các tác phẩm của họ. Nhiều vấn đề trong tác phẩm văn học chỉ có thể cắt nghĩa được khi vận dụng các tri thức về hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội vào việc đọc hiểu tác phẩm đó.

– Thời đại Nguyễn Trãi là thời đại đau thương và quật khởi. Đau thương bởi sau hơn bốn thế kỉ độc lập, tự chủ (từ năm 938 đến 1407), dân tộc ta lại rơi vào thảm hoạ mất nước, chịu sự thống trị tàn bạo của giặc Minh xâm lược. Quật khởi bởi đây là giai đoạn truyền thống yêu nước, anh hùng được trỗi dậy và phát huy mạnh mẽ, mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn – cuộc khởi nghĩa gian khổ bậc nhất, thắng lợi huy hoàng bậc nhất trong lịch sử Việt Nam trước năm 1945. Nguyễn Trãi là người sống hết mình với thời đại, có những đóng góp to lớn vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và sự nghiệp xây dựng đất nước sau khi dân tộc giành lại quyền độc lập, tự chủ.

**2. Nghị luận xã hội trung đại**

Nghị luận xã hội trung đại thường được viết bằng các thể văn như: chiếu, hịch, cáo, thư,... phản ánh những vấn đề chính trị, xã hội và có giá trị nghệ thuật cao. Chiếu, cáo thường để ban bố trước dân chúng về những công việc và sự kiện có tính chất quốc gia; thư dùng để trao đổi, thuyết phục người khác trong công việc. Các bài nghị luận xã hội trung đại có một số đặc điểm nổi bật sau đây:

– Là thể văn tổng hợp "văn, sử, triết bất phân", có sự kết hợp hài hoà giữa lí lẽ và cảm xúc, giữa tư tưởng và tình cảm của người viết; do vậy, văn bản vừa có tính thuyết phục của lí lẽ, vừa giàu màu sắc biểu cảm nghệ thuật. Nghị luận trung đại thường được viết bằng văn biền ngẫu(1), từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng.

– Trong nhiều bài nghị luận xã hội trung đại, vai trò của người viết rất đặc biệt, tác giả thường là các bậc vua, chúa, thủ lĩnh hoặc được vua, chúa, thủ lĩnh uỷ nhiệm soạn thảo các văn bản. Như việc Nguyễn Trãi thừa lệnh và nhân danh Lê Lợi viết thư từ răn bảo các tướng sĩ của ta và thuyết phục tướng giặc nhà Minh, được tập hợp trong sách *Quân trung từ mệnh tập* (Tập văn từ lệnh trong quân). Nguyễn Trãi cũng được Lê Lợi giao viết *Bình Ngô*(2) *đại cáo* (*Đại cáo bình Ngô*)(3) với danh nghĩa nhà vua để bố cáo thiên hạ về đại thắng của dân tộc,... Các tác giả được uỷ thác thường là những nhà văn hoá lỗi lạc hoặc có địa vị, uy tín cao trong triều đình và xã hội. Văn bản nghị luận do họ soạn thảo không chỉ thể hiện tư tưởng, tình cảm của các bậc vua, chúa, thủ lĩnh, đại diện cho tư tưởng thời đại, ý chí, khát vọng của cả quốc gia, dân tộc, mà còn chứa đựng trí tuệ, tình cảm và tài năng văn chương của mỗi người.

**3. Thơ Nôm Đường luật thất ngôn xen lục ngôn**

– Thơ Nôm Đường luật thất ngôn (bảy chữ) xen lục ngôn (sáu chữ) là sự sáng tạo của các tác giả Việt Nam trên cơ sở kế thừa thơ Đường luật. Theo các tư liệu hiện còn, thể thơ này đạt đến đỉnh cao nghệ thuật trong tác phẩm *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Điều đó cho thấy ông là người xây dựng thành công một thể thơ mới theo hướng dân tộc và tập thơ Nôm của ông được đánh giá là thành tựu lớn của thơ ca tiếng Việt.

– Việc xuất hiện các câu lục ngôn xen các câu thất ngôn phá vỡ ít nhiều kết cấu của thơ Đường luật thất ngôn, tạo nên các điểm nhấn về cảm xúc, suy tư, hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu,... góp phần mở ra thời kì mới cho sự phát triển của thơ ca tiếng Việt.

**4. Biện pháp liệt kê**

Liệt kê là biện pháp tu từ, theo đó, người nói, người viết kể ra nhiều sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... trong cùng một câu, một đoạn để tạo nên ấn tượng

---

(1) *Biền* là ngựa đi sóng đôi; *ngẫu* là từng cặp đôi. Trong văn biền ngẫu, các câu đối nhau từng đôi, từng cặp một về ý, về từ loại và về thanh bằng trắc,... tạo nên vần điệu.

(2) *Ngô*: ở đây chỉ nhà Minh vì Minh Thành Tổ – hoàng đế khai quốc của nhà Minh vốn là người đất Ngô.

(3) Tên bài Đại cáo là do người đời sau đặt. *Đại Việt sử kí toàn thư* (quyển 10, Kỉ nhà Lê), cuốn sách đầu tiên chép văn bản *Đại cáo bình Ngô* có ghi: "Sau khi dẹp (*bình*) yên giặc *Ngô*, vua ban *Đại cáo*…".

mạnh, hiệu quả cao trong miêu tả, kể chuyện hoặc biểu lộ tình cảm, cảm xúc. Phép liệt kê được dùng trong cả văn xuôi và văn vần.

Xét theo cấu tạo, các sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... có thể được liệt kê theo từng cặp hoặc không theo từng cặp. Ví dụ, trong câu: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả **tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải** để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy." (Hồ Chí Minh), tác giả liệt kê sự vật theo từng cặp: "tinh thần và lực lượng", "tính mạng và của cải". Cách liệt kê này làm nổi bật quyết tâm của dân tộc ta bảo vệ nền độc lập bằng cả sức mạnh tinh thần và vật chất, sẵn sàng hi sinh cả tính mạng và tài sản của mình.

Xét theo ý nghĩa, các sự vật, sự việc, hoạt động, tính chất, trạng thái,... có thể được liệt kê theo kiểu tăng tiến hoặc không tăng tiến. Ví dụ, trong ba câu nối tiếp nhau: "Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp, cứu nước." (Hồ Chí Minh), tác giả liệt kê sự vật theo thứ tự tăng dần, từ những vũ khí chuyên dùng để chiến đấu như "súng", "gươm" đến những vật dụng hằng ngày như "cuốc", "thuổng", "gậy gộc" để động viên toàn dân tham gia đánh giặc, giữ nước.

## ĐỌC

### Đọc hiểu văn bản

# 15 NGUYỄN TRÃI – CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP

### 1 Chuẩn bị

– Tìm hiểu hoàn cảnh lịch sử, văn hoá Việt Nam nửa đầu thế kỉ XV và cuộc đời, sự nghiệp chính trị, văn hoá, văn học của Nguyễn Trãi để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Xem lại các kiến thức đã được học về thơ văn Nguyễn Trãi ở Trung học cơ sở và bổ sung các thông tin mới tìm hiểu được về tác giả.

– Chuẩn bị nội dung thuyết trình ngắn trước lớp về thân thế và sự nghiệp Nguyễn Trãi.

Nguyễn Trãi (1380 – 1442),
Anh hùng dân tộc – Danh nhân văn hoá

## 2 Đọc hiểu

### I. Người anh hùng dân tộc

Nguyễn Trãi sinh năm 1380, hiệu là Ức Trai, quê gốc ở làng Chi Ngại, huyện Phượng Sơn, lộ Lạng Giang (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương); sau dời về làng Ngọc Ổi, huyện Thượng Phúc, lộ Đông Đô (nay là Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội). Cha là Nguyễn Phi Khanh, đỗ Thái học sinh(1) thời Trần. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan Tư đồ(2) Trần Nguyên Đán. Dòng họ bên nội, bên ngoại của Nguyễn Trãi đều có truyền thống yêu nước và truyền thống văn hoá, văn học.

Năm 1400, Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh, cùng với cha ra làm quan nhà Hồ. Năm 1406, giặc Minh cướp nước ta, Nguyễn Phi Khanh bị bắt sang Trung Quốc. Tương truyền, Nguyễn Trãi định đi theo, phụng dưỡng cha để giữ tròn đạo hiếu, nhưng nghe lời cha dặn, ông đã quay về tìm đường cứu nước. Ông bị giặc Minh giam lỏng ở thành Đông Quan, sau tìm đến Lam Sơn, tham gia cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi lãnh đạo. Nguyễn Trãi đã dâng *Bình Ngô sách* (Kế sách đánh đuổi quân Minh), cùng Lê Lợi và các tướng lĩnh bàn bạc việc quân, vạch ra đường lối chiến lược của cuộc khởi nghĩa. Ông giúp Lê Lợi soạn thảo chiếu lệnh, văn thư, đấu tranh ngoại giao với quân Minh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng đất nước. Cuối năm 1427 – đầu năm 1428, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết *Đại cáo bình Ngô*.

Nguyễn Trãi có vai trò, vị trí như thế nào trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?(*)

Sau ngày hoà bình lập lại, Nguyễn Trãi đem hết tâm huyết, tài năng, sức lực tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước. Tuy nhiên, do những mâu thuẫn trong triều đình, do bọn quyền thần, gian thần lộng hành, Nguyễn Trãi không còn được tin dùng như trước. Ông lui về ở ẩn tại Côn Sơn (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương). Nhưng khi được vua Lê Thái Tông trọng dụng, ông lại hăm hở ra giúp đời, giúp nước. Giữa lúc Nguyễn Trãi đang giữ trọng trách công việc quốc gia thì năm 1442 xảy ra vụ án Lệ Chi viên (tên chữ Nôm là Trại Vải hoặc Vườn Vải) ở huyện Gia Định (nay thuộc Gia Bình, Bắc Ninh). Ông bị bọn gian thần vu cho tội giết vua và chịu án "tru di tam tộc"(3). Lê Thánh Tông khi lên ngôi, đã minh oan cho Nguyễn Trãi và cho sưu tầm lại thơ văn của ông. Năm 1980, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) đã tổ chức Kỉ niệm 600 năm ngày sinh của Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hoá Nguyễn Trãi.

Chú ý những đóng góp của Nguyễn Trãi cho đất nước và bi kịch cuối đời ông.

---

(*) Các câu gợi ý bên phải văn bản chỉ để học sinh theo dõi thêm về nội dung, nghệ thuật,… trong khi đọc, không cần trả lời.

(1) *Thái học sinh*: học vị của người đỗ kì thi Hội thời Trần – Hồ, tương đương với học vị Tiến sĩ các đời sau.

(2) *Tư đồ*: chức hàm gia phong cho đại thần hoàng tộc nhà Trần, quyền ngang Tể tướng; là chức quan vào hàng cao nhất trong triều.

(3) *Tru di tam tộc*: một hình phạt thời phong kiến, tuỳ từng trường hợp, có thể giết ba họ (họ cha, họ mẹ, họ vợ) hoặc ba đời (đời cha, đời con, đời cháu).

## II. Nhà văn hoá, nhà văn kiệt xuất

Chú ý các lĩnh vực mà Nguyễn Trãi có đóng góp và các tác phẩm chính của ông.

Nguyễn Trãi không chỉ là người anh hùng dân tộc mà còn là một nhà văn hoá khai sáng, một nhà văn, nhà thơ mà những đóng góp của ông đã tạo ra bước ngoặt mới trong lịch sử phát triển của văn hoá, văn học Việt Nam. Ngoài những đóng góp quan trọng trong các hoạt động thực tiễn, ông còn để lại một di sản to lớn trên nhiều lĩnh vực: tư tưởng, chính trị, quân sự, ngoại giao, lịch sử, địa lí, văn học,… với nhiều tác phẩm có giá trị như: *Quân trung từ mệnh tập, Đại cáo bình Ngô, Phú núi Chí Linh* (*Chí Linh sơn phú*), *Lam Sơn thực lục* (Bộ sử biên niên về thời kì ở Lam Sơn), *Văn bia Vĩnh Lăng, Chuyện cũ về cụ Băng Hồ*, *Dư địa chí* (Ghi chép về địa lí), *Ức Trai thi tập* (Tập thơ của Ức Trai),... Các tác phẩm này đều được viết bằng chữ Hán. Nguyễn Trãi còn có tập thơ *Quốc âm thi tập* viết bằng chữ Nôm, đánh dấu sự hình thành, phát triển của thơ ca tiếng Việt. Phần lớn các bài trong tập thơ được Nguyễn Trãi viết trong thời kì về sống ẩn dật ở Côn Sơn.

Nguyễn Trãi có công rất lớn trong việc giúp Lê Lợi xây dựng một đường lối chính trị và quân sự đúng đắn ngay từ khi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Đó là đường lối đấu tranh dựa trên tư tưởng nhân nghĩa vì người dân, vì đất nước. Năm 1426, khi cuộc kháng chiến chống giặc Minh sắp sửa kết thúc, ông đã giúp Lê Lợi cho mở kì thi, lựa chọn nhân tài để phục vụ cho công cuộc kiến thiết đất nước lâu dài. Nguyễn Trãi chủ trương xây dựng thể chế chính trị thân dân vững mạnh, kết hợp truyền thống dân chủ, đoàn kết của dân tộc và những mặt tích cực của Nho giáo với khát vọng "khiến cho trong thôn cùng, xóm vắng không còn một tiếng hờn giận, oán sầu"(*). Nguyễn Trãi có những kế hoạch mới mẻ về việc xây dựng hình luật, âm nhạc, khoa cử, tiến hành các quy chế về lễ nghi, nội trị, biên soạn sách vở,… Mặc dù tâm huyết xây dựng một thể chế và một nền văn hoá như ông mong muốn, đương thời chưa thực hiện được trọn vẹn, nhưng đây sẽ là nền tảng cho sự phát triển bền vững, lâu dài của đất nước.

Nguyễn Trãi có đóng góp như thế nào về văn hoá?

Những đóng góp về văn học của Nguyễn Trãi là hết sức to lớn, có giá trị mở đầu cho nhiều truyền thống quý báu của văn học dân tộc. Thơ văn Nguyễn Trãi thấm nhuần tư tưởng yêu nước, nhân nghĩa vì dân, cùng với niềm suy tư thế sự và tình yêu thiên nhiên, đất nước. "Yêu nước, thương dân" và "nhân nghĩa vì dân", khát vọng xây dựng một quốc gia độc lập, hưng thịnh, thái bình, người dân được sống ấm no, hạnh phúc là những nội dung lớn trong thơ văn Nguyễn Trãi. Ông luôn đau đáu một tấm lòng vì nước: "Đêm ngày cuồn cuộn

Những nội dung cơ bản của phần này là gì?

(*) Các trích dẫn thơ văn Nguyễn Trãi trong bài này lấy từ cuốn *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập 1, 2, 3, NXB Văn học – Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, 2001.

nước triều Đông" (*Thuật hứng*, bài 5 – *Quốc âm thi tập*), chiến đấu quên mình để giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ giặc Minh, đề cao nhân nghĩa cứu nước, cứu dân:

*Việc nhân nghĩa*(1) *cốt ở yên dân*(2)
*Quân điếu phạt*(3) *trước lo trừ bạo*

(*Đại cáo bình Ngô*)

Ông không chỉ đề cao vai trò của người dân, coi "dân là gốc của nước", "Lật thuyền mới biết sức dân như nước" (*Cửa biển*, bản dịch) mà còn biết ơn dân: "Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày" (*Gương báu khuyên răn* (*Bảo kính cảnh giới*), bài 19 – *Quốc âm thi tập*).

Câu nào nêu nhận xét khái quát về con người Nguyễn Trãi thể hiện trong thơ văn?

Thơ văn Nguyễn Trãi phản ánh bức chân dung con người Nguyễn Trãi với vẻ đẹp của sự hài hoà giữa một vĩ nhân và một con người hết sức đời thường. Tìm hiểu thơ văn của ông, ta sẽ thấy một Nguyễn Trãi vô cùng gần gũi, bình dị. Đó là người con chí hiếu, luôn canh cánh nỗi niềm chưa báo đáp công ơn sinh thành: "Tình phụ cơm trời, áo cha" (*Ngôn chí*, bài 7 – *Quốc âm thi tập*). Đó là người bạn chí tình, qua bao thăng trầm, thành bại của cuộc đời, vẫn hẹn ước có buổi về lại nơi quê nhà, cùng bạn vác cuốc ra đồng trong một ngày xuân: "Nhị Khê năm khác hẹn / Nón chụp cuốc xuân nhà" (*Tặng bạn* (*Tặng hữu nhân*), bản dịch). Nguyễn Trãi yêu thương, gắn bó với quê hương từ một ánh trăng trên bến Bình Than, con đường làng Chi Ngại, đến một dòng suối, một cây tùng nơi "núi nhà" Côn Sơn,... Ông yêu thiên nhiên, chan hoà cùng tạo vật: "Núi láng giềng, chim bầu bạn / Mây khách khứa, nguyệt anh tam" (*Thuật hứng*, bài 19 – *Quốc âm thi tập*). Nguyễn Trãi nâng niu, giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên, cũng là giữ gìn môi trường sống tự nhiên: "Rừng tiếc chim về ngại phát cây" (*Mạn thuật*, bài 6 – *Quốc âm thi tập*),... Thiên nhiên trong thơ ông như bức tranh hoành tráng, gắn liền với địa danh lịch sử dân tộc:

Bài viết đã dẫn ra những tác phẩm nào của Nguyễn Trãi?

*Kình ngạc băm vằm non mấy khúc,*
*Giáo gươm chìm gãy bãi bao tầng.*
*Quan hà hiểm yếu trời kia đặt,*
*Hào kiệt công danh đất ấy từng.*

(*Cửa biển Bạch Đằng* (*Bạch Đằng hải khẩu*), bản dịch)

Cũng có khi thiên nhiên lại được thể hiện như một bức hoạ thơ mộng, xinh xắn:

*Nước biếc non xanh, thuyền gối bãi*
*Đêm thanh nguyệt bạc, khách lên lầu...*

(*Gương báu khuyên răn*, bài 26)

---

(1) *Nhân nghĩa*: lòng thương người và tôn trọng lẽ phải, điều phải (*nhân* là yêu thương, quý trọng con người; *nghĩa* là theo lẽ phải).
(2) *Yên dân*: đem lại cho người dân cuộc sống bình yên, no ấm.
(3) *Điếu phạt*: hai chữ này được rút gọn từ cụm từ "điếu dân phạt tội" trong *Kinh thư* với ý: vì thương dân (*điếu*) mà trừng phạt kẻ có tội.

Những sự vật bình dị, dân dã, đời thường như quả núc nác, lảnh mùng tơi, bè rau muống, con đòng đong,… cũng đều được Nguyễn Trãi đưa vào thơ một cách tự nhiên, tạo nên những rung động thẩm mĩ mới.

Nguyễn Trãi yêu tình yêu của con người và cũng đau nỗi đau của con người. Thơ ông chứa đựng nhiều chiêm nghiệm về thói đen bạc của lòng người: "Bui một lòng người cực hiểm thay" (*Mạn thuật*, bài 4 – *Quốc âm thi tập*) khi chứng kiến những nghịch cảnh éo le, bất công của xã hội: "Phượng những tiếc cao diều hãy lượn / Hoa thường hay héo, cỏ thường tươi" (*Tự thuật*, bài 9 – *Quốc âm thi tập*). Nhà thơ đối diện với thực tại đen tối ấy bằng tư thế của cây "trúc quân tử", của cây tùng "Một mình lạt thuở ba đông" (*Tùng*, bài 1 – *Quốc âm thi tập*), bằng cái tâm của hoa cúc, hoa sen, với một lí tưởng sống cao cả:

*Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược,*
*Có nhân, có trí, có anh hùng.*

(*Gương báu khuyên răn*, bài 5)

Phần này nêu vấn đề gì trong thơ văn Nguyễn Trãi?

Thơ văn Nguyễn Trãi là sự kết tinh nghệ thuật của nhiều thế kỉ văn học Việt Nam. Ông có công lớn trong việc hoàn thiện, phát triển, khởi đầu nhiều thể loại văn học. Ông là nhà văn chính luận xuất sắc, đưa thể văn nghị luận ở giai đoạn này đạt đến đỉnh cao hoàn thiện. *Quân trung từ mệnh tập* "có sức mạnh của mười vạn quân" (Phan Huy Chú). Sức mạnh ấy được tạo nên từ sự kết hợp tài tình giữa tư tưởng yêu nước, nhân nghĩa vì dân với nghệ thuật viết văn luận chiến bậc thầy. Ở áng "thiên cổ hùng văn"(1) *Đại cáo bình Ngô* – "bản Tuyên ngôn Độc lập thứ hai" của dân tộc – tài năng văn chương của Nguyễn Trãi đã đạt đến đỉnh cao nghệ thuật rực rỡ, đúng như Lê Quý Đôn từng ca ngợi: ông là người "viết thư, thảo hịch tài giỏi hơn hết một thời". Cùng với các tác phẩm chiếu, biểu,… khác, Nguyễn Trãi đã xây đắp nền móng văn hoá, tư tưởng cho dân tộc.

Chú ý vị trí và đóng góp của hai tập thơ *Ức Trai thi tập*, *Quốc âm thi tập*.

Ở thể phú, ngòi bút của Nguyễn Trãi cũng đã đạt được những thành công lớn, tiêu biểu là *Phú núi Chí Linh*. Về thi ca, Nguyễn Trãi là một nhà thơ trữ tình sâu sắc. Với *Ức Trai thi tập*, ông đã đưa thơ chữ Hán Việt Nam đạt đến độ nhuần nhị, tạo ra một thế giới thẩm mĩ phong phú, vừa trí tuệ, hào hùng, lại vừa trữ tình, lãng mạn. Đặc biệt, với tập thơ chữ Nôm *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi đã khẳng định tiếng Việt là một ngôn ngữ văn học có khả năng phản ánh sâu sắc thế giới nội tâm của con người cũng như đời sống xã hội. Ông đã đem lại cho thơ Nôm một hệ thống thẩm mĩ mới, đưa vào trong các bài thơ của mình tục ngữ, lời ăn tiếng nói dân dã và những hình ảnh đời thường. Trong số 254 bài thơ trong *Quốc âm thi tập*, có tới 186 bài được viết theo hình thức thơ thất ngôn xen lục ngôn. Nhà thơ

(1) *Thiên cổ hùng văn*: áng văn hùng tráng muôn đời.

rất có ý thức trong việc sáng tạo một "lối thơ Việt Nam" (Đặng Thai Mai), thể hiện trong cả việc Việt hoá nhiều ngữ liệu Hán học, tạo ra các hình ảnh và ngôn ngữ nghệ thuật mới của người Việt.

Kết thúc văn bản, người viết khẳng định điều gì?

Đến với thơ văn Nguyễn Trãi, chúng ta đến với một con người vừa lớn lao, cao cả, vừa rất đỗi thân thương, gần gũi, đúng như nhận định của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng: "Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại, thông cảm sâu xa với nỗi lòng người dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tuỵ cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc."(1). Trên hai trụ cầu dân tộc và nhân bản, thơ văn Nguyễn Trãi nối xưa với nay, nối Việt Nam với nhân loại.(*)

**1.** Văn bản *Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp* gồm mấy phần, mỗi phần giới thiệu cho người đọc nội dung gì?

**2.** Dựa vào văn bản trên, em hãy xác định:

– Những điểm cần lưu ý về bối cảnh lịch sử, văn hoá của thời đại Nguyễn Trãi.

– Trong cuộc đời Nguyễn Trãi có những sự kiện và dấu mốc quan trọng nào? Những sự kiện và dấu mốc này có liên quan như thế nào tới sự nghiệp văn học của ông?

**3.** Dựa trên cơ sở nào để bài viết khẳng định: "Nguyễn Trãi là nhà văn hoá, nhà văn kiệt xuất"?

**4.** Nội dung chính của thơ văn Nguyễn Trãi được trình bày trong bài viết bao gồm những điểm gì? Qua thơ văn, Nguyễn Trãi hiện lên là một con người như thế nào?

**5.** Những đóng góp to lớn nào về mặt nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Trãi được nêu lên trong văn bản trên?

**6.** Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi gợi cho em những suy nghĩ, tình cảm gì?

# ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ

(*Bình Ngô đại cáo*)

NGUYỄN TRÃI

## 1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* và nội dung bài *Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

(*) Bài viết của người biên soạn sách.

(1) Phạm Văn Đồng, *Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc*, báo *Nhân Dân*, số ra ngày 19-9-1962.

– Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm *Đại cáo bình Ngô*:

Cuối tháng 12 năm Đinh Mùi 1427, sau khi chiến tranh kết thúc, Lê Lợi giao cho Nguyễn Trãi viết Đại cáo, trịnh trọng tuyên bố trước toàn dân: cuộc kháng chiến của nhân dân Đại Việt chống quân Minh xâm lược đã toàn thắng, khẳng định chủ quyền độc lập của nước Đại Việt.

Bài Đại cáo được viết bằng văn biền ngẫu, bố cục gồm bốn phần.

## 2 Đọc hiểu

Hai trang đầu bài *Đại cáo bình Ngô* trong *Đại Việt sử kí toàn thư*(*)

①(**)Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến(1) đã lâu.
Núi sông bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác.
Từ Triệu(2), Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.
Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,
Song hào kiệt đời nào cũng có.
Vì vậy:

Chỉ ra ý chính của đoạn văn và tác dụng của nghệ thuật đối trong các câu văn biền ngẫu.

Những tư tưởng, sự việc khách quan nào được khẳng định làm căn cứ triển khai toàn bộ nội dung bài Đại cáo?

(*) Văn bản này không có câu: "Từng nghe" hay "Thay trời hành đạo, Hoàng thượng phán rằng" như trong một số văn bản xuất hiện về sau.

(**) Ở các văn bản, để học sinh tiện theo dõi, người biên soạn sách thường đánh số thứ tự dòng thơ hoặc chia phần các văn bản.

(1) *Văn hiến*: nước có truyền thống văn hoá, văn minh và hiền tài thì gọi là nước văn hiến (*văn*: theo quan niệm thời Nguyễn Trãi dùng để chỉ ngôn ngữ, văn tự, thư tịch, văn chương, giáo dục khoa cử, điển chương, phong tục,…; *hiến*: chỉ người hiền tài).

(2) Theo quan niệm của một số sử gia thời trung đại (như nhóm Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử kí toàn thư*) thì thời kì nhà Triệu cai trị nước ta (từ 207 đến 137 trước Công nguyên) cũng được coi là một triều đại của Đại Việt.

Lưu Cung[1] tham công nên thất bại,
Triệu Tiết[2] thích lớn phải tiêu vong.
Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô,
Sông Bạch Đằng giết tươi[3] Ô Mã.
Việc xưa xem xét,
Chứng cứ còn ghi.

② Vừa rồi:
Nhân họ Hồ chính sự phiền hà,
Để trong nước lòng dân oán hận.
Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây hoạ,
Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh.
Nướng dân đen[4] trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ[5] xuống dưới hầm tai vạ.
Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế,
Gây binh, kết oán, trải hai mươi năm.
Bại[6] nhân nghĩa nát cả đất trời,
Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.
Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập, thuồng luồng,
Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu, nước độc.
Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng,
Nhiễu nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm[7] đặt.
Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,
Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng.
Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán,
Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.

Chú ý giọng điệu, nghệ thuật đối lập ở đoạn cáo trạng và hệ thống hình ảnh, cách nêu chứng cứ để kết tội kẻ thù.

(1) *Lưu Cung*: vua Nam Hán, năm 938, sai con là Hoằng Tháo đem quân sang xâm lược nước ta, bị Ngô Quyền đánh bại trên sông Bạch Đằng.
(2) *Triệu Tiết*: tướng nhà Tống cùng Quách Quỳ đem quân xâm chiếm Đại Việt bị Lý Thường Kiệt đánh đuổi trên phòng tuyến sông Như Nguyệt năm 1076.
(3) Theo *Đại Việt sử kí toàn thư* (Kỉ nhà Trần) thì Ô Mã Nhi bị quân dân nhà Trần bắt sống trong trận Bạch Đằng (1288); sau thả cho về nước, trên đường về thì thuyền bị đắm và chết đuối trên sông Bạch Đằng.
(4), (5) *Dân đen, con đỏ*: chỉ người dân thường.
(6) *Bại*: làm cho hư hỏng.
(7) *Lưới, cạm*: dụng cụ đánh bắt chim, thú. *Chim trả, hươu đen*: động vật quý hiếm.

Nặng nề những nỗi phu phen,
Tan tác cả nghề canh cửi.
Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội[1],
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
Lẽ nào trời đất dung tha,
Ai bảo thần nhân chịu được?

③ Ta đây:

*3a.* Núi Lam Sơn dấy nghĩa,
Chốn hoang dã nương mình.
Ngẫm thù lớn há đội trời chung,
Căm giặc nước thề không cùng sống.
Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời,
Nếm mật nằm gai[2], há phải một hai sớm tối.
Quên ăn vì giận, sách lược thao[3] suy xét đã tinh,
Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế[4] đắn đo càng kĩ.
Những trằn trọc trong cơn mộng mị,
Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi[5].
Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,
Chính lúc quân thù đang mạnh.
Lại ngặt vì:
Tuấn kiệt như sao buổi sớm,
Nhân tài như lá mùa thu.
Việc bôn tẩu[6] thiếu kẻ đỡ đần,
Nơi duy ác[7] hiếm người bàn bạc.

Chú ý việc tác giả hoá thân vào Lê Lợi để diễn tả nỗi lòng của lãnh tụ cuộc khởi nghĩa.

---

(1) Người xưa thường dùng thẻ trúc để ghi chép; Nam Sơn (Trung Quốc) là nơi có rừng trúc. Câu thơ ý nói tội ác của giặc nhiều không thể ghi chép hết.
(2) *Nếm mật nằm gai*: nói về sự chịu đựng gian khổ để quyết chí mưu đồ việc lớn. Thời Xuân Thu (Trung Quốc), nước Việt bị nước Ngô thôn tính. Vua nước Việt là Câu Tiễn bị bắt, đã dùng khổ nhục kế để được thả về nước. Về tới nước Việt, Câu Tiễn thường nằm trên đống củi gai để ngủ không yên giấc, thường nếm mật đắng để ăn không biết ngon, nuôi chí phục thù. Sau hai mươi năm trời chuẩn bị lực lượng, Câu Tiễn đã xuất binh đánh bại quân Ngô.
(3) *Sách lược thao*: sách dạy về cách dùng binh, đánh trận.
(4) *Hưng phế*: *hưng* là thịnh vượng; *phế* là tàn lụi. *Lẽ hưng phế* là nói về quy luật hưng thịnh và suy tàn của các triều đại.
(5) *Đồ hồi*: mưu tính việc khôi phục lại đất nước.
(6) *Bôn tẩu*: chạy ngược, chạy xuôi lo công việc.
(7) *Duy ác*: màn che. Ngày xưa, khi tướng ra trận thường quây màn trướng làm sở chỉ huy, do đó, *duy ác* được dùng để chỉ nơi bộ tham mưu bàn việc quân.

Chỉ vì:
Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về đông[1],
Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả[2].
Thế mà:
Trông người, người càng vắng bóng, mịt mù như chốn bể khơi;
Tự ta, ta phải dốc lòng, vội vã hơn cứu người chết đuối.
Phần vì giận quân thù ngang dọc,
Phần vì lo vận nước khó khăn.
Khi Linh Sơn[3] lương hết mấy tuần,
Lúc Khôi Huyện[4] quân không một đội.
Trời thử lòng trao cho mệnh lớn,
Ta gắng chí khắc phục gian nan.
Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc[5], ngọn cờ phấp phới,
Tướng sĩ một lòng phụ tử, hoà nước sông[6], chén rượu ngọt ngào.
Thế trận xuất kì[7], lấy yếu chống mạnh,
Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.
*3b.* Trọn hay:
Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân[8] để thay cường bạo.
Trận Bồ Đằng[9] sấm vang chớp giật,
Miền Trà Lân[10] trúc chẻ tro bay.

Nghĩa quân gặp những khó khăn nào và điều gì đã giúp họ vượt qua?

Nhịp điệu câu văn diễn tả cuộc chiến đấu và các chiến công ở đây có gì đặc biệt?

---

(1) *Tiến về đông*: mượn điển xưa nhằm nói việc nghĩa quân Lam Sơn từ Thanh Hoá muốn tiến ra Đông Đô (tức thành Thăng Long) để giải phóng đất nước khỏi ách xâm lược của giặc Minh.
(2) *Dành phía tả*: lấy ý từ chuyện Tín Lăng Quân nước Nguỵ (Trung Quốc) nghe nói Hầu Doanh là người hiền tài, đưa xe đi đón, mời ngồi bên tả (trái), bên được tôn trọng hơn. Ở đây ý nói Lê Lợi trân trọng nhân tài, mong muốn tìm được người hiền tài ra giúp nước.
(3) *Linh Sơn*: núi Chí Linh, thuộc huyện Lang Chánh, Thanh Hoá.
(4) *Khôi Huyện*: vùng gần huyện Nho Quan, Ninh Bình. Có ý kiến cho rằng địa danh này ở gần Bá Thước, Thanh Hoá.
(5) *Dựng cần trúc*: lấy điển cũ nói về Trần Thắng, Ngô Quảng khởi nghĩa chống lại chế độ bạo tàn của nhà Tần. Do việc chuẩn bị khởi nghĩa quá gấp gáp, không kịp may cờ, giơ cần trúc làm cờ để tiến quân. *Dựng cần trúc* mang tính biểu tượng chỉ các cuộc khởi nghĩa.
(6) *Hoà nước sông*: theo điển trong sách *Văn tuyển*, xưa có viên tướng giỏi, được biếu một bình rượu quý, bèn đổ xuống dòng sông để quân sĩ đang tham gia chiến trận cùng được uống, tỏ ý chia ngọt, sẻ bùi, đoàn kết một lòng cùng nhau đánh giặc. Ở Thanh Hoá, huyện Lang Chánh có truyền thuyết về *Suối rượu*, huyện Thường Xuân có truyền thuyết về *Hòn đá khao* kể tích Lê Lợi đổ rượu xuống sông, bày tiệc để khao quân sĩ.
(7) *Thế trận xuất kì*: thế trận đánh bất ngờ vào nơi quân địch không đề phòng.
(8) *Chí nhân*: lòng nhân nghĩa ở mức độ cao.
(9), (10) *Bồ Đằng*: một ngọn núi thuộc Quỳ Châu, Nghệ An; *Trà Lân*: thuộc huyện Con Cuông, Nghệ An.

Sĩ khí đã hăng,
Quân thanh[1] càng mạnh.
Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,
Lý An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân.
Thừa thắng ruổi dài, Tây Kinh[2] quân ta chiếm lại,
Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm,
Tốt Động[3] thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.
Phúc tâm[4] quân giặc, Trần Hiệp đã phải bêu đầu,
Mọt gian[5] kẻ thù, Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.
Vương Thông gỡ thế nguy, mà đám lửa cháy lại càng cháy,
Mã Anh cứu trận đánh, mà quân ta hăng lại càng hăng.
Bó tay để đợi bại vong, giặc đã trí cùng lực kiệt,
Chẳng đánh mà người chịu khuất, ta đây mưu phạt tâm công[6].
Tưởng chúng biết lẽ ăn năn, nên đã thay lòng đổi dạ,
Ngờ đâu vẫn đương mưu tính, lại còn chuốc tội gây oan.
Giữ ý kiến một người, gieo vạ cho bao nhiêu kẻ khác,
Tham công danh một lúc, để cười cho tất cả thế gian.
Bởi thế:
Thằng nhãi con Tuyên Đức[7] động binh không ngừng,
Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy.
Đinh Mùi tháng Chín, Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn[8] kéo lại,
Năm ấy tháng Mười, Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.
Ta trước đã điều binh thủ hiểm, chặt mũi tiên phong,
Sau lại sai tướng chẹn đường, tuyệt nguồn lương thực.
Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế,
Ngày hai mươi, trận Mã Yên[9], Liễu Thăng cụt đầu.

Cách thể hiện khí thế chiến thắng của quân ta và thất bại của quân Minh ở đây có gì khác so với khi nói về giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa?

---

(1) *Sĩ khí, quân thanh*: chí khí và thanh thế của quân sĩ.
(2) *Tây Kinh*: tức thành Tây Đô do Hồ Quý Ly (1336 – 1407) xây dựng ở huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.
(3) *Ninh Kiều, Tốt Động*: những địa điểm thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Nội ngày nay.
(4) *Phúc tâm*: người đáng tin cậy.
(5) *Mọt gian*: kẻ gian tà sâu mọt. *Phúc tâm... Mọt gian*: ý nói tướng giặc từ kẻ được chúng tin cậy đến kẻ gian tà sâu mọt đều bị ta tiêu diệt.
(6) *Mưu phạt*: dùng mưu lược để đập tan mọi âm mưu, quỷ kế của địch; *tâm công*: đánh vào lòng người, dùng lí lẽ nhân nghĩa để làm tan rã tư tưởng, tinh thần đối phương.
(7) *Tuyên Đức*: niên hiệu vua Tuyên Tông nhà Minh. Khi lên ngôi mới 16 tuổi, đã điều binh tiếp viện cho đội quân xâm lược Đại Việt.
(8), (9) *Khâu Ôn, Mã Yên*: những địa điểm thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong,
Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kế tự vẫn.
Thuận đà, ta đưa lưỡi dao tung phá,
Bí nước, giặc quay mũi giáo đánh nhau.
Lại thêm quân bốn mặt vây thành,
Hẹn đến giữa tháng Mười diệt giặc.
Sĩ tốt kén người hùng hổ,
Bề tôi chọn kẻ vuốt nanh.
Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,
Voi uống nước, nước sông phải cạn.
Đánh một trận, sạch không kình ngạc[1],
Đánh hai trận tan tác chim muông.
Cơn gió to trút sạch lá khô,
Tổ kiến hổng sụt toang đê vỡ.
Đô đốc Thôi Tụ lê gối dâng tờ tạ tội,
Thượng thư Hoàng Phúc trói tay để tự xin hàng.
Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chất đầy đường,
Xương Giang[2], Bình Than[3], máu trôi đỏ nước.
Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi,
Thảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ.
Bị ta chặn ở Lê Hoa[4], quân Vân Nam nghi ngờ khiếp vía mà vỡ mật,
Nghe Thăng thua ở Cần Trạm[5], quân Mộc Thạnh xéo lên nhau chạy để thoát thân.
Suối Lãnh Câu máu chảy trôi chày[6], nước sông nghẹn ngào tiếng khóc,
Thành Đan Xá[7] thây chất thành núi, cỏ nội đầm đìa máu đen.
Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng.

Tính chất hùng tráng, hào sảng của đoạn văn được thể hiện thế nào qua việc sử dụng hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu câu văn, biện pháp nghệ thuật so sánh,...?

Chú ý những biện pháp nghệ thuật miêu tả sự thất bại của giặc.

(1) *Kình ngạc*: ở đây chỉ sức mạnh và sự hung dữ của quân giặc (*kình*: cá voi, là loại cá to, mạnh; *ngạc*: cá sấu, rất hung dữ).
(2) *Lạng Giang, Xương Giang*: những địa điểm thuộc tỉnh Bắc Giang.
(3) *Bình Than*: thuộc vùng Phả Lại (Hải Dương) ngày nay.
(4) *Lê Hoa*: một cửa ải xưa, ở giữa Lào Cai (Việt Nam) và Vân Nam (Trung Quốc).
(5) *Cần Trạm*: một địa điểm ở vùng Kép (Bắc Giang).
(6) *Máu chảy trôi chày*: điển lấy từ *Kinh Thư*. Ý nói cuộc chiến ác liệt, đẫm máu. *Chày* là một loại vũ khí thời xưa.
(7) *Lãnh Câu, Đan Xá*: những địa điểm gần Lê Hoa.

Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng,

Thần vũ chẳng giết hại, thể lòng trời, ta mở đường hiếu sinh(1)

Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể mà vẫn hồn bay phách lạc,

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến nước mà vẫn tim đập chân run.

Họ đã tham sống sợ chết, mà hoà hiếu thực lòng,

Ta lấy toàn quân là hơn, để nhân dân nghỉ sức.

Chẳng những mưu kế kì diệu,

Cũng là chưa thấy xưa nay.

④ Xã tắc(2) từ đây vững bền,

Giang sơn từ đây đổi mới.

Kiền khôn bĩ rồi lại thái(3),

Nhật nguyệt hối rồi lại minh(4).

Muôn thuở, nền thái bình vững chắc,

Ngàn thu vết nhục nhã sạch làu.

Âu cũng nhờ trời đất tổ tông linh thiêng ngầm giúp đỡ mới được như vậy.

Than ôi!

Một cỗ nhung y(5) chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm,

Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn.

Xa gần bá cáo,

Ai nấy đều hay.

(Đại cáo do văn thần Nguyễn Trãi soạn thảo)(6)

Phần kết đã thể hiện tư tưởng, khát vọng gì của dân tộc và với một cảm xúc nghệ thuật như thế nào?

(Theo bản dịch của BÙI KỶ, BÙI VĂN NGUYÊN chỉnh lí,
*Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam*, tập một, NXB Giáo dục, 2004)

(1) *Thần vũ chẳng giết hại*: ý nói uy vũ thần thánh thiêng liêng có sức mạnh chiến thắng mà không cần phải sát hại kẻ thù. *Hiếu sinh*: quý trọng sinh mạng con người.
(2) *Xã tắc*: nơi tế thần đất gọi là *xã*, nơi tế thần lúa gọi là *tắc*. Nghĩa bóng chỉ đất nước, bờ cõi.
(3) *Kiền khôn* (hoặc *càn khôn*): hai quẻ trong *Kinh Dịch* chỉ trời, đất. *Bĩ*: bế tắc; *thái*: thông suốt. *Bĩ rồi lại thái*: qua cơn bế tắc, trở lại thái bình.
(4) *Hối rồi lại minh*: tối rồi lại sáng.
(5) *Nhung y*: áo giáp mặc ra trận. Ở đây chỉ việc đánh trận.
(6) Nguyên chú trong *Đại Việt sử kí toàn thư* (Quyển 10, Kỉ nhà Lê), Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

**1.** Tìm hiểu bài *Đại cáo bình Ngô* theo yêu cầu:

a) Tóm tắt nội dung cơ bản của từng phần theo mẫu sau:

| | |
|---|---|
| Phần ① | M Nêu tư tưởng nhân nghĩa, khẳng định độc lập dân tộc và những bằng chứng làm sáng tỏ cho điều đó. |
| Phần ② | |
| Phần ③ | |
| Phần ④ | |

b) Chỉ ra mối liên hệ giữa các phần trên và cho biết: Bài Đại cáo viết về vấn đề gì?

**2.** Tư tưởng nổi bật được thể hiện xuyên suốt trong *Đại cáo bình Ngô* là gì? Hãy làm sáng tỏ tư tưởng ấy.

**3.** Chọn một đoạn tiêu biểu trong bài Đại cáo, phân tích để thấy được tác dụng của nghệ thuật lập luận, lựa chọn hình ảnh, ngôn từ, nghệ thuật đối và nhịp điệu của câu văn biền ngẫu.

**4.** Hãy phân tích vai trò của yếu tố biểu cảm trong bài Đại cáo qua các dẫn chứng cụ thể.

**5.** Quan niệm về quốc gia, dân tộc được Nguyễn Trãi thể hiện trong bài Đại cáo như thế nào? Phân tích ý thức độc lập và tinh thần tự hào dân tộc được thể hiện trong quan niệm ấy.

**6.** Liên hệ với những hiểu biết ở phần *Kiến thức ngữ văn* và văn bản *Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp*, hãy xác định:

a) Ý nghĩa của tác phẩm *Đại cáo bình Ngô* đối với thời đại Nguyễn Trãi.

b) Vì sao *Đại cáo bình Ngô* được coi là "bản Tuyên ngôn Độc lập thứ hai" của dân tộc?

**7.** Theo em, bài học lịch sử nào được Nguyễn Trãi nêu lên trong *Đại cáo bình Ngô* vẫn còn có ý nghĩa sâu sắc đối với thời đại ngày nay?

## Thực hành đọc hiểu

# GƯƠNG BÁU KHUYÊN RĂN (bài 43)

*(Bảo kính cảnh giới)*

NGUYỄN TRÃI

### 1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn*, vận dụng những hiểu biết về Nguyễn Trãi qua các bài đã học để đọc hiểu văn bản này.

– *Gương báu khuyên răn* (bài 43) là bài thơ Nôm Đường luật viết theo thể thất ngôn xen lục ngôn của Nguyễn Trãi trong tập thơ *Quốc âm thi tập*. Bài thơ được đặt trong mục *Gương báu khuyên răn*, gồm 61 bài mang nội dung giáo huấn nhưng đồng thời thể hiện tình yêu thiên nhiên, khát vọng về một đất nước phồn vinh, về cuộc sống ấm no cho người dân và những trăn trở thế thái, nhân tình.

– Đọc trước bài thơ, tìm hiểu kĩ các chú thích để hiểu rõ các từ Việt cổ.

## 2 Đọc hiểu

Rồi(1) hóng mát thuở ngày trường(2),
Hoè(3) lục đùn đùn tán rợp giương(4).
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ(5),
Hồng liên(6) trì(7) đã tiễn(8) mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ(9),
Dắng dỏi(10) cầm ve(11) lầu tịch dương(12).
Lẽ có(13) Ngu cầm(14) đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi(15) phương.

Chú ý số chữ trong các câu; những từ thuần Việt; động từ; từ chỉ màu sắc, hương vị, âm thanh trong bài thơ.

Tiếng đàn Ngu cầm và mong ước của Nguyễn Trãi có mối liên hệ như thế nào?

(Theo *Nguyễn Trãi – Quốc âm thi tập*, PHẠM LUẬN phiên âm và chú giải, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

(1) *Rồi*: nhàn, rỗi.
(2) *Thuở ngày trường*: thuở ngày dài.
(3) *Hoè*: một loại cây mùa hè ra hoa có màu vàng tươi. Hình tượng cây hoè xum xuê, tươi tốt là biểu trưng cho sự thanh bình, phát đạt, sum họp.
(4) *Tán rợp giương*: tán cây toả rộng che rợp mặt đất.
(5) Cây thạch lựu nở hoa đỏ thắm vào mùa hè (*thức*: màu).
(6) *Hồng liên*: sen hồng.
(7) *Trì*: ao.
(8) *Tiễn*: đầy, thừa; nghĩa trong câu là ngát hoặc nức. *Tiễn mùi hương*: ngát mùi hương.
(9) *Làng ngư phủ*: làng nghề chài lưới đánh bắt cá.
(10) *Dắng dỏi*: tiếng kêu liên tục không dứt.
(11) *Cầm ve*: tiếng ve kêu như tiếng đàn.
(12) *Tịch dương*: nắng chiều.
(13) *Lẽ có*: mong có được.
(14) *Ngu cầm*: đàn của vua Ngu Thuấn. *Ngu* là tên một triều đại huyền thoại do vua Thuấn lập nên, nơi đây xã hội thanh bình, người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Vua Thuấn gảy đàn ca khúc *Nam phong*, có câu: "Gió nam mát mẻ / Làm cho dân ta bớt ưu phiền / Gió nam thổi đúng lúc / Khiến cho dân ta thêm sung túc".
(15) *Đòi*: nhiều, muôn.

**1.** Tìm hiểu nhan đề và nội dung chính của bài thơ *Gương báu khuyên răn* (bài 43).

**2.** Nhận biết vai trò của các từ chỉ màu sắc, âm thanh, từ láy và phép đối trong việc thể hiện cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống trong bài thơ.

**3.** Phân tích mối quan hệ giữa cảnh và tình trong bài thơ *Gương báu khuyên răn* (bài 43).

**4.** Theo em, bài thơ đã thể hiện tâm trạng và mong ước gì của Nguyễn Trãi? Những thông tin nào về cuộc đời và con người Nguyễn Trãi giúp em hiểu rõ hơn điều đó?

**5.** Điểm khác biệt về hình thức của bài thơ này so với các bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật là gì? Nêu ý nghĩa của sự khác biệt đó.

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**1.** Hai câu in đậm dưới đây áp dụng biện pháp tu từ nào để khẳng định chủ quyền quốc gia và nền độc lập của nước ta? Tên các triều đại Việt Nam, Trung Hoa được sắp xếp như thế nào?

*Núi sông bờ cõi đã chia,*
*Phong tục Bắc Nam cũng khác.*
***Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,***
***Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.***
*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,*
*Song hào kiệt đời nào cũng có.*

(Nguyễn Trãi)

**2.** Tìm và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ liệt kê mà Nguyễn Trãi đã sử dụng trong văn bản *Đại cáo bình Ngô* để:

a) Lên án giặc ngoại xâm.

b) Thể hiện quyết tâm giành lại non sông của chủ tướng Lê Lợi.

c) Nói lên khó khăn, thử thách mà nghĩa quân đã trải qua.

d) Miêu tả thất bại thảm hại của quân giặc.

e) Ca ngợi chiến thắng vang dội của quân ta.

**3.** Tìm biện pháp liệt kê trong các câu dưới đây. Ngoài cách sắp xếp từ ngữ trong phép liệt kê của tác giả, em có thể sắp xếp lại như thế nào? Giải thích cách sắp xếp từ ngữ của em.

a) *Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng người dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tuỵ cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc.* (Phạm Văn Đồng)

b) *Kỉ niệm Nguyễn Trãi là nhớ Nguyễn Trãi, nhắc Nguyễn Trãi, làm quen với Nguyễn Trãi hơn nữa: người làm chính trị, người làm quân sự, người nghiên cứu lịch sử nước nhà, người làm văn, làm thơ đều nên hiểu biết, học hỏi Nguyễn Trãi hơn nữa.* (Phạm Văn Đồng)

c) *Muốn biến hoài bão đó thành hiện thực thì trong hành trang của chúng ta càng cần đến tính cần cù, lòng hiếu học, trí thông minh.* (Vũ Khoan)

**4.** Hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu ý kiến của em về giọng văn hào hùng của *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi); trong đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ liệt kê.

## VIẾT

# VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

### 1 Định hướng

a) Kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội đã được học ở Bài 1. Ở đây, các em tiếp tục rèn luyện viết bài nghị luận xã hội bàn về một tư tưởng, đạo lí. Đọc văn bản sau đây và lí giải: Vì sao văn bản này được coi là bài nghị luận về một vấn đề xã hội?

Sự nghiệp anh hùng của một dân tộc bao gồm sự nghiệp của những người trí thức.

Nguyễn Trãi luôn coi mình là trí thức và ông đã có những đóng góp vẻ vang của người trí thức vào sự nghiệp của dân tộc anh hùng. Là trí thức, đó là niềm vinh dự và đó cũng là nỗi khổ đau đã theo đuổi Nguyễn Trãi suốt cả cuộc đời [...].

Ưu hoạn[1] của Nguyễn Trãi là ưu hoạn của người gắn bó với nhân dân, là ưu hoạn của bản thân nhân dân, là ưu hoạn đã tạo nên chính sự nghiệp của người trí thức.

Văn bản bàn về vấn đề gì?

Xác định luận điểm của văn bản.

(1) *Ưu hoạn*: ưu tư và hoạn nạn (*ưu*: lo, buồn; *hoạn*: tai hoạ, hoạn nạn). Ở đây có thể hiểu là nỗi lo lắng, buồn đau.

Sao có thể gọi là trí thức những kẻ chỉ lo lắng cho bản thân và chỉ băn khoăn trước sự mất còn nhỏ nhặt của cuộc sống?

Sao có thể gọi là trí thức những kẻ không ra khỏi cái vỏ ốc của thân phận mình, không thấy được lẽ sống của nhân loại, không xác định được trách nhiệm trước vận mệnh của Tổ quốc và nhân dân?

Khi Trần Hưng Đạo "ngày quên ăn, đêm quên ngủ, nước mắt đầm đìa, lòng đau như cắt" thì ưu hoạn của ông chính là ưu hoạn của người trí thức anh hùng trước sự tàn bạo của quân thù và nguy cơ diệt vong của cả dân tộc.

Đau khổ của người trí thức chân chính là đau khổ được nhân lên gấp đôi, bởi đó là đau khổ của nhân dân được cộng thêm những suy tư của người trí thức.

Nguyễn Trãi đã suốt đời suy tư trước nỗi đau khổ của nhân dân. Bao nhiêu bài thơ đã phản ánh những suy tư ấy của Nguyễn Trãi trước cảnh nước mất, nhà tan, quân thù bạo ngược:

*Bình sinh độc bão tiên ưu niệm,*
*Toạ ủng hàn khâm dạ bất miên.*
(Suốt đời ôm mãi lòng "lo trước",
Chăn lạnh choàng vai thức suốt đêm.)

(*Hải khẩu dạ bạc hữu cảm* –
Cảm xúc trong đêm đậu thuyền ở cửa biển)

Khác hẳn với những nhà nho đương thời mà một bộ phận đã theo giặc, một bộ phận khác đi với các vua Hậu Trần, Nguyễn Trãi tìm đến Lê Lợi, một người áo vải ở Lam Sơn. Người ấy chẳng thuộc dòng họ vua chúa nào, nhưng lại có khả năng tập hợp quảng đại nhân dân để giải phóng đất nước. Chẳng ngại mình là cháu ngoại của nhà Trần, lại đã đỗ tiến sĩ và làm quan Ngự sử của triều cũ, Nguyễn Trãi đã tình nguyện suốt đời chiến đấu trung thành dưới cờ của Lê Lợi.

(Vũ Khiêu, *Người trí thức từ tinh hoa của dân tộc*,
in trong *Kỉ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi*,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982)

Chỉ ra các lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.

Nhận biết các thao tác: giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ, so sánh,...

Nhận biết các tri thức về bối cảnh lịch sử, văn hoá, hiểu biết về Nguyễn Trãi được nêu trong bài.

b) Để viết được bài nghị luận về một vấn đề xã hội bàn về một tư tưởng, đạo lí, các em cần chú ý:

– Lựa chọn một vấn đề tư tưởng, đạo lí nổi bật trong đời sống xã hội để làm đề tài cho bài nghị luận. Loại đề nghị luận này thường thông qua các câu danh ngôn,

tục ngữ, ca dao hoặc lời phát biểu nổi tiếng của các nhân vật lịch sử,... để yêu cầu người viết bàn luận, làm rõ.

– Nên tìm tòi các vấn đề tư tưởng, đạo lí có tính thời sự và liên quan đến thế hệ trẻ. Ví dụ như: lí tưởng sống của thanh niên xưa và nay, quan niệm về lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc của lớp trẻ thời kì hội nhập,…

– Tìm hiểu kĩ vấn đề được lựa chọn, xác định nội dung cần trình bày.

– Tìm ý và lập dàn ý cho bài viết: xác định luận đề, các luận điểm, lựa chọn dẫn chứng. Bố cục bài viết theo ba phần; các luận điểm, lí lẽ được triển khai phải gắn bó mật thiết và xuất phát từ luận đề đã nêu. Các dẫn chứng có thể lấy từ đời sống, trong lịch sử và trong tác phẩm văn học.

– Xác định rõ thái độ, tình cảm khi bàn luận về vấn đề đã nêu. Vận dụng được kiến thức và những trải nghiệm trong thực tế để bài viết trở nên sâu sắc và có ý nghĩa xã hội hơn.

## 2 Thực hành

Bài tập(*): *Quan niệm của em về lòng yêu nước.*

a) Chuẩn bị

– Xác định yêu cầu của đề. Xem lại mục *1. Định hướng* ở trên.

– Tìm hiểu quan niệm và những biểu hiện cụ thể (con người, sự việc, nhân vật, sự kiện,...) về lòng yêu nước, tự hào dân tộc trong cuộc sống và trong lịch sử dựng nước, giữ nước từ xưa đến nay của dân tộc ta.

– Liên hệ với một số tác phẩm văn học đã học, đã đọc viết về lòng yêu nước (từ văn học dân gian đến văn học viết).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

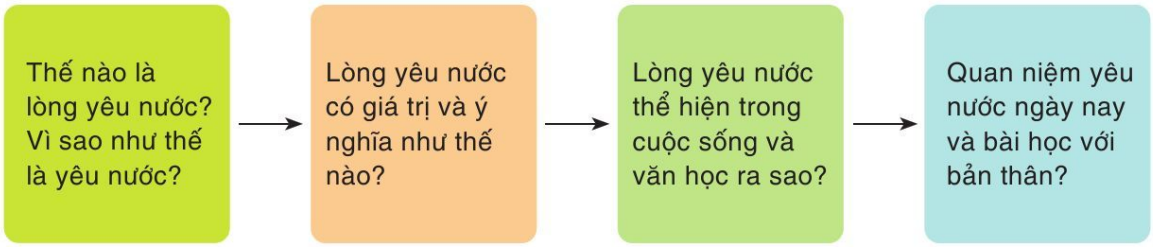


(*) Trong mục *2. Thực hành* của các phần *Viết*, *Nói và nghe*, các bài tập nêu lên chỉ là những ví dụ.

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn và sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

| | |
|---|---|
| **Mở bài** | Dẫn dắt và nêu vấn đề xã hội cần nghị luận. Có thể dẫn dắt vào bài bằng nhiều cách khác nhau như trích các câu thơ viết về lòng yêu nước; dẫn ra những tấm gương hi sinh cao cả vì Tổ quốc; trích câu nói nổi tiếng về lòng yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh hoặc các danh nhân từ xưa đến nay;... từ đó, nêu vấn đề cần nghị luận. |
| **Thân bài** | + Nêu quan niệm (ý kiến) của em về lòng yêu nước. Lí giải (nêu lí lẽ) vì sao như thế là yêu nước.<br>+ Dẫn ra và phân tích các biểu hiện về lòng yêu nước (bằng chứng): Các biểu hiện trong lịch sử dân tộc từ xưa đến nay; biểu hiện trên nhiều lĩnh vực như trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lao động xây dựng đất nước, học tập, nghiên cứu khoa học hoặc trong lĩnh vực thể thao, văn hoá,... Cũng có thể dẫn ra một số tác phẩm thơ văn viết về lòng yêu nước đã học.<br>+ Phân tích giá trị và ý nghĩa của lòng yêu nước.<br>+ Nêu lên các quan niệm khác nhau, chứng minh hoặc bác bỏ cách hiểu chưa đúng về lòng yêu nước, so sánh những biểu hiện giống và khác nhau về lòng yêu nước, nhất là lòng yêu nước, tự hào dân tộc trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước thời kì hội nhập quốc tế ngày nay,...<br>+ Chỉ ra điểm mới trong quan niệm về lòng yêu nước trong thời đại ngày nay. |
| **Kết bài** | + Khẳng định lại ý nghĩa và giá trị của lòng yêu nước.<br>+ Phát biểu suy nghĩ và cách thức thể hiện lòng yêu nước, tự hào dân tộc của cá nhân mình. |

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã lập, có thể viết các đoạn văn hoặc cả bài văn theo yêu cầu của đề. Chẳng hạn:

+ Rèn luyện viết mở bài, kết bài.

+ Viết đoạn văn triển khai các biểu hiện sinh động về tinh thần yêu nước qua một số tấm gương về con người, sự việc cụ thể từ xưa đến nay trong một lĩnh vực nào đó (chiến đấu, học tập, nghiên cứu, thể thao hoặc xây dựng đất nước,...).

+ Viết đoạn văn phân tích lòng yêu nước biểu hiện qua một số tác phẩm thơ văn đã học.

+ Viết đoạn văn trao đổi, chứng minh, phản bác những quan niệm chưa đúng về lòng yêu nước qua một số ví dụ cụ thể thường thấy trong cuộc sống.

+ Viết bài văn hoàn chỉnh.

– Trong khi viết, các em cần chú ý:

+ Lấy dẫn chứng trong cả cuộc sống và các tác phẩm văn học, nêu và phân tích các dẫn chứng ấy để làm rõ vấn đề (tránh việc chỉ nêu ra các dẫn chứng mà không phân tích, nhận xét).

+ Phát biểu cảm nghĩ và quan niệm của cá nhân về lòng yêu nước một cách trung thực, giản dị, tránh hô hào, khuôn sáo, bắt chước,...

+ Trích dẫn cần chính xác, tôn trọng ý kiến của người khác, phải trích dẫn theo đúng quy định, tránh việc chép lại ý và lời văn của người khác.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu bài văn đã viết với mục *1. Định hướng* và dàn ý ở trên để phát hiện và sửa lỗi theo yêu cầu sau:

| Nội dung kiểm tra | Yêu cầu cụ thể |
|---|---|
| Bố cục ba phần | – Mở bài: Đã giới thiệu được vấn đề xã hội cần bàn luận chưa?<br>– Thân bài:<br>+ Có nêu được quan niệm về lòng yêu nước và lí giải vì sao như thế là yêu nước không?<br>+ Đã dẫn ra và phân tích các biểu hiện về lòng yêu nước trong lịch sử dân tộc từ xưa đến nay trên nhiều lĩnh vực chưa?<br>+ Có nêu ra được các biểu hiện của yêu nước ngày nay không?<br>– Kết bài: Đã khẳng định lại ý nghĩa, giá trị của lòng yêu nước và phát biểu cảm nghĩ của cá nhân về vấn đề yêu nước chưa? |
| Các lỗi còn mắc | – Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý,...<br>– Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt. |
| Đánh giá chung | – Bài viết đáp ứng yêu cầu ở mức độ nào?<br>– Em thấy hứng thú hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong tiến trình thực hành viết? |

## NÓI VÀ NGHE

# THUYẾT TRÌNH VÀ THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI

### 1 Định hướng

a) Ở Bài 1, các em đã luyện tập thuyết trình và thảo luận về một vấn đề xã hội có thực trong cuộc sống hoặc được gợi ra từ một hay một số tác phẩm văn học.

Phần này tiếp tục luyện tập thuyết trình và thảo luận về một vấn đề xã hội nhưng là vấn đề tư tưởng, đạo lí.

b) Để thuyết trình, thảo luận về một vấn đề xã hội, các em cần chú ý:

– Lựa chọn vấn đề thuyết trình (những tư tưởng, đạo lí có ý nghĩa thời sự, ảnh hưởng tới đời sống xã hội, được nhiều người quan tâm,...) như đã gợi ý trong phần *Viết* ở trên.

– Tìm hiểu kĩ nội dung vấn đề cần thuyết trình, tránh trường hợp không phù hợp với thời gian.

– Xác định rõ người nghe bài thuyết trình là ai để có cách trình bày phù hợp.

– Xác định thời lượng trình bày bài thuyết trình.

– Chuẩn bị dàn ý cho bài thuyết trình, tránh viết thành văn để đọc.

– Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

– Người nghe chuẩn bị vấn đề và câu hỏi để tham gia thảo luận. Người nghe cũng có thể đề xuất các vấn đề mà bản thân thấy cần được đưa ra thảo luận. Tuy nhiên, chú ý về thời gian cho phép của buổi thuyết trình.

## 2 Thực hành

Bài tập: *Hãy thuyết trình quan niệm của em về lòng yêu nước.*

a) Chuẩn bị

– Dựa vào dàn ý phần *Viết* ở trên để thuyết trình.

– Sắp xếp lại tranh, ảnh, chuẩn bị video, máy tính, máy chiếu phục vụ cho buổi thuyết trình (nếu có).

– Trao đổi với bạn trong nhóm về nội dung và hướng trình bày, thuyết trình.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Bổ sung, chỉnh sửa dàn ý cho bài thuyết trình.

– Lựa chọn, bổ sung, thêm bớt nội dung cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian và điều kiện thuyết trình.

c) Nói và nghe

– Người chủ trì: Nêu vấn đề, thống nhất cách thức trình bày, thảo luận (ví dụ: mục đích, nội dung chính, yêu cầu,…), mời người nói trình bày ý kiến.

| Người nói | Người nghe |
|---|---|
| – Giới thiệu bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.<br>– Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; điều chỉnh giọng nói và ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ,...) cho phù hợp với bối cảnh và người nghe; sử dụng hình ảnh, sơ đồ minh hoạ (nếu cần thiết) đúng thời gian quy định.<br>– Đảm bảo sự phù hợp, thống nhất giữa nội dung với hình thức và các phương tiện hỗ trợ thuyết trình. Chú ý cách diễn đạt sao cho hấp dẫn người nghe và tạo vấn đề để thảo luận.<br>– Đặt câu hỏi hoặc trả lời các câu hỏi người khác đặt ra về vấn đề vừa thuyết trình. | – Nghe một cách chăm chú; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.<br>– Lĩnh hội đầy đủ và ghi chép lại những ý tưởng, thông tin chính của bài thuyết trình.<br>– Chuẩn bị các nội dung cần hỏi (nếu có), các ý kiến phản biện, tranh luận về nội dung bài thuyết trình; ghi lại nhận xét, cảm nhận về vấn đề xã hội được người nói trình bày,... |

– Thảo luận: Sau khi người nói trình bày xong, người chủ trì mời người nghe phát biểu ý kiến hoặc nêu câu hỏi, tranh luận,…

– Kết thúc thảo luận: Người chủ trì tổng hợp ý kiến của cả nhóm về vấn đề thảo luận, những điểm đã thống nhất và những điểm còn tranh luận (nếu có).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

| Người nói | Người nghe |
|---|---|
| – Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:<br>+ Đã trình bày đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong đề cương chưa?<br>+ Cách thức trình bày, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ,... có phù hợp không?<br>+ Hiệu quả sử dụng các phương tiện hỗ trợ như thế nào?<br>– Đánh giá chung: những thành công và hạn chế của bài thuyết trình; hướng khắc phục, sửa chữa. | – Kiểm tra kết quả nghe:<br>+ Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa?<br>+ Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức giới thiệu một vấn đề xã hội?<br>– Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:<br>+ Đã chú ý và tôn trọng người nói chưa?<br>+ Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |

## TỰ ĐÁNH GIÁ

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu (từ câu 1 đến câu 8) bên dưới:**

# Thư dụ Vương Thông lần nữa

*(Tái dụ Vương Thông thư(*))*

① Kính cẩn gửi thư tới trước cửa quân của quan Tổng binh cùng các vị đại nhân!

Kể ra người dùng binh(1) giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi. Được thời có thế, thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển nguy. Sự thay đổi ấy chỉ ở trong khoảnh khắc trở bàn tay mà thôi. Nay các ông không hiểu rõ thời thế, lại trang sức bằng lời dối trá, thế chẳng phải là hạng thất phu(2) hèn kém ư? Sao đáng để cùng bàn việc binh được?

② Trước đây, các ông bề ngoài thì giả cách giảng hoà, bên trong ngầm mưu gian trá, cứ đào hào, đắp luỹ, ngồi đợi viện binh, tâm tính không minh bạch, trong ngoài lại khác nhau, sao có thể khiến ta tin tưởng mà không nghi ngờ cho được. Cổ nhân có câu: "Bụng dạ người khác, ta lường đoán biết.", nghĩa là thế đó. [...]

Sự thế ngày nay, cho dẫu ngôi cao(3) có đem quân cả nước sang chăng nữa, cũng chỉ thúc nhanh sự bại vong mà thôi, huống là Trương Phụ(4) chỉ tự đến nộp mạng thì đâu có gì đáng nói!

[...] Nay các ông kế cùng lực kiệt, quân sĩ nhọc mệt, trong thiếu lương thực, ngoài không viện binh, bám hờ cụm đất nhỏ nhoi, nghỉ tạm cái thành trơ trọi, há chẳng phải như thịt trên thớt, cá trong nồi sao? Thế mà lại còn muốn lừa dối dân nước ta, dụ dỗ những điều phi nghĩa. Họ là những kẻ trung thần nghĩa sĩ, ngay cả khi thời cùng vận khốn, "nếm mật nằm gai", cũng còn chẳng chịu mưu đồ kia khác, lẽ nào ngày nay lại đi tin nghe những lời bất nghĩa của bọn các ông hay sao? Chỉ e người Nam trong thành nhớ mến chủ cũ(5), cũng như người Ngô ở đây không kham

---

(*) Nhan đề bức thư là do người đời sau đặt. *Tái*: lần nữa; *dụ*: lời bảo ban, khuyên nhủ; *Vương Thông*: quan Tổng binh, thống lĩnh quân đội nhà Minh từ tháng 9-1426 đến tháng 12-1427 trong cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt.

(1) *Dùng binh*: sử dụng quân đội trong chiến trận.

(2) *Thất phu*: người đàn ông tầm thường.

(3) *Ngôi cao*: chỉ vua nhà Minh.

(4) *Trương Phụ*: tướng nhà Minh, đem quân xâm lược nước ta (1406 – 1407), đánh bại quân đội của Hồ Quý Ly, đàn áp nhiều cuộc khởi nghĩa của Đại Việt.

(5) *Chủ cũ*: ở đây nói người nước Nam (Đại Việt) ở thành Đông Quan tuy tạm sống trong vùng quân Minh chiếm đóng nhưng lòng vẫn nhớ chủ cũ là vua nhà Trần.

nổi khốn khổ, họ sẽ cùng hùa hại lại các ông rồi dẫn nhau ra hàng, giống như Trương Phi, Lã Bố[1], lại bị chính thuộc hạ giết hại, đó là lẽ tất nhiên thôi.

Nay ở các thành, từ Đô ti[2] trở xuống, đều căm giận bọn các ông đã lừa dối họ, ai cũng buông lời oán thán. Hoặc đã có người hiến kế hạ thành, lại có kẻ trèo luỹ trốn ra ngoài, chế tạo chiến cụ, sửa đóng xe thang. Ngay bọn người đang bị khốn ấy sẽ giết lẫn nhau, hà tất phải đợi đến quân sĩ của ta nữa.

Nay ta suy tính hộ các ông thì có sáu điều phải thua.

Nước lũ mùa hạ chảy tràn, cầu sàn, rào luỹ sụp lở, củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết, quân ốm. Đó là điều phải thua thứ nhất!

[...] Nay các con đường, cửa ải xa xôi hiểm trở đều bị binh lính và voi chiến của ta dồn giữ, nếu viện binh có đến, thì cũng muôn phần tất phải thua; viện binh đã thua, bọn các ông tất bị bắt. Đó là điều phải thua thứ hai!

Nước ông quân mạnh, ngựa khoẻ, nay đều đóng cả ở biên giới phía bắc để phòng bị quân Nguyên, không rỗi mà nhìn đến phương nam được. Đó là điều phải thua thứ ba!

Luôn luôn động binh đao, liên tiếp bày đánh dẹp, dân sống không yên, nhao nhao thất vọng. Đó là điều phải thua thứ tư!

Gian thần chuyên chính[3], bạo chúa giữ ngôi, người cốt nhục hại nhau, chốn cung đình sinh biến[4]. Đó là điều phải thua thứ năm!

Nay ta dấy nghĩa binh, trên dưới đồng lòng, anh hùng hết sức, quân sĩ càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng lại vừa đánh giặc. Còn quân sĩ trong thành thì đều mỏi mệt, tự chuốc bại vong. Đó là điều phải thua thứ sáu!

③ Nay giữ cái thành cỏn con để chờ sáu điều tất bại, ta lấy làm tiếc cho các ông lắm! Người xưa có câu: "Nước xa không thể cứu lửa gần.". Giá viện binh có đến, cũng chẳng ích gì cho sự bại vong. Trước, Phương Chính, Mã Kỳ chuyên làm điều hà khắc bạo ngược, dân chúng lầm than, thiên hạ oán thán. Đào phần mộ ở làng ấp ta, bắt vợ con của dân ta, người sống bị hại, người chết ngậm oan. Nếu các ông biết xét kĩ sự thế, nhận rõ thời cơ, chém lấy đầu Phương Chính, Mã Kỳ đem nộp trước cửa quân, thì sẽ tránh cho người trong thành khỏi bị giết, hàn gắn vết thương trong nước, hoà hảo lại thông, can qua[5] dứt hẳn. Nếu muốn kéo quân về nước, thì

---

(1) *Trương Phi, Lã Bố*: hai nhân vật trong tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* của nhà văn Trung Quốc La Quán Trung. Cả hai người do hà khắc với người dưới quyền nên bị họ làm phản, giết chết.
(2) *Đô ti*: chức quan thời Minh, nắm binh quyền của một tỉnh.
(3) *Chuyên chính*: nắm quyền cai trị độc đoán.
(4) *Chốn cung đình sinh biến*: chỉ việc chém giết lẫn nhau nhiều đời trong triều đình nhà Minh.
(5) *Can qua*: được dùng với nghĩa là chiến tranh, loạn lạc (*can*: cái mộc, *qua*: cái mác; đều là các binh khí dùng trong chiến trận).

cầu đường sửa sang, thuyền ghe sắm đủ, thuỷ bộ hai đường, tuỳ theo ý muốn, đưa quân ra khỏi cõi, yên ổn muôn phần. Ta sẽ giữ phận bề tôi, không thiếu chức cống.

Nếu như không nghe theo như thế, thì nên chỉnh quân bày trận, giao chiến với ta ở chốn đồng bằng, quyết một trận được thua, đặng xem tài hơn kém, chứ không nên ở chúi trong xó hang cùng, bắt chước cái lối đàn bà mà mang cái nhục khăn yếm như thế![1]

(NGUYỄN TRÃI, theo bản dịch trong *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập một, NXB Văn học, Hà Nội, 2001; có tham khảo *Tổng hợp văn học Việt Nam*, tập bốn, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995)

**1.** Sắp xếp lại các câu sau cho đúng với trình tự: luận điểm – lí lẽ – dẫn chứng mà Nguyễn Trãi đã trình bày trong bức thư.

a) Được thời có thế, thì mất biến thành còn, nhỏ hoá ra lớn; mất thời thất thế, thì mạnh hoá ra yếu, yên lại chuyển thành nguy.

b) Trước đây, các ông bề ngoài thì giả cách giảng hoà, bên trong ngầm mưu gian trá, cứ đào hào, đắp luỹ, ngồi đợi viện binh, tâm tính không minh bạch, trong ngoài lại khác nhau, sao có thể khiến ta tin tưởng mà không nghi ngờ cho được.

c) Kể ra người dùng binh giỏi là ở chỗ biết rõ thời thế mà thôi.

**2.** Bức thư của Nguyễn Trãi chỉ ra *sáu điều phải thua* của quân Minh. Em hãy điền vào vở những nội dung còn thiếu ở cột B rồi ghép thứ tự *điều phải thua* ở cột A với các nội dung ở cột B sao cho chính xác.

| A | B |
|---|---|
| a) Điều phải thua thứ nhất | 1) ... dân sống không yên, nhao nhao thất vọng. |
| b) Điều phải thua thứ hai | 2) Gian thần chuyên chính, bạo chúa giữ ngôi... |
| c) Điều phải thua thứ ba | 3) Nước lũ mùa hạ... củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết, quân ốm. |
| d) Điều phải thua thứ tư | 4) Nay các con đường, cửa ải xa xôi hiểm trở đều bị binh lính... bọn các ông tất bị bắt. |
| e) Điều phải thua thứ năm | 5) ... anh hùng hết sức, quân lính càng luyện, khí giới càng tinh... Còn quân sĩ trong thành thì đều mỏi mệt... |
| g) Điều phải thua thứ sáu | 6) ... nay đều đóng cả ở biên giới phía bắc... không rỗi mà nhìn đến phương nam được. |

(1) Ở đây, Nguyễn Trãi có ý nhắc đến câu chuyện trong *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung), hồi 103: Khổng Minh đóng quân ở gò Ngũ Thượng, dụ mãi quân Nguỵ không ra khiêu chiến, bèn cho người mang thư và tráp có đựng khăn, yếm và y phục của đàn bà đến cho Tư Mã Ý. "Cái nhục khăn yếm" chỉ việc kẻ nam nhi cư xử nhút nhát, yếu đuối như phụ nữ.

**3.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về thái độ của Nguyễn Trãi qua cách xưng hô với quân Minh?

A. Nguyễn Trãi đã quá nhún nhường trước kẻ thù khi quân ta đang ở thế mạnh hơn chúng.

B. Nguyễn Trãi có lúc tỏ ra tôn trọng kẻ thù nhưng rất kiên quyết khi chúng động chạm đến quyền lợi dân tộc.

C. Ông đã phân loại kẻ thù để có cách xưng hô tỏ thái độ rõ ràng với từng loại người. Ngay với Tổng binh Vương Thông, khi cần thiết Nguyễn Trãi vẫn có cách xưng hô cứng rắn mang tính cảnh cáo.

D. Mục đích của bức thư là nhằm mở đường cho kẻ thù rút quân về nước, chấm dứt chiến tranh, đem lại hoà bình, độc lập cho dân tộc nên sự nhún nhường trong cách xưng hô là hợp lí.

**4.** Trong *Thư dụ Vương Thông lần nữa*, có đoạn viết: "Trước, Phương Chính, Mã Kỳ chuyên làm điều hà khắc, bạo ngược, dân chúng lầm than, thiên hạ oán thán. Đào phần mộ ở làng ấp ta, bắt vợ con của dân ta, người sống bị hại, người chết ngậm oan. Nếu các ông biết xét kĩ sự thế, nhận rõ thời cơ, chém lấy đầu Phương Chính, Mã Kỳ đem nộp trước cửa quân, thì sẽ tránh cho người trong thành khỏi bị giết, hàn gắn vết thương trong nước, hoà hảo lại thông, can qua dứt hẳn.". Câu nào sau đây nêu đúng mục đích của đoạn thư trên?

A. Việc đòi chém Phương Chính, Mã Kỳ là điều kiện để hai bên giảng hoà, chấm dứt chiến tranh.

B. Tác giả kể tội Phương Chính, Mã Kỳ trong bức thư nhằm chia rẽ nội bộ kẻ địch, khiến chúng nghi kị, sát phạt lẫn nhau.

C. Đoạn văn lên án tội ác quân Minh, chỉ đích danh thủ phạm để người dân và binh lính người Việt trong thành căm phẫn nổi dậy, kết hợp trong ngoài cùng đánh thành.

D. Những câu văn đó thể hiện ý chí và quyết tâm của quân dân Đại Việt trong việc tiêu diệt quân Minh nếu chúng không chịu giảng hoà và rút quân về nước.

**5.** Từ những tư liệu mà em tìm hiểu được, hãy trình bày hoàn cảnh ra đời của *Thư dụ Vương Thông lần nữa* và cho biết quan điểm của Nguyễn Trãi được thể hiện trong bức thư.

**6.** Phân tích nghệ thuật lập luận được Nguyễn Trãi thể hiện trong bức thư (từ quan niệm thời thế, chỉ rõ âm mưu và tình thế của đối phương, vạch ra các nguyên nhân dẫn đến thất bại của chúng, tới việc đưa ra giải pháp kết thúc chiến tranh) để làm rõ

chiến lược "mưu phạt, tâm công" của nghĩa quân Lam Sơn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

**7.** Phân tích một số từ ngữ, hình ảnh trong bức thư để làm nổi bật tư thế, niềm tin, ý chí và tinh thần yêu chuộng hoà bình của cha ông ta trước kẻ thù xâm lược.

**8.** Bức thư giúp em hiểu biết thêm điều gì về tư tưởng và tài năng của Nguyễn Trãi?

## HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**1.** Truy cập Internet để tìm hiểu các thông tin về Nguyễn Trãi và các tác phẩm đã học:

– Thu thập tư liệu gồm: bài viết, hình ảnh, video liên quan.

– Đánh giá tư liệu: Các thông tin này đã đầy đủ và phù hợp chưa? Không sử dụng tư liệu nếu: a) Không có thông tin liên quan đến đề tài; b) Thông tin đó không có nguồn tin cậy và không chính xác.

**2.** Đọc thêm một số bài nghị luận xã hội thời trung đại và các bài viết liên quan đến bài học này như:

– *Lại thư trả lời Phương Chính* (Thư số 5), *Lại thư cho Vương Thông* (Thư số 37),... trong *Quân trung từ mệnh tập*, *Văn bia Vĩnh Lăng*; một số bài thơ trong *Ức Trai thi tập* và *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi.

– Các bài viết về Nguyễn Trãi và thơ văn của ông.

BÀI 6

# TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN

## YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết, phân tích được giá trị nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng,...) và một số yếu tố hình thức (điểm nhìn nghệ thuật, người kể chuyện hạn tri và người kể chuyện toàn tri, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...) của tiểu thuyết và truyện ngắn.
- Nhận biết được đặc điểm, tác dụng và biết sử dụng biện pháp tu từ chêm xen.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện.
- Biết giới thiệu, đánh giá một tác phẩm truyện.
- Biết quý trọng giá trị của hoà bình; xúc động trước những tình cảm cao quý, phẩm chất tốt đẹp và cảm thông, chia sẻ với những người đã chịu nhiều mất mát, hi sinh.

## KIẾN THỨC NGỮ VĂN

### 1. Tiểu thuyết và truyện ngắn

Tiểu thuyết và truyện ngắn đều thuộc loại tác phẩm truyện.

– Tiểu thuyết là tác phẩm tự sự cỡ lớn. Tiểu thuyết có khả năng phản ánh đời sống rộng lớn, không bị giới hạn về không gian và thời gian; cốt truyện phức tạp, được xây dựng trên nhiều sự kiện, cảnh ngộ, nhiều mối xung đột; miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng. Tiểu thuyết có nhiều loại, ở Bài 6 tập trung vào tiểu thuyết chương hồi.

– Truyện ngắn là thể loại tự sự cỡ nhỏ. Truyện ngắn hướng tới khắc hoạ một hiện tượng trong đời sống; cốt truyện thường diễn ra trong thời gian, không gian hạn chế; kết cấu không nhiều tầng, nhiều tuyến; thường có ít nhân vật. Truyện ngắn thu hút người đọc bởi nội dung cô đúc, chi tiết có sức ám ảnh, ý tưởng sắc sảo được thể hiện qua tình huống bất ngờ, lời văn hàm súc, mang nhiều ẩn ý.

**2. Điểm nhìn nghệ thuật, người kể chuyện hạn tri, người kể chuyện toàn tri[1]**

– Điểm nhìn nghệ thuật là thuật ngữ dùng để chỉ vị trí quan sát của người kể chuyện trong tương quan với nhân vật, sự việc được trần thuật.

– Người kể chuyện hạn tri thường là người kể chuyện theo ngôi kể thứ nhất. Người kể chuyện hạn tri thường trực tiếp tham dự hoặc chứng kiến các sự việc xảy ra trong truyện nên vị trí quan sát, miêu tả, trần thuật,... bị giới hạn. Vì người kể chuyện đồng thời là một nhân vật trong truyện nên không biết được những diễn biến trong suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật khác; thường bày tỏ quan điểm và thái độ chủ quan khi thuật chuyện. Ví dụ: Trong truyện ngắn *Ngày cuối cùng của chiến tranh* (Vũ Cao Phan), phần lớn thông tin cung cấp cho người đọc đến từ trải nghiệm cá nhân và khả năng quan sát, cảm nghĩ của người kể chuyện xưng "tôi".

Trần thuật từ điểm nhìn hạn tri có ưu điểm là tạo được hiệu quả về tính trực tiếp như đang chứng kiến các sự việc xảy ra ở hiện trường, có cơ hội để đi sâu khai thác thế giới nội tâm nhân vật – người kể. Tuy nhiên, điểm nhìn này lại hạn chế trong việc phản ánh toàn cảnh bức tranh xã hội, môi trường hoạt động và tâm lí của các nhân vật khác.

– Người kể chuyện toàn tri thường là người kể chuyện theo ngôi thứ ba. Người kể chuyện toàn tri không trực tiếp tham gia câu chuyện nhưng là người quan sát toàn năng, biết hết tất cả mọi việc; biết rõ hoàn cảnh, lai lịch, cảm giác, suy nghĩ và hành động của các nhân vật. Ví dụ: Người kể chuyện trong các tiểu thuyết chương hồi như *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Tam quốc diễn nghĩa* (La Quán Trung) biết rất rõ sự việc, diễn biến và kết cục tất yếu của mọi chuyện và thường tự tin đưa ra các nhận xét, bình luận về nhân vật, sự việc,... Trong truyện *Người ở bến sông Châu* (Sương Nguyệt Minh), người kể chuyện có khả năng di chuyển điểm nhìn linh hoạt, thâm nhập vào đời sống nội tâm phức tạp của các nhân vật. Ở truyện ngắn này, người kể chuyện toàn tri thường mượn quan điểm, thái độ, cảm giác của nhân vật Mai để kể chuyện. Bằng cách này, điểm nhìn nghệ thuật có sự đan xen, chuyển đổi từ điểm nhìn bên ngoài (tác giả) sang điểm nhìn bên trong (nhân vật Mai) và ngược lại.

Trần thuật từ điểm nhìn toàn tri rất linh hoạt và được dùng rất rộng rãi. Bởi lẽ, trần thuật từ điểm nhìn toàn tri giúp người đọc biết được nhiều thông tin hơn, rõ hơn về nhân vật và sự việc so với việc kể chuyện từ điểm nhìn hạn tri. Tuy nhiên, người đọc ít có được cảm giác kết nối trực tiếp, gần gũi với nhân vật như trần thuật từ điểm nhìn hạn tri.

**3. Biện pháp tu từ chêm xen**

Chêm xen là biện pháp tu từ, theo đó, tác giả xen thêm một thành phần biệt lập ngay sau bộ phận thể hiện thông tin chính trong câu để bổ sung ý nghĩa hoặc gia tăng tính hình tượng, sắc thái biểu cảm cho câu. Bộ phận chêm xen thường được tách biệt bằng các dấu phẩy, dấu gạch ngang hay dấu ngoặc đơn. Ví dụ:

(1) *Hạn tri*: biết có hạn; *toàn tri*: biết hết (*tri*: biết).

a) *Cô bé nhà bên (có ai ngờ)*
*Cũng vào du kích.*
*Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích*
*Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi!).*

(Giang Nam)

b) *Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt – cái giống hoa ngay khi mới nở, màu sắc đã nhợt nhạt.* (Nguyễn Minh Châu)

## ĐỌC

### Đọc hiểu văn bản

# KIÊU BINH NỔI LOẠN

(Trích *Hoàng Lê nhất thống chí*)[1]

NGÔ GIA VĂN PHÁI[*]

### 1 Chuẩn bị

– Đọc phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.[**]

– Cần lưu ý: Tiểu thuyết chương hồi xuất hiện đầu tiên và thịnh hành ở Trung Quốc khoảng từ thế kỉ XIV đến cuối thế kỉ XVIII. Đặc điểm nổi bật của tiểu thuyết chương hồi là sự phân chia tác phẩm thành những hồi khác nhau. Mỗi hồi đều có tiêu đề khái quát nội dung được trình bày trong hồi. Kết thúc mỗi hồi thường có câu thơ mang tính chất bình luận. Sau những câu thơ là những lời gắn kết hồi trước với hồi sau, kích thích sự quan tâm, chú ý của người đọc. Tiểu thuyết chương hồi thường chú ý đến các sự kiện, tình huống bất ngờ, gây hồi hộp, căng thẳng, thú vị. Trong tiểu thuyết chương hồi, tính cách nhân vật được thể hiện tương đối nhất quán, rõ ràng thông qua đối thoại và hành động.

– Khi đọc văn bản *Kiêu binh nổi loạn*, các em cần chú ý:[***]

+ Đoạn trích có những nhân vật và sự kiện nào nổi bật? Các nhân vật và sự kiện đó có liên quan đến lịch sử hay được tác giả hư cấu?

+ Nội dung (đề tài, chủ đề) và những hình thức nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích là gì?

---

(*) *Ngô gia văn phái*: một nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì, làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam Thượng (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội), trong đó, Ngô Thì Chí (1753 – 1788), Ngô Thì Du (1772 – 1840) là hai tác giả chính.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản tiểu thuyết chương hồi khác trong Bài 6, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

(1) *Hoàng Lê nhất thống chí*: ghi chép về công cuộc thống nhất của vương triều nhà Lê.

+ Nội dung đoạn trích mang lại cho em những hiểu biết, suy nghĩ và tình cảm gì?

– Đọc trước văn bản *Kiêu binh nổi loạn* và tìm hiểu thêm thông tin về nhóm tác giả Ngô gia văn phái, tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

*Hoàng Lê nhất thống chí* là tác phẩm viết bằng chữ Hán theo hình thức tiểu thuyết chương hồi. Nội dung chính của *Hoàng Lê nhất thống chí* phản ánh thời kì lịch sử khoảng 30 năm, từ khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa (1768) đến lúc Nguyễn Ánh lên ngôi vua (1802). Tác phẩm tái hiện một cách phong phú, sinh động bức tranh xã hội trong thời kì khủng hoảng triền miên, dẫn đến sự sụp đổ của các tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh và khí thế quật khởi, tinh thần quyết liệt chống thù trong giặc ngoài của phong trào khởi nghĩa Tây Sơn do Nguyễn Huệ đứng đầu.

Đoạn trích *Kiêu binh nổi loạn* dưới đây thuộc *Hồi thứ hai* của tác phẩm, kể chuyện kiêu binh nổi loạn, giết Quận Huy Hoàng Đình Bảo, phế Trịnh Cán, lập Trịnh Tông lên ngôi chúa.

## 2 Đọc hiểu

① Thế tử[1] có người đầu bếp tên là Dự Vũ, vốn là người cơ trí[2], nói năng rành mạch. Một hôm, thế tử hỏi bên ngoài lòng người ra sao, Dự Vũ đáp:

Người kể chuyện là ai?

– Nhà chúa bỏ con cả, lập con út, thiên hạ đều căm ghét, nhất là quân lính lại càng bất bình lắm. Hôm nọ, trong khi tân chúa lên ngôi, theo lệ có ban tiền bạc cho các quân sĩ, nhưng trong quân nhao nhao, có kẻ không chịu nhận tiền ấy. Sau, Quận Huy phải ra lệnh nghiêm cấm, họ mới miễn cưỡng nghe theo, mà trong lòng vẫn còn hậm hực.

Thế tử mừng thầm, đem chuyện ấy bàn với một viên gia thần[3] tên là Gia Thọ. Thọ người làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, cũng là kẻ tinh khôn, hắn nói với thế tử:

Người kể chuyện nhận xét gì về đầu bếp, gia thần của Trịnh Tông?

– Lòng người như thế, nếu lấy nghĩa khí mà khích động, khiến cho họ một lòng tôn phù[4], thì việc lớn ắt thành.

Thế tử mừng lắm, bèn sai Dự Vũ làm cơm rượu, mời bọn biện lại[5] trong đám thân quân[6] tới đánh chén, rồi nói với họ rằng:

---

(1) *Thế tử*: con trai được chọn để nối nghiệp chúa, ở đây chỉ Trịnh Tông.

(2) *Cơ trí*: người có nhiều mưu trí, biết ứng phó linh hoạt.

(3) *Gia thần*: người giúp việc trong gia đình vua chúa, quan lại, ở đây chỉ thuộc hạ thân tín của Trịnh Tông.

(4) *Tôn phù*: (*tôn*: kính trọng; *phù*: giúp đỡ) ở đây chỉ việc phe Trịnh Tông mong muốn kiêu binh xem trọng và giúp đỡ để đoạt lấy ngôi chúa từ phe Trịnh Cán.

(5) *Biện lại*: người giữ việc biên chép trong tổ chức hành chính thời phong kiến, thường kiêm việc biện bác, tranh tụng.

(6) *Thân quân*: binh lính thân cận, gần gũi.

– Thế tử chẳng có tội gì, nhưng bị mụ đàn bà ác nghiệt họ Đặng làm mê hoặc tiên chúa[1], vu tội hãm hại thế tử để cướp ngôi. Còn Quận Huy vốn có chí phản nghịch, lợi dụng vương tử[2] Cán bé dại, dễ kiềm chế, nên hắn mới vào hùa với mụ mà gây ra việc bỏ người này lập người kia, để hắn làm phụ chính cho tiện cái mưu cướp nước của mình. Nay tân chúa bị bệnh nặng, sự nguy biến chỉ trong sớm tối. Không biết rồi đây cơ nghiệp nhà chúa sẽ do ai làm chủ? Ba quân đều là người ở đất "thang mộc"[3] và là binh lính ứng nghĩa, làm nanh vuốt của nhà nước, ai cũng sẵn lòng trung nghĩa. Nếu anh em còn nghĩ đến cái ơn của nhà chúa nuôi nấng trong hai trăm năm, thì hãy nên một lòng giúp đỡ nhà chúa. Mai đây, nếu trời cho xong việc, tất nhiên sẽ có sách son, khoán sắt[4] lưu truyền muôn đời.

Mọi người đều nói:

– Chúng tôi vẫn có bụng đó, nhưng chưa biết ý vương tử ra sao. Sợ đến lúc ấy nhỡ có điều gì kinh động, người lại quở trách chúng tôi gây việc. Nay vương tử đã ngỏ ý cho biết như thế, thì việc này chắc không khó gì.

Chú ý động cơ và thái độ của đầu bếp, thân quân.

Sau đó, họ bèn ngầm đi báo cho nhau, hẹn ngày tụ họp ở chùa Khán Sơn.

② Lúc quân lính đến hội họp, bàn về việc ấy không ai là không hăng hái. Nhưng họ còn sợ thanh thế Quận Huy, nên chưa biết khởi sự như thế nào cho ổn thoả. Giữa lúc đang bàn bạc như thế, thì bỗng một người đứng phắt lên nói:

– Chỉ sợ anh em không cùng một bụng thôi. Chứ nếu ba quân đồng lòng, thì bất quá chỉ thừa dịp cúng cơm sáng xong, đánh một hồi trống trong phủ làm hiệu rồi kéo ùa cả vào, nắm cẳng hắn, vứt chỏng gọng xuống dưới thềm một cái là xong thôi mà!

Mọi người đều reo mừng hưởng ứng và cùng nhìn về phía kẻ mới nói, thì ra đó là viên biện lại của đội Tiệp bảo[5] tên là Bằng Vũ.

Gã Bằng Vũ này là người huyện Thanh Chương, Nghệ An, ông cha vốn là công thần đời Lê trung hưng. Về sau tập ấm[6] đã hết, con cháu trở nên nghèo nàn. Bằng Vũ được người làng thuê đi lính thay. Gã người

Ai là người kể chuyện về nhân vật Bằng Vũ?

(1) *Tiên chúa*: chúa trước (đã qua đời), ở đây chỉ chúa Trịnh Sâm.
(2) *Vương tử*: con trai của người được phong tước vương.
(3) *Đất "thang mộc"*: quê hương của vua chúa, ở đây chỉ Thanh Hoá – quê hương của vua Lê, chúa Trịnh.
(4) *Sách son, khoán sắt*: văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, ban cho bầy tôi có công để tỏ ý cùng được hưởng phú quý lâu dài với nhà vua, lưu truyền muôn đời.
(5) *Đội Tiệp bảo*: đội thân binh hầu hạ.
(6) *Tập ấm*: trong chế độ phong kiến, những người làm quan, tuỳ theo thứ bậc, con cháu đều được nối nghiệp, gọi là tập ấm; *tập ấm đã hết* tức là đến lúc con cháu không được hưởng tập ấm nữa.

thấp bé, thanh nhã như học trò. Sau khi vào đội Tiệp bảo, nhờ biết dăm ba chữ, gã được làm chân biện lại. Ở kinh, gã thường làm mướn đơn kiện cho người ta, vẫn lừng tiếng là tay điêu toa trong việc xui nguyên giục bị[1].

Lúc này, Bằng Vũ thủ xướng[2] ra lời bàn đó, cả bọn liền bầu ngay gã làm chủ mưu, giao cho gã đánh trống trước để thúc giục ba quân.

Bằng Vũ mạnh bạo nhận lời. Rồi cả bọn cùng nhau uống máu ăn thề. Nhưng họ không dự định ngày nào, chỉ hẹn nhau, hễ nghe hiệu trống của Bằng Vũ thì cùng kéo đến để khởi sự.

③ [...] Bấy giờ, Quận Huy cũng biết tai hoạ sắp xảy ra, liền nói toạc ra ở trong triều rằng:

Chú ý lời nói, thái độ và hành động của Quận Huy.

– Ngày mai có biến, tôi sẽ chết. Nhưng tôi chết cũng phải có dăm ba mạng đi theo.

Các quan nói:

– Lẽ nào lại có chuyện ấy?

Quận Huy bèn đưa ra một tờ khải[3] nói là Huy Bá tố cáo Quận Viêm đang âm mưu làm phản và xin các quan hãy tra xét để trừng trị.

Gặp lúc trời sắp tối, người nhà Quận Huy có kẻ khuyên hắn nên bế tân chúa đi trốn, rồi gọi quân bên ngoài vào bắt bọn gian; có kẻ khuyên hắn nên đưa nghĩa sĩ vào trong phủ để tự vệ... Nhưng Quận Huy đều gạt đi mà rằng:

– Xưa nay, thói đời vẫn hay phao nhảm, chưa chắc việc đó đã có thật. Mà dù có đi nữa thì cứ để thong thả rồi cũng tra ra, chúng nó trốn đi đằng nào được. Nếu việc gấp quá không thể trị nổi bọn chúng, thì ta đây vâng mệnh của đấng tiên vương, sống thác cũng cam, cần gì mà phải hốt hoảng!

Đêm ấy, Quận Huy ngủ ở trong phủ, cũng chỉ đem theo vài người hầu như mọi ngày, không hề phòng bị gì hết.

Sáng mai, lễ cúng cơm bữa sáng vừa xong, các quan đang sắp lui trào, Bằng Vũ vào trong phủ, đánh luôn ba hồi, chín tiếng trống. Các quan ngơ ngác nhìn nhau. Quận Huy sai người đóng chặt cửa các[4], bắt trói Bằng Vũ đem chém. Khi Bằng Vũ đã bị trói rồi, Thuỳ trung hầu bảo Quận Huy rằng:

– Bọn chúng lập mưu này không phải chỉ có một đứa, nếu chém Bằng Vũ thì đảng gian sẽ lọt lưới hết. Chi bằng hãy giam nó lại, để tra xét thêm cho tiệt hết mầm loạn.

Quận Huy cho là phải, thế là Bằng Vũ không bị giết chết.

---

(1) *Xui nguyên giục bị*: xúi bẩy, kích động cả người kiện (nguyên đơn) lẫn người bị kiện (bị cáo), làm cho hai bên thêm mâu thuẫn, chịu thiệt hại còn mình thì đứng giữa hưởng lợi.
(2) *Thủ xướng* (như *khởi xướng*): đề ra, nêu ra đầu tiên cho mọi người hưởng ứng, làm theo.
(3) *Tờ khải*: giấy tờ của các quan đệ trình lên vua chúa.
(4) *Các*: nơi làm việc của các quan trong một Bộ.

Lại nói, quân lính nghe thấy tiếng trống tức thì người nào cũng nhảy nhót hăng hái, cùng cầm binh khí xô lấn nhau mà vào trong phủ.

Khí thế của kiêu binh được miêu tả như thế nào?

Lúc ấy, cửa các đã đóng, quân lính ở bên ngoài không vào được, họ cứ đứng hò reo, quát tháo long trời lở đất.

Quận Huy gọi Quận Châu ra bảo:

– Cậu(1) giữ chức binh phiên(2), làm sao không biết răn đe chúng nó?

Quận Châu sợ hãi, vâng dạ mà ra.

Quận Huy tự làm tờ khải rằng:

"Lí tôi kính khải như sau: Tôi được tiên vương giao cho giúp đỡ nhà chúa. Nay ba quân nổi loạn, làm cho kinh khuyết náo động. Tôi xin vâng lĩnh mệnh chúa, đem quân giết chúng. Nếu dẹp được, ấy là nhờ oai linh của chúa, nhược bằng không dẹp được, tôi cũng xin liều chết để xuống ra mắt tiên vương dưới âm cung.".

Khải làm xong, Quận Huy giao cho quan xuất nạp(3) dâng trình và xin lấy thanh bảo kiếm của chúa để ra đánh giặc. Khi bảo kiếm tới, Quận Huy quỳ gối lĩnh nhận, rồi lập tức truyền lấy voi để ra trận. Lúc ấy, Quận Châu đang đứng ở phía trái trong cửa các, cách quân lính một bức tường, lên tiếng dụ họ rằng:

– Làm lính phải biết lễ phép. Nay tử cung(4) còn quàn ở đây, các ngươi không được làm ồn ào như vậy. Nếu có gì muốn nói, cứ viết một tờ khải đem lại, ta sẽ trình bày giúp.

Quân lính thét lên:

– Cậu cũng định theo Quận Huy làm phản à? Nếu cậu không mở ngay cửa ra, chúng tôi trèo tường mà vào, thì xác cậu sẽ nát như cám!

Chú ý hành động và thái độ của Quận Châu trước đám kiêu binh.

Quận Châu run sợ, phải mở cửa. Quân lính chen vai xông vào. Quận Huy chống kiếm lên voi, cưỡi ra giữa sân phủ, trỏ ba quân quát:

– Bớ ba quân, các ngươi ở đâu về đấy ngay, không được làm ầm ĩ, ta sẽ chém đầu chúng mày!

Quân lính vốn sợ Huy, thấy hắn cưỡi voi, lại càng khiếp đảm, đều ngồi sụp xuống nghe lệnh, không dám lên tiếng, cũng không dám xông tới. Nhưng chỉ được một lát, bao nhiêu người đang ngồi lại nhao nhao đứng dậy, kéo ập vào trước đầu voi. Voi

(1) *Cậu*: Quận Châu là bà con họ ngoại của chúa Trịnh, do đó gọi là cậu.
(2) *Binh phiên*: một cơ quan quyền lực do chúa Trịnh đặt ra để trông coi việc binh bị, quốc phòng,… tồn tại song song và tương đương với Binh bộ của triều đình vua Lê.
(3) *Xuất nạp*: một chức quan hầu cận của vua chúa, chuyên giữ việc phát nhận giấy tờ và truyền đạt mệnh lệnh.
(4) *Tử cung*: quan tài của vua chúa. Ở đây chỉ quan tài của chúa Trịnh Sâm chưa được an táng.

vươn đầu ra húc, quân lính chạy quanh chân voi để tránh cặp ngà. Rồi họ lấy khí giới đâm chém túi bụi, có kẻ cạy gạch ngói ở phủ ra ném tới tấp, voi co vòi mà gầm, không dám húc nữa. Quận Huy giương cung định bắn, chẳng may cung bị đứt dây; lại vớ lấy súng để nạp đạn nhưng mồi lửa tịt không cháy. Quân lính thừa dịp dùng luôn câu liêm(1) lôi viên quản tượng(2) xuống đất mà chém. Voi bước lùi trở lại. Quân lính xúm đến vây kín dưới chân voi. Quận Huy lấy mũi lao phóng xuống làm bị thương vài người. Quân lính hăng máu kéo đến càng đông. Lại có một toán ở cửa Tuyên Vũ xông vào, đứng chắn ở đằng sau voi, khiến voi phải đứng yên không thể nhúc nhích. Họ bèn dùng câu liêm móc cổ Quận Huy kéo xuống, rồi đánh đấm túi bụi, giết chết ngay tại chỗ. […]

Tình thế bất lực, thảm hại và bi đát của Quận Huy được miêu tả qua những chi tiết nào?

Em ruột Quận Huy là Lý Vũ hầu Hoàng Lương nghe tin có biến vội vàng chạy bổ vào phủ đường(3). Nhưng mới đến cửa chùa Báo Thiên thì bị quân lính quát đứng lại, rồi họ vớ luôn gạch đá trên đường đập cho vỡ đầu và vứt xác xuống hồ Thuỷ Quân(4).

④ Anh em Quận Huy chết rồi, quân lính vui mừng reo hò như sấm. Họ kéo nhau vào nhà Tả Xuyên phò thế tử Tông lên phủ đường. Họ kiệu thế tử lên vai, rồi đứng xúm xung quanh, gào lên vui sướng:

– Xin ngồi cao thêm nữa để thiên hạ đều được thấy mặt rồng, cho thoả lòng vui của mọi người!

Trong lúc gấp vội không có kỉ sập, họ phải dùng tạm chiếc mâm vẫn bày cỗ lộc làm ghế, đặt thế tử ngồi lên, rồi tám người kề vai vào khiêng. Chốc chốc, họ lại nâng bổng chiếc mâm lên trên đầu mà đội; đầu mỏi lại hạ xuống vai, rồi vai mỏi lại nâng lên đầu. Cứ thế lên lên xuống xuống y như người ta giỡn quả cầu hoặc rước pho tượng Phật. Mỗi lần thế tử được nhô lên cao, quân lính lại vỗ tay reo hò vang lên một chặp. Những kẻ buôn bán ở các phố phường, chợ búa đều tranh nhau kéo đến xem mặt chúa, sân phủ đông như họp chợ.

Những hình ảnh so sánh trong lời kể có tác dụng gì?

Quận Châu phải đem ngọn cờ đuôi báo phất ở giữa sân, rồi khua chiêng thu quân, mãi đến hơn một trống canh mới yên.

Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy, tự dưng bầu trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa. Kẻ qua người lại trên đường đều hí hửng nói: "Chúa ta lập rồi!". Thế rồi, họ truyền miệng nhau mà reo mừng, kinh kì hôm ấy vì thế mà phải nghỉ phiên chợ.

---

(1) *Câu liêm*: tên một loại vũ khí gồm một lưỡi quắm hình lưỡi liềm lắp vào cán dài, dùng để móc vào mà giật, cắt những vật ở trên cao, ở xa.
(2) *Quản tượng*: người trông nom và điều khiển voi.
(3) *Phủ đường*: nơi làm việc của các quan tri phủ thời xưa.
(4) *Hồ Thuỷ Quân*: hồ Hoàn Kiếm bây giờ.

Quân lính đặt chiếc sập ngự ở ngoài phủ đường, các quan đều dìu thế tử lên ngôi chúa. Cuộc lễ mừng xong rồi, các quan mới đem đạo sắc của nhà vua và tờ chỉ của thánh mẫu dụ ba quân về việc phò lập chúa, tới dán ở cửa các. Những tờ ấy đều là tạm thời thảo ra, nhưng được gọi là mệnh lệnh định sẵn. […]

Lại nói, bọn quân lính tuy đã giết chết anh em Quận Huy, nhưng cơn giận vẫn chưa hả. Phò lập thế tử Tông lên ngôi chúa xong xuôi, họ lại kéo đến quỳ ở trước mặt chúa xin phá tất cả dinh cơ của Quận Huy. Chúa ưng lời ngay. Ba quân liền reo lớn:

– Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, mau đi phá huỷ dinh Quận Huy, anh em ơi!

Chỉ trong chốc lát, nhà cửa của Quận Huy bị phá tan tành, một mảnh ngói cũng không còn. Rồi bọn quân lính càng thừa thế hoành hành. Phàm các quan văn võ hễ ai thuộc bè đảng của Thị Huệ và Quận Huy, cùng những người dự vào việc tố giác vụ án năm Canh Tí[1], những viên quan hầu mọi ngày có tính nghiệt ngã mà quân lính vẫn ghét, lúc ấy cũng đều bị phá nhà hàng loạt và bị lùng bắt đem giết chết.

Kiêu binh lộng hành bức ép chúa cũ, trả thù các đại thần như thế nào?

Luôn trong mấy ngày, họ làm náo động cả kinh thành. Tông phải hạ chỉ ngăn cấm mà họ vẫn không thôi.

Sau, chúa phải sai người dò xét trong kinh kì, lén đến chỗ họ tụ họp, rồi bắt phứa một người thường dân ở gần đó đem chém để ra oai. Từ đó về sau, việc phá phách nhà cửa mới tạm ngừng, nhưng việc lùng bắt người để giết vẫn chưa dứt.

Chi tiết nào cho thấy Trịnh Tông bất lực, không kiểm soát được kiêu binh?

(*Hoàng Lê nhất thống chí*,
NGUYỄN ĐỨC VÂN và KIỀU THU HOẠCH dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 1964)

(1) *Vụ án năm Canh Tí*: chỉ việc thế tử Tông mưu cướp ngôi năm 1780 không thành, bị Trịnh Sâm phế truất xuống làm con út.

**1.** Hãy nêu những sự kiện chính trong văn bản *Kiêu binh nổi loạn* và cho biết mâu thuẫn ở đây là gì.

**2.** Tìm những chi tiết miêu tả hành động của đám kiêu binh. Em có nhận xét gì về những hành động ấy?

**3.** Những chi tiết, hình ảnh nào cho thấy sự bất lực và thất bại của phe cánh Quận Huy?

**4.** Cảnh Trịnh Tông lên ngôi chúa có gì đặc biệt? Nhận xét về nghệ thuật miêu tả của tác giả.

**5.** Hãy dẫn ra một số bình luận, đánh giá của người kể chuyện đối với các sự kiện và nhân vật trong văn bản. Theo em, quan điểm và thái độ của người kể chuyện có khách quan và đáng tin cậy không? Vì sao?

**6.** Người xưa từng nói về năm nguy cơ làm mất nước: "Một, trẻ không kính già; hai, trò không trọng thầy; ba, binh kiêu tướng thoái; bốn, tham nhũng tràn lan; năm, sĩ phu ngoảnh mặt.". Sau khi đọc đoạn trích *Kiêu binh nổi loạn*, em suy nghĩ gì về ý kiến này?

## 2 NGƯỜI Ở BẾN SÔNG CHÂU

SƯƠNG NGUYỆT MINH(*)

### 1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(**)

– Khi đọc truyện *Người ở bến sông Châu*, các em cần chú ý:(***)

+ Nhân vật chính trong truyện là ai? Có số phận như thế nào? Tính cách của nhân vật được thể hiện qua những tình huống nào?

+ Thông điệp mà tác giả muốn nhắn gửi qua truyện ngắn này là gì? Người kể chuyện có thái độ như thế nào đối với các nhân vật trong truyện? Dựa vào đâu để biết được điều đó?

(*) Tác giả Sương Nguyệt Minh, tên khai sinh là Nguyễn Ngọc Sơn, sinh năm 1958, quê ở Ninh Bình.
(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản truyện ngắn khác trong Bài 6, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Em biết gì về hậu quả của chiến tranh? Hãy chia sẻ những hiểu biết ấy.

– Tìm hiểu thêm về tác giả Sương Nguyệt Minh và truyện *Người ở bến sông Châu*, lựa chọn những thông tin liên quan giúp em hiểu thêm truyện ngắn này.

## 2 Đọc hiểu

① Ngày dì Mây khoác ba lô về làng, chú San đi lấy vợ.

Hôm ấy, nước sông Châu đỏ quạch. Sóng lớp lớp đập tung vào trụ cầu đổ đứng trơ trọi giữa dòng nước từ thời bom Mỹ thả. Hoàng hôn màu đỏ ối. Mây đen trắng lẫn lộn bay cuồn cuộn. Nước sông Châu mỗi lúc một lên cao, chảy xiết. Đám rước dâu ngồi trên đò bảo nhau: Lũ mạn ngược đổ về...

Tóm tắt sự việc chính của phần này.

Chú San lấy cô Thanh giáo viên ở xóm Bãi bên kia sông. Đám rước đông, Mai phải phụ với ông chèo đò chở mấy chuyến mới hết. Chú San đi học nghề ở nước ngoài về mấy tháng nay, chưa xin được việc. Chú mặc áo sơ vin, thắt ca ra vát, đứng ngay ở mũi đò. Các cô mặc áo cổ lá sen; các bà, các ông mặc áo nâu sồng ngồi ở khoang đò, miệng nhai trầu bỏm bẻm. Mặt chú San tươi, rạng rỡ, lúc nào cũng cười cười, răng trắng lấp loá.

Đám rước dâu qua sông một lúc thì dì Mây về. Dì đeo chiếc ba lô bạc màu toòng teng ở một bên vai. Dì đứng ở bờ đê xóm Bãi gọi ông. Giọng dì nghèn nghẹn lẫn trong ráng chiều lúc hiện lên rất rõ, lúc nhoè đi. Ông đứng ở cửa lều cỏ dỏng tai nghe. Trong tiếng gió và sóng, Mai cảm nhận tiếng vọng của một thời xa lắc và loáng thoáng cả tiếng bọn trẻ chăn trâu: "Cô... ô... ơi. Lỡ đò rồi.".

Mai cứ ngỡ mình trong mơ. Khi bừng tỉnh, Mai đã thấy ông chèo đò ra giữa dòng sông. Dì Mây bước tập tễnh, tập tễnh xuống bến. Ông quẫy chèo gấp gáp. Mắt ông nhoè đi. Đò kịch bến. Dì Mây nhào xuống đò. Đò ngang tròng trành, tròng trành. Ông ôm lấy dì. Đôi vai rung lên. Ông nói từng hơi đứt quãng: "Mây ơi! Sao đến hôm nay mới về... Chậm mất rồi! Con ơi!... Cha cứ tưởng...".

Chập tối.

Gió ở bến sông Châu thổi quằn quặn. Sau túp lều cỏ, tàu lá chuối rung lật bật. Nước sông Châu chảy xa xá[1], vài con két đi ăn về muộn thỉnh thoảng kêu lạc loài giữa không trung. Mai rốn lại neo chặt đò. Ông đi trước, dì Mây tập tễnh theo sau về xóm Trại. [...]

(1) *Chảy xa xá* (từ địa phương Ninh Bình): dòng chảy mạnh tạo thành các lớp sóng xô vào nhau nhưng không dữ dội.

Cỗ cưới vẫn chưa tàn. Người ra, vào tấp nập, cười nói, chúc tụng vang một góc làng. Cô Thanh mặc quần láng Nam Định, áo pô pơ lin trắng loá đi từng bàn tiếp thức ăn. [...] Hàng xóm vẫn chưa biết dì Mây về. Cả nhà nói chuyện chủng chẳng. Ông hỏi bâng quơ những chuyện xưa xa lắc. Bố an ủi dì Mây cao số. Chuyện trò chẳng biết vui hay buồn. Mẹ đụng phải cái gì cũng rơi, cũng vỡ. Tim Mai đập thon thót. Thỉnh thoảng bố hỏi, dì Mây miễn cưỡng trả lời, bụng dạ cứ để ở bên nhà chú San. [...]

Bên nhà chú San có tiếng quát tắt nhạc. Thím Ba hổn hển đến ghé sát tai chú San thì thầm. Hình như chưa hết câu, chú đã ngồi phịch xuống ghế ôm đầu. Tiếng ồn ào lắng lại chỉ còn tiếng thu dọn bát đĩa kêu lách cách.

Một lát sau, chú San rẽ hàng râm bụt, bổ sang. Người chú quấn đầy dây tơ hồng. Bố ngồi bó gối quay mặt đi nơi khác. Mẹ ngại ngùng chào đãi bôi[1]. Ông tra thuốc vào nõ điếu, rít liên tục. Chú San nhận lỗi, xin phép được nói chuyện với dì. Dì Mây nuốt nước mắt vào trong: "Bây giờ không còn gì để nói nữa. Anh về đi!". Dì chống nạng gỗ, lộc cộc bỏ ra ngoài ngõ. Chú San đứng phắt dậy đi theo: "Cho anh nói một câu". "Không!". "Anh chỉ xin nói một câu thôi.". Dì Mây thở hổn hển, tay vin cành dựa hẳn vào cây bưởi. "Anh có lỗi. Anh tệ quá. Mây cứ chửi mắng anh đi.". Chú San nắm hai tay đập liên hồi vào thân cây. Lá bưởi xào xạc. Vài con chim giật mình bay vút lên không trung. Dì Mây tức tưởi: "Hôm nay là ngày gì? Anh nhớ không? Có ngờ đâu ngày ấy tiễn anh đi cũng là ngày li biệt.".

Chú ý lời đối thoại giữa các nhân vật và lời bình luận của người kể chuyện.

Họ lặng im, không ai nói gì nữa. Trong mắt hai người không phải màn đêm dưới tán lá bưởi thoang thoảng mùi hương thuần khiết mà là bến sông. Bến sông Châu năm ấy giữa mùa hoa gạo cháy. Từng cánh, từng cánh hoa đỏ tươi rắc đầy lối xuống đò. Phía ga Ghềnh xa xa ì ùng tiếng bom Mỹ thả. Đạn cao xạ lụp bụp nổ. Từng đám khói tròn đen trắng lẩn vẩn trên nền trời xanh ngắt. Nhịp cầu bị bom đánh sập trơ ở bến sông. Người con gái chèo đò đưa người con trai đi nước ngoài học. Đò ngang bồng bềnh, bồng bềnh. Bỗng máy bay rẹt qua đầu. Người con gái bỏ chèo ôm chặt, nép đầu vào ngực người yêu. Con đò cứ trôi đi, chở hai người lặng im ôm nhau như không hề có chiến tranh, không có cuộc chia li.

Chú ý tác dụng của biện pháp điệp từ trong đoạn này.

Mai ra múc nước, gầu va vào thành giếng. Hai người bừng tỉnh. Giọng chú San bồi hồi: "Ở nước ngoài, đêm nào anh cũng nhớ đến em, nhớ bến sông Châu.". Tiếng dì

Hình dung tâm trạng của các nhân vật.

(1) *Đãi bôi*: niềm nở bề ngoài, không thật tình.

Mây da diết: "Ngày ở Trường Sơn, trang nhật kí nào em cũng viết tên anh.". Hồi ức trở về những ngày xa nhau. Một thời đã qua ở hai khung trời xa cách lại hiện lên. Người con gái ở Trường Sơn đạn nổ bom rơi, người con trai ở xứ bạn đầy hoa tuyết trắng rơi rơi, êm ả, thanh bình,... Tình yêu, nỗi nhớ như kéo không gian, thời gian gần lại. Trong lòng họ, tình yêu, tình thương lại bùng lên bất chợt, cồn cào, da diết. Chú San đột nhiên vung tay đấm rung cành bưởi: "Mây! Chúng ta sẽ làm lại.". "San! Anh nói gì thế?". "Anh sẽ từ bỏ tất cả. Chúng ta về sống với nhau.". Dì Mây lặng đi, người rũ ra, mềm oặt. Dì từ từ khuỵu xuống. Chú San sẽ sàng đỡ dì ngồi xuống đống củi xếp cạnh gốc cây bưởi.

Bên kia hàng râm bụt, cô Thanh đi đi lại lại. Chốc chốc, cô lại dứt lá râm bụt xoàn xoạt. Dây tơ hồng quấn quýt ở tay cô. Trong buồng hạnh phúc, giường cưới bỏ ngỏ, màn trắng thấp thoáng qua cửa sổ. "Chết thật!" – Mai buột miệng thốt lên. Tình thế này chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra. Trên đầu không thấy gió thổi, mây bay. Cây trong vườn đứng im phăng phắc. Không khí ngột ngạt nghẹt thở. Đó đây im ắng hãi hùng như đang dồn nén cho một trận cuồng phong bão tố sắp cuộn lên ở bến sông Châu.

"Không!". Tiếng dì Mây phá vỡ khoảng không gian im lặng. Dì bật dậy, chống nạng gỗ cộc cộc đi vào sân. Chú San chạy theo níu áo dì Mây. Dì đứng lại, thở hổn hển: "Thôi! Thôi! Lỡ rồi! Đằng nào cũng chỉ một người đàn bà khổ. Anh về đi!". Chú San ngập ngừng định nói điều gì. Dì Mây ngăn lại: "Anh đừng lo cho tôi.". Dì thở dài đánh thượt: "Sự thể đã thế, cố mà sống với nhau cho vuông tròn.". Cô Thanh đứng bên kia hàng râm bụt mếu máo nói với sang: "Chị ơi! Chúng em ơn chị.".

Nhận xét về quyết định của nhân vật dì Mây.

Đêm dài quá.

Chuột trên mái nhà đuổi nhau kêu chí choé. Có tiếng ken két như thân tre vặn mình sát vào nhau. Lại có tiếng cọt kẹt như tiếng dát giường kêu vọng trong đêm sâu vắng. Thở dài. Chốc chốc lại thở dài, dì Mây dựa lưng vào vách, một chân lành còn lại bó gối. Dì ngồi rất lâu trước ngọn đèn dầu tù mù. [...] Dì ngồi như tượng.

② Sáng.

Tin dì Mây về loang đi khắp xóm Trại. Dì Mây ngượng ngùng tiếp khách. Người đưa đẩy, an ủi, kẻ cảm thông, xót xa. Nửa buổi, vãn khách, dì Mây lại khoác ba lô ra lều cỏ. Dì ngồi trên bờ đê cao, ngẩn ngơ nhìn hoa gạo đỏ rắc đầy bến sông Châu. Mai se sẽ ngồi bên: "Dì ơi! Dì về được nhà là mừng lắm. Người còn là quý nhất, dì ơi.". Dì Mây mơ màng như không nghe Mai nói. Dì khe khẽ, thì thầm: "Ngày xưa, dì và chú San thường ngồi ở bến sông này...". Lặng đi một lát, lại nói tiếp trong hơi thở: "Dì chèo đò đưa chú đi học cũng vào mùa hoa gạo...". Dì thở dài, nuối tiếc. Đôi mắt nhìn xa xăm. [...]

Chú ý thái độ của các nhân vật.

Chiều chiều.

Chi tiết về mái tóc dì Mây trước đây và bây giờ có ý nghĩa gì?

Mẹ hái lá bưởi mang ra bến sông Châu. Mẹ và dì gội đầu cho nhau. Tóc dì Mây rụng nhiều, xơ và thưa. Ngày chưa đi bộ đội, dì thường sai Mai lấy ghế đẩu cho dì đứng lên chải tóc. Tóc dì đen óng mượt. Những lúc gội đầu xong, dì nắm sát chân tóc quay mù mịt. Bao nhiêu hạt nước li ti bắn ra rơi cả vào mặt Mai. Chú San nấp bên hàng râm bụt, vạch lá nhìn trộm cũng giật mình. Mùa hoa loa kèn, dì Mây rủ Mai ra triền sông chơi. Hai dì cháu đuổi nhau. Chạy ngược chiều gió thổi, tóc dì xổ tung bay bồng bềnh, bồng bềnh như mây. Mai thầm ước khi thành thiếu nữ có mái tóc mây dài đẹp như dì. Mẹ và dì Mây nặng tình quá. Hai chị em rủ rỉ rù rì chuyện trò. Mai chẳng rõ, chỉ thấy chốc chốc mẹ thở dài. Lúc về, mẹ dặn: "Mai. Chịu khó học hành rồi đỡ đần ông cho dì vui. Đừng có nhảy cẫng đi chơi, bỏ dì ngồi một mình.". Mẹ lại bảo: "Dì ra đây là phải. Ở nhà nhìn sang bên kia hàng râm bụt thấy người ta như đôi chim cu, đến tôi cũng nẫu ruột.". Mai lờ mờ hiểu được câu: "Chị em gái như trái cau non.".

Từ ngày ra bến sông Châu, dì Mây buồn lắm, cứ tha thẩn đi ra đi vào, lúc tư lự ngồi ngắm trời nhìn nước, lúc lụi cụi nấu cơm. Vắng Mai, chỉ còn ông và dì, hai bố con chòi chọi, ăn được bữa cơm đến khốn khổ. Ông thương dì, cố nhai, cố nuốt, mắt ngân ngấn nước. Dì cũng não lòng, có hôm bỏ bữa. Ban ngày đi lại còn khuây khoả. Ban đêm, nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc bên trạm xá xã vọng sang, dì Mây lại giật mình thon thót.

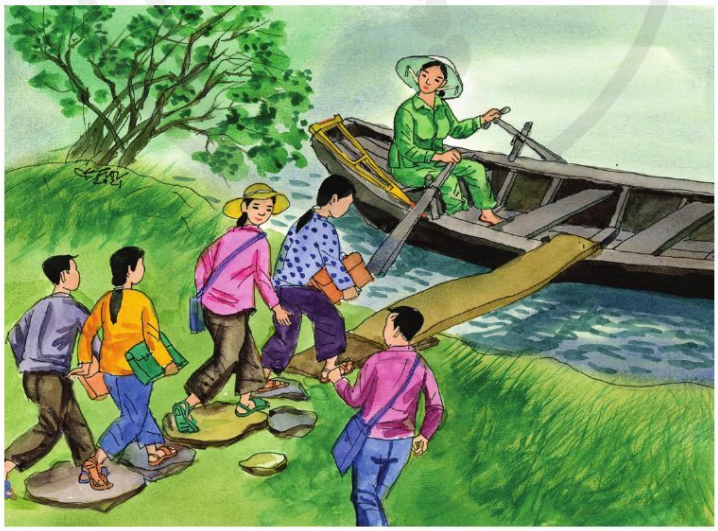

Dì Mây thỉnh thoảng cũng phụ với ông chèo đò. Dì bỏ chân giả, chống nạng gỗ, khó nhọc leo lên sạp thuyền ngồi, hai tay cầm chèo quẫy nước. Lũ bạn Mai đi học cấp ba trường huyện, chẳng bao giờ dì lấy tiền đò. Đi nhờ mãi cũng ngại, bọn nó bảo: "Chúng cháu sức dài vai rộng, dì giúp mãi, ngại quá!". Dì Mây cười: "Đáng là bao,

cho chúng mày nợ đến nữa có lương rồi trả.". Bọn nó nhao nhao: "Ứ trả đâu. Chúng cháu dồn lại, dì lấy chồng đi mừng luôn thể.". Dì Mây chợt thoáng buồn. Chúng nó kín đáo nhìn nhau, nói lảng sang chuyện khác. Thương dì, mỗi lần qua chúng nó bỏ vào lều có khi thì hoa quả, lúc lại bánh trái. Có đứa còn ngắt cành hoa loa kèn to cắm ở đầu chõng tre dì nằm nữa. Lũ bạn Mai như một đàn chim sẻ chợt ùa đến, thoắt bay đi, làm cho bến sông Châu lúc ồn ào náo động, lúc lại im ắng, buồn tẻ.

Chú ý tâm trạng của nhân vật dì Mây.

Về một thời gian, tóc dì Mây mọc thêm, da dẻ hồng hào trở lại. Đêm trăng sáng. Dì Mây cuộn tóc cao trên gáy rủ Mai xuống bến sông tắm. Nước sông Châu chảy êm đềm mát rượi. Vai dì Mây để trần. Trăng sáng lấp loá trên ngực dì căng đầy. Cổ dì Mây trắng ngần, mắt dì sáng lên, lung linh, huyền hoặc. Thảo nào mẹ thường nói: "Ngày xưa dì đẹp nhất làng.". Mẹ cũng bảo: "Có khối trai làng ra bến sông ngó trộm dì mày tắm.". Mai chột dạ ngước lên, chỉ thấy triền đê cao ngút. Bờ bên kia lấp loá ánh lửa hàn. Họ đang sắp bắc cầu. Mai bơi lại gần: "Dì ơi! Dì còn trẻ lắm.". "Nỡm ạ. Dì sắp thành bà cô rồi đấy. Còn mày nữa. Tao cứ ngày một già đi, mày lại cứ phổng phao ra.". Dì Mây quẫy mình, một chân còn lại quẫy nước, hai tay sải mạnh, người lấp loá trên sông đầy ánh bạc. Sóng nước lao xao.

③ Làng xây trạm xá mới. Bà y sĩ trưởng trạm không sống nổi với nghề, bỏ việc. Thiếu người, bàn ghế, giường tủ để trơ trọng. Biết dì là quân y sĩ Trường Sơn, ông Chủ tịch xã nói khó với dì ra giúp. Dì Mây trở lại nghề. Khổ nhất là những đêm trời mưa, người ta gọi dì Mây đến khám tại nhà. Đường quê khấp khểnh sống trâu, dì bước đầy bước hụt. Con đường từ bến sông đến trạm xá có vài trăm mét, dì cậm cạch[1] bước, lưng thấm đẫm mồ hôi. Ông Chủ tịch xã bảo: "Tập xe đạp đi, tôi cho người sửa đường rải đá mạt.". Dì Mây bảo: "Trạm xá còn thiếu thuốc. Tôi cố, cũng như người tập thể dục.". Mấy tháng rồi, lúc trời mưa, con đường đầy dấu chân tròn in vào đất phù sa.

Đêm mưa.

Vợ chú San vượt cạn thiếu tháng. Thai ngôi ngược lại tràng hoa quấn cổ. Thím Ba loay hoay đỡ mãi, cô Thanh không đẻ được. Cô cứ luôn mồm kêu: "Chị Ba ơi... Em chết mất... Em đau quá!...". Cô Thanh đuối dần, không còn sức rặn, một hai phần sống, tám chín phần chết. Đường lên huyện xa lắc. Đò ngang cách trở. Mưa gió dầm dề. Người ướt lướt thướt, chú San mặt cắt không còn một hạt máu. Dì Mây khoác áo mưa đến. Chú San đang dở khóc dở mếu. Thím Ba lại vướng

Tình huống nào đã làm nhân vật bộc lộ phẩm chất và tính cách?

(1) *Cậm cạch*: gợi tả việc chăm chú, khó khăn bước đi kèm theo âm thanh của những vật cứng va chạm vào nhau.

thằng Cún. Nó khóc ngằn ngặt, không rời thím nửa bước. Thím bực mình đét vào đít nó một cái: "Con với cái. Rõ khổ.". Thím Ba kéo dì Mây ra ngoài hiên, rỉ tai: "Đưa lên huyện không kịp mà động dao kéo vào cũng không cứu nổi. Nhà nó, chồng lêu bêu chưa xin được việc. Ba cái đồng bạc đi nước ngoài về ăn hết rồi tiền đâu thuốc men. Vạ lây. Mày khốn.". Như thể không nghe thím Ba nói, dì Mây tiêm thuốc tê, thuốc trợ sức, rạch rộng rồi bảo cô Thanh cố rặn. Cô Thanh nhìn dì Mây bằng con mắt sợ hãi, cầu cứu. Dì nhỏ nhẹ: "Em cố lên. Hãy nghĩ đến đứa con. Nào... Cố lên em... Cố lên...". Cô Thanh mím môi, oằn mình dồn sức. Khiếp quá! Mai chạy ra ngoài đứng. Lúc sau, nghe loáng thoáng tiếng dì Mây bảo thím Ba băng lại rốn cho đứa bé. Dì Mây khâu xong vừa lúc trời rạng, mưa ngớt từ lúc nào. Mồ hôi dì vã ra như tắm. Dì Mây thở phào. Thím Ba bảo: "Mặt nó tím ngắt mà không khóc.". Dì Mây ghé miệng vào mũi nó mút mút rồi phát nhẹ vào đít nó một cái. Tiếng oe oe bật ra. Chú San ở ngoài nhảy cẫng lên: "Sống rồi! Con ơi!". Ở trong, dì Mây gục luôn xuống bàn đỡ đẻ, khóc tức tưởi. "Ơ cái con này!". Thím Ba ngạc nhiên. Dì Mây càng khóc to hơn. Tiếng khóc của dì hoà lẫn tiếng oe oe của đứa bé. Nghe xót xa, tủi hờn, xen lẫn niềm ao ước, chờ mong và vui buồn lẫn lộn. Chú San vào, bối rối. Thím Ba bảo: "Tôi hiểu ra rồi. Cứ để con Mây nó khóc. Xúm vào đưa vợ về phòng sau đẻ.". Chú San lóng ngóng vịn vào xe đẩy. Khi chú San quay lại, dì Mây không còn ở đó nữa. Dưới nền trời bàng bạc là muôn triệu hạt mưa bụi li ti, giăng giăng bay trắng dòng sông Châu. Bóng dì Mây thấp thoáng trong bụi mưa, bước thấp, bước cao, ở phía cuối con đường về bến. [...]

Theo em, vì sao lúc này dì Mây lại khóc?

④ Tháng Ba lại về.

Hoa gạo nở rắc đầy lối xuống sông. Ông độ này yếu, thỉnh thoảng ho khúc khắc. Bờ bên kia ngổn ngang cọc xi măng, sắt thép. [...] Hôm Chỉ huy đến liên hệ cho bộ đội tập kết xây cầu, bố còn mặc cả: "Chú Quang này. Bến sông đầy bom bi chưa nổ. Lúc rà bom, tôi cho dân quân gác, đơn vị chú phải nuôi cơm.". Thấy ảnh dì Mây đội mũ tai bèo treo trên tường, chú Quang giật mình, nhìn trân trân như bắt gặp người thân. Bố bảo: "Em gái nhà tôi đấy. Người ta báo tử từ dạo chưa giải phóng.". Chú Quang lặng người. Hai mắt chớp chớp. Như người mất hồn, chú ngẩn ngơ về...

Lính công binh làm cầu rà bom suốt ngày ngụp lặn ở bến sông Châu. Người nào cũng đen ngòm, khoẻ như vâm, nhưng trông hiền khô. Lũ bạn Mai đi học qua suốt ngày trêu chọc... Ngồi trước trang sách, đầu óc Mai cứ để ở đâu đâu. Khổ thế! Người nôn nao, bứt rứt không yên. Mẹ hốt hoảng chạy về nhà, la lối: "Ối em ơi là em ơi ời... Em sống khôn thác thiêng...". Lo quá, Mai cứ nghĩ dì Mây... Bố quát: "Cái gì? Nói đi nào. Cứ ông ổng khóc.". "Thím Ba... Mình ra mà coi... người ta bảo thím đun te vướng bom bi.". Hoảng quá, Mai chạy theo bố ra bến sông. Chân cứ díu lại, trống ngực đánh thình thịch, tức thở. Người ta bọc vòng trong vòng ngoài. Bố đến, mọi người giãn ra. Dì Mây ngồi cạnh thím Ba, im phắc. Tóc dì xoã ra, mắt ráo hoảnh, vô hồn như nhìn về

cõi xa xăm. Thím Ba đã tắt thở. [...] Dưới sông te lưới nổi lập lờ, lập lờ.

Số phận của nhân vật thím Ba, thằng Cún gợi suy nghĩ gì về hậu quả chiến tranh?

Đám ma thím Ba về, bố sọp hẳn người. Ban đêm, thơ thẩn trong vườn lại ra cầu ao ngồi. Sáng, bố bảo dì Mây: "Tôi biết lúc sắp tắt thở, mẹ thằng Cún trăng trối để dì nuôi cháu. Tôi nghĩ chẳng biết có phải không. Dì cho nó về ở với tôi...". Dì Mây gạt đi: "Cứ để tôi nuôi cháu, sau sẽ liệu.". Bố bảo: "Tôi ơn dì.".

Cuối thu, trời hơi se lạnh.

Đoạn này cho biết những thông tin quan trọng nào?

Giữa nền trời mờ đục, sếu từng đàn giăng giăng hình chữ V bay mải miết về phương Nam tránh rét. Trong làng thêm nhiều người đan áo. Ông mặc ấm mỗi lần xuống bến. Lính công binh bắc thêm một nhịp cầu. Họ kháo nhau thủ trưởng tán dì Mây không đổ. Ở bờ bên này họ bảo: "Dì Mây chắn cửa hầm che chở cho thương binh. Bom nổ người lính công binh sốt rét tóc rụng trọc đầu vẫn lành lặn, còn cô y sĩ Trường Sơn bị mảnh đạn phạt một chân.". Bên kia bờ sông họ bảo: "Chú Quang sốt rét vẫn còn hành hạ, lấy vợ chắc gì đã có con.". Lính đúc móng giữa dòng lại nói: "Chú Quang đi suốt dọc sông Châu tìm cô y sĩ Trường Sơn đã cứu mình thoát nạn.". Dân xóm Trại thì đồn: dì Mây sắp lấy chồng. Còn bên bến sông Châu là ngôi nhà tình nghĩa dựng ngay trên nền căn lều cũ, dì Mây thở dài: "Ngày ấy, ở Trường Sơn có hẹn ước gì đâu. Bây giờ người ta đã là kĩ sư. Còn mình... liệu có nên không?". Rồi dì lại vỗ về ầu ơ ru thằng Cún ngủ.

Chuyện tình của thủ trưởng, chẳng biết có thật không, lính tráng truyền nhau dệt nên như huyền thoại. Nhưng có một sự thật chẳng hề nói quá: Đêm nào vắng tiếng ru vọng ra từ căn nhà mới xây bên bến sông Châu là những người lính công binh thao thức hoài, khó ngủ...

Đêm sông Châu.

Đất trời như giao hoà một màu bàng bạc. Muôn triệu vì sao chi chít, nhấp nháy, rắc đầy xuống bến sông. Làng quê lam lũ, mệt mỏi chìm vào giấc ngủ. Mùi hương cỏ mật lẫn vào mùi hương nồng nàn của đất phù sa dậy lên. Sông Châu thao thức. Sóng vỗ về, rì rầm bài ca ngàn xưa của đất trời. Văng vẳng trong đêm tiếng dì Mây ru thằng Cún ngủ. Giọng ầu ơ từ bến sông Châu lan xa, vang vọng. Lính công binh bắc cầu chợt dừng tay hàn, lắng nghe. Tiếng ru lúc đầu trầm lắng, nghèn nghẹn, xót xa, sau êm ái, trong sáng, mênh mang, ngân nga sâu lắng tận sâu thẳm con tim những người lính. Tiếng ru lẫn vào hơi thở sông nước trong đêm, hoà vào hương thơm của cây cỏ, đất trời.

Chú ý sự thay đổi trong tiếng ru của dì Mây.

Tháng 6 – 1997

(*Người ở bến sông Châu*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2001)

**1.** Xác định sự kiện chính của mỗi phần trong văn bản *Người ở bến sông Châu*. Theo em, cách xây dựng cốt truyện của tác giả có gì đặc sắc?

**2.** Ai là nhân vật trung tâm trong truyện ngắn này? Hãy vẽ sơ đồ về mối quan hệ giữa nhân vật trung tâm đó với các nhân vật khác trong truyện.

**3.** Phân tích tính cách và phẩm chất của nhân vật dì Mây trong truyện qua các tình huống và sự kiện tiêu biểu. Nêu nhận xét về cuộc đời và tính cách của nhân vật dì Mây.

**4.** Phân tích và nhận xét về bút pháp miêu tả (tả cảnh và diễn biến tâm lí các nhân vật) của tác giả trong truyện ngắn *Người ở bến sông Châu*.

**5.** Câu chuyện diễn ra trong những không gian và thời gian nào? Tìm hiểu ý nghĩa của những hình ảnh dòng sông, con đò, cây cầu xuất hiện trong truyện.

**6.** Nhận xét về điểm nhìn trần thuật và người kể chuyện trong văn bản.

**7.** Theo em, vấn đề đặt ra trong truyện ngắn này là gì? Vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống hôm nay? Hãy ghi lại bằng một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng).

## Thực hành đọc hiểu

# HỒI TRỐNG CỔ THÀNH

(Trích *Tam quốc diễn nghĩa*)

LA QUÁN TRUNG(*)

### 1 Chuẩn bị

– Đọc trước đoạn trích *Hồi trống Cổ Thành*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả La Quán Trung, tác phẩm *Tam quốc diễn nghĩa*.

– Đọc nội dung giới thiệu sau đây để hiểu bối cảnh đoạn trích:

*Tam quốc diễn nghĩa* là bộ tiểu thuyết lịch sử dài 120 hồi. Tác phẩm chủ yếu kể lại quá trình hình thành, phát triển và diệt vong của ba tập đoàn phong kiến Tào Nguỵ, Lưu Thục và Tôn Ngô trong gần 100 năm (184 – 280) của nước Trung Hoa thời cổ.

Ở phần đầu bộ tiểu thuyết, ba nhân vật Lưu Bị (Lưu Huyền Đức), Quan Công (Quan Vân Trường) và Trương Phi (Trương Dực Đức), những người lập nên nhà Lưu Thục

(*) Tác giả La Quán Trung (khoảng 1330 – 1400), quê ở Sơn Tây (Trung Quốc).

sau này, gặp nhau, kết nghĩa anh em ở vườn đào, thề cùng nhau sống chết để khôi phục nhà Hán. Ở thời kì đầu loạn lạc, ba anh em gặp rất nhiều khó khăn, mỗi người một ngả. Lưu Bị phải theo Viên Thiệu, Quan Công bất đắc dĩ theo Tào Tháo, còn Trương Phi lưu lạc ở Cổ Thành. Đoạn trích sau đây kể chuyện Quan Công sau khi biết Lưu Bị đang ở bên phía Viên Thiệu đã đem hai chị dâu chạy khỏi doanh trại của Tào Tháo, trên đường đi biết tin Trương Phi đã lấy được Cổ Thành nên tìm về đoàn tụ.

## 2 Đọc hiểu

① Châu Thương theo Quan Công sang Nhữ Nam. Đi được vài ngày, trông xa xa trên đỉnh núi, có một toà thành, Quan Công hỏi thổ dân(1) là thành nào? Thổ dân nói:

– Đây gọi là Cổ Thành. Mấy tháng trước có một tướng, tên gọi Trương Phi, dẫn vài mươi quân kị đến, đuổi quan huyện đi, chiếm lấy thành trì, mộ quân tậu ngựa, chứa cỏ tích lương, nay có đến năm ba nghìn quân mã. Xung quanh đây không ai dám chống lại.

Quan Công nghe nói, mừng rỡ vô cùng:

– Em ta từ khi ở Từ Châu thất tán(2), lâu nay vẫn không biết ở đâu, ai ngờ lại hoá ra ở đây!

Liền sai ngay Tôn Càn vào thành báo tin, bảo Trương Phi ra đón hai chị.

Trương Phi từ khi trốn vào núi Mang Đãng, ở hơn một tháng. Một bữa ra ngoài nghe ngóng tin tức Huyền Đức, chợt đi qua Cổ Thành, vào huyện vay lương thực. Quan huyện không cho vay, Phi nổi giận đuổi ngay quan huyện đi, cướp lấy ấn thụ(3), chiếm lấy thành trì, tạm lấy chốn nương thân.

Hôm ấy, Tôn Càn theo lệnh Quan Công, vào thành ra mắt Trương Phi, thi lễ xong, nói chuyện Huyền Đức đã bỏ Viên Thiệu sang Nhữ Nam, Vân Trường thì ở Hứa Đô vừa đưa hai phu nhân đến đây. Rồi mời Trương Phi ra đón.

Phi nghe xong, chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp, vác mâu(4) lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc. Tôn Càn thấy lạ nhưng không dám hỏi, cũng phải theo ra thành.

Thái độ của Trương Phi và Quan Công như thế nào?

② Quan Công trông thấy Trương Phi ra, mừng rỡ vô cùng, giao long đao cho Châu Thương cầm, tế ngựa lại đón. Trương Phi mắt tròn xoe, râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.

---

(1) *Thổ dân*: người dân sinh sống từ lâu đời ở một địa phương nào đó.
(2) *Thất tán*: tan tác, lưu lạc mỗi người một nơi.
(3) *Ấn thụ* (*ấn*: con dấu của vua hoặc quan; *thụ*: dây tơ buộc ấn): chỉ con dấu của quan huyện.
(4) *Mâu* (*xà mâu*): tên một loại vũ khí thời cổ, là thứ giáo cán dài, lưỡi xoắn dài.

Quan Công giật mình, vội tránh mũi mâu, hỏi:

– Hiền đệ cớ sao như thế, há quên nghĩa vườn đào[1] ru?

Vì sao Quan Công nhắc đến "nghĩa vườn đào"?

Trương Phi hầm hầm quát:

– Mày đã bội nghĩa còn mặt nào đến gặp tao nữa?

Quan Công nói:

– Ta làm sao mà bội nghĩa?

Trương Phi nói:

– Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo, được phong hầu phong tước[2], nay lại đến đây đánh lừa tao! Phen này tao quyết liều sống chết với mày.

Quan Công nói:

– Chuyện này em không biết, ta cũng khó nói. May có hai chị ở đây, em đến mà hỏi.

Hai phu nhân nghe thấy thế, vội vàng vén màn xe, gọi:

– Chú Ba[3] sao lại thế?

Phi nói:

– Xin hai chị hãy thong thả, để tôi giết thằng phụ nghĩa này đã, rồi sẽ mời hai chị vào thành.

Cam phu nhân nói:

– Khoan đã chú Ba, khoan đã! Chớ hấp tấp mà làm càn bây giờ. Chú Hai[4] không biết tin tức mọi người ở đâu, nên phải tạm nương mình bên Tào. Nay đã biết anh nhà ở Nhữ Nam, không ngại hiểm trở, đưa lũ ta đến đây. Chú không được nghĩ lầm như thế.

My phu nhân cũng nói:

– Chú Hai trước ở Hứa Đô, thực là bất đắc dĩ.

Phi nói:

– Hai chị bị nó lừa dối đấy. Trung thần thà chịu chết không chịu nhục. Có lẽ đâu đại trượng phu lại thờ hai chủ!

Quan Công nói:

– Hiền đệ đừng nói vậy, oan uổng anh quá!

Vì sao cách xưng hô giữa Trương Phi và Quan Công đối lập nhau?

(1) *Nghĩa vườn đào*: chỉ lời thề kết nghĩa của Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi ở vườn đào.
(2) *Phong hầu phong tước*: phong tặng chức tước thời phong kiến. Ở đây chỉ việc Quan Công được Tào Tháo với danh nghĩa nhà Hán phong cho tước hầu và nhiều bổng lộc khác.
(3), (4) *Chú Ba*, *chú Hai*: lúc kết nghĩa vườn đào, Lưu Bị được tôn làm anh cả, Quan Công xếp thứ hai, Trương Phi xếp thứ ba.

Tôn Càn nói:

– Vân Trường đến đây là cốt để tìm tướng quân.

Trương Phi mắng:

– Mày cũng nói láo, nó đâu có bụng tốt, nó lại đây là để bắt ta đó!

Quan Công nói:

– Nếu ta đến bắt em, tất phải đem theo quân mã chứ!

Trương Phi trỏ tay đằng xa, nói:

– Không phải quân mã là gì kia?

Quan Công ngoảnh đầu lại, quả nhiên thấy bụi bay mù mịt, một toán quân mã kéo đến, cờ hiệu phấp phới chính là cờ Tào. Trương Phi nổi giận, nói:

Em có bất ngờ với tình huống này không? Vì sao?

– Bây giờ còn chối nữa thôi?

Rồi múa bát xà mâu hăm hở lại đâm Quan Công. Quan Công vừa đỡ vừa can:

– Hiền đệ hãy khoan, xem ta chém tên tướng ấy, để tỏ lòng thực của ta.

Trương Phi nói:

– Nếu mày quả có lòng thực, ta đánh ba hồi trống, mày phải chém được tên tướng ấy.

Quan Công nhận lời. Một lát, quân Tào kéo đến. Sái Dương đi đầu, vác đao tế ngựa chạy lại, quát to:

– Mày giết cháu tao là Tần Kỳ, lại trốn đến đây, tao phụng mệnh thừa tướng[1] đến bắt mày.

Quan Công chẳng nói một lời, múa long đao xô lại. Trương Phi thẳng cánh đánh trống, chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn xuống đất.

Khí phách và tài nghệ của Quan Công được thể hiện ra sao?

Quân Tào chạy tan tác. Quan Công bắt một tên lính cầm cờ hiệu, hỏi chuyện đầu đuôi. Tên lính thưa:

– Sái Dương nghe tin tướng quân giết mất cháu ngoại là Tần Kỳ, nổi giận đùng đùng, muốn sang Hà Bắc đánh nhau với tướng quân. Thừa tướng không cho đi, nên sai Sái Dương sang Nhữ Nam đánh Lưu Tích, không ngờ đi đến đây lại gặp tướng quân.

③ Quan Công sai tên lính kể chuyện ấy cho Trương Phi nghe. Phi hỏi kĩ việc ở Hứa Đô, tên lính kể hết nông nỗi từ đầu đến cuối, bấy giờ Trương Phi mới tin anh là thực… Phi mời hai chị vào thành.

---

(1) *Thừa tướng*: quan đứng đầu các quan trong triều, ở đây chỉ Tào Tháo.

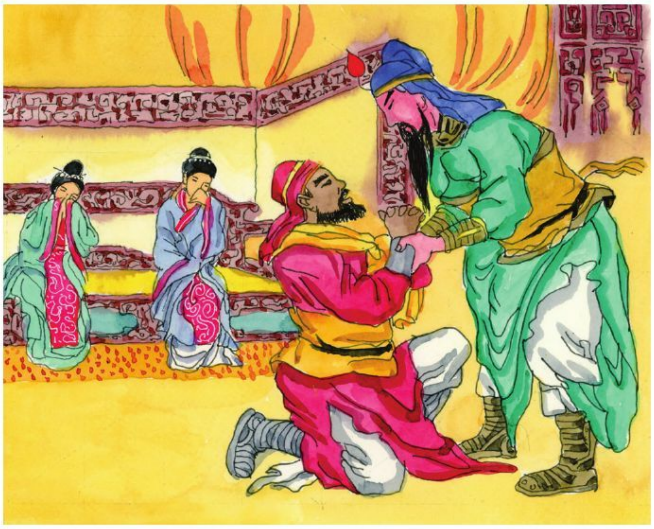

Vào đến nhà, hai bà mới kể lại những việc Quan Công đã trải qua. Trương Phi nghe hết chuyện, rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường.

(*Tam quốc diễn nghĩa*, tập một,
PHAN KẾ BÍNH dịch, BÙI KỶ hiệu đính, NXB Văn học, Hà Nội, 2020)

**1.** Nêu các sự kiện chính của văn bản *Hồi trống Cổ Thành*. Lí do gì dẫn đến sự hiểu lầm của Trương Phi đối với Quan Công?

**2.** Người kể chuyện đã khắc hoạ tính cách của Trương Phi và Quan Công thông qua những chi tiết, sự việc, tình huống nào?

**3.** Phân tích và đánh giá ý nghĩa của câu chuyện được kể trong văn bản *Hồi trống Cổ Thành*.

**4.** Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) so sánh tính cách của hai nhân vật Trương Phi và Quan Công được thể hiện qua đoạn trích *Hồi trống Cổ Thành*.

**5.** Với em, bài học sâu sắc nhất sau khi học văn bản *Hồi trống Cổ Thành* là gì?

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**1.** Tìm và so sánh bộ phận chêm xen trong hai câu dưới đây (trích từ truyện ngắn *Ngày cuối cùng của chiến tranh* của Vũ Cao Phan). Các bộ phận ấy có tác dụng giống nhau và khác nhau như thế nào?

a) *Lúc đó, buổi sáng của một ngày trước Ba mươi tháng Tư, năm người lính đứng bên chiếc cổng sắt xiêu vẹo, phía trong nhô cao một tháp xi măng lênh khênh.*

b) *Vào phiên liên lạc sớm với trung đoàn, tôi được nhắc tăng cường cảnh giác và được biết thêm rằng ngày hôm nay – rất có thể là ngày hôm nay – các binh đoàn bộ binh sẽ tiến vào nội đô.*

**2.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen trong những ngữ liệu sau:

a) *Trước hết, người Hà Nội, kết quả của tinh hoa bốn phương tụ hội, đua trí, đua tài học hỏi người ngoài và nâng cao nên trở thành những người Việt Nam lao động giỏi, làm thợ giỏi, làm thầy cũng giỏi.* (Trần Quốc Vượng)

b) *Chèo buông, đò ngang trôi theo dòng xuôi về phía hạ nguồn. Ông và dì, một già một trẻ, một lành lặn, một thương tật tựa đỡ vào nhau. Bóng dì và ông in trên mặt sông lẫn trong bóng chiều cháy đỏ.* (Sương Nguyệt Minh)

c) *Các chiến sĩ trinh sát của tôi khá đấy. Tôi cũng đã thấy đôi điều ngờ ngợ và giờ đây thì rất nhanh, như một phản ứng nghề nghiệp, tất cả các dữ kiện được xâu lại để bật lên thông tin chủ yếu này: ma xơ Giám đốc đã giấu ai đó – những ai đó – trong nhà nguyện kia vào lúc chúng tôi vừa hành quân đến đây. Ai?* (Vũ Cao Phan)

**3.** Biện pháp tu từ chêm xen trong những câu dưới đây có tác dụng thể hiện nội tâm của nhân vật như thế nào?

a) *Cô gái như chùm hoa lặng lẽ*
*Nhờ hương thơm nói hộ tình yêu*
*(Anh vô tình anh chẳng biết điều*
*Tôi đã đến với anh rồi đấy...).*

(Phan Thị Thanh Nhàn)

b) *Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.* (Nam Cao)

**4.** Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) có sử dụng biện pháp tu từ chêm xen, sau đó, nhận xét về tác dụng tu từ của chúng.

## VIẾT

# VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

### 1 Định hướng

a) Phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện là nêu lên và làm sáng tỏ giá trị (cái hay, cái đẹp) về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó.

– Phân tích là chia tách, đi sâu tìm hiểu và làm rõ giá trị của từng phương diện cụ thể về nội dung và hình thức của tác phẩm truyện.

– Đánh giá là nêu lên những suy nghĩ, nhận xét, bình luận của người viết về vấn đề đã được phân tích.

Phân tích và đánh giá là những thao tác thường kết hợp với nhau trong các bài nghị luận văn học. Ví dụ, trong đoạn trích sau đây, người viết tập trung phân tích và đánh giá tính hoàn chỉnh về cốt truyện của văn bản *Hồi trống Cổ Thành*:

*Hồi trống Cổ Thành* chỉ là một đoạn trích ngắn song vẫn có thể xem là một câu chuyện trong tác phẩm tự sự có cốt truyện hoàn chỉnh, tức diễn ra qua các bước thường thấy: *trình bày* (giới thiệu nhân vật, sự việc, hoàn cảnh), *khai đoan* (hoặc *thắt nút*: sự việc bắt đầu), *phát triển* (các biến cố tiếp diễn), *đỉnh điểm* (hoặc *cao trào*), *mở nút* (thường đồng thời cũng là kết thúc).

Tác giả nêu nhận xét về vấn đề gì trong đoạn mở đầu?

Phần đầu đoạn trích trình bày những việc diễn ra trước khi Trương Phi, nhân vật trung tâm của đoạn trích, xuất hiện. Quan Công, sau khi thoát khỏi tay Tào Tháo, nghe lời Tôn Càn, đưa hai vợ của Lưu Bị là Cam phu nhân và My phu nhân đi về Nhữ Nam gặp Lưu Bị. Trên đường về Nhữ Nam, được biết Trương Phi sau khi thua trận đã chiếm được Cổ Thành làm căn cứ, Quan Công rất mừng, "liền sai ngay Tôn Càn vào thành báo tin, bảo Trương Phi ra đón". Tôn Càn vừa nói xong, Trương Phi đã đùng đùng thịnh nộ, "chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc", "mắt tròn xoe, râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công". Còn Quan Công, thấy Trương Phi, lại "mừng rỡ vô cùng, giao long đao cho Châu Thương cầm, tế ngựa lại đón". Tình hình diễn ra quá bất ngờ, sự việc chính đã bắt đầu, mâu thuẫn đã bùng nổ mà một bên liên quan vẫn chưa hề rõ đầu đuôi câu chuyện. Quá trình phát triển của các biến cố dần phơi bày nguyên nhân sự việc và đẩy mâu thuẫn tới cao trào. Quan Công nhắc lại việc kết nghĩa vườn đào, tưởng để uốn nắn thái độ quá khích của Trương Phi, không ngờ lại như "đổ dầu vào lửa", càng làm cho Trương Phi thêm phẫn nộ. Theo Trương Phi, Quan Công ở với Tào một thời gian, nhận tước hàm Tào phong cho là đã phản bội: đã phản bội còn rêu rao "nghĩa vườn đào", lại càng đáng căm thù và phỉ nhổ. Biết lâm vào tình thế "khó nói", Quan Công đã kiên trì, bình tĩnh, lần lượt nhờ Cam phu nhân,

Tác giả phân tích, làm rõ nhận xét nêu ở đoạn mở đầu bằng cách nào?

My phu nhân rồi Tôn Càn minh oan song thảy đều vô hiệu. Với Trương Phi, về chuyện trung thành hay phản bội, một vấn đề cực kì trọng đại, dẫu có "trăm nghe" cũng không thể coi là chứng cứ, cũng không thể bằng "một thấy". Trương Phi không chỉ nghĩ rằng Quan Công đã phản bội mà còn nghi ngờ lần này đến là để lừa bắt mình. Để tự minh oan, Quan Công chỉ còn cách đưa ra một "chứng cứ" mà chính Quan Công cũng tưởng là đủ hùng hồn để thuyết phục Trương Phi: "Nếu ta đến bắt em, tất phải đem theo quân mã chứ!". Cũng không ngờ, đúng thời điểm ấy, bụi bay mù mịt, một toán quân mã mang cờ hiệu của Tào kéo đến. Việc rõ ràng mười mươi như tát vào mặt Quan Công, như xác nhận hoàn toàn sự phản bội của Quan Công, đã đưa mâu thuẫn đến cao trào. Trương Phi "múa bát xà mâu hăm hở lại đâm Quan Công". Lại cũng không ngờ, chính việc quân Tào kéo đến đó là cơ hội duy nhất để Quan Công có thể dùng hành động tự minh oan, để Trương Phi "thấy" trực tiếp sự trung thành của Quan Công, để cái nút đã thắt quá chặt được tháo gỡ. Điều lí thú là việc mở nút, qua ngòi bút tài hoa của tác giả, đã diễn ra một cách không chút dễ dàng và việc kết thúc câu chuyện cũng không diễn ra một cách chóng vánh. Sái Dương tuy vốn không phải là đối thủ của Quan Công nhưng cũng không phải là tay vừa. [...] Điều kiện của Trương Phi đặt ra lại vô cùng khắc nghiệt: Quan Công không chỉ phải chém Sái Dương mà còn phải chém được trong thời gian ngắn nhất, với thời lượng chỉ được tính bằng ba hồi trống trận! Thế nhưng, "chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn dưới đất". Tưởng thế là mọi việc đã rõ và câu chuyện đi nhanh đến kết thúc, song thực tế vẫn thường phức tạp hơn ta nghĩ. Sau khi nghe một tên lính Tào kể chuyện đầu đuôi nhằm giải thích lí do Sái Dương đến Cổ Thành, Trương Phi còn "hỏi kĩ việc ở Hứa Đô" và chỉ sau khi "tên lính kể hết nông nỗi từ đầu đến cuối, bấy giờ Trương Phi mới tin anh là thực". Đến thế rồi, tác giả vẫn chưa để cho Trương Phi vội biểu lộ rõ thái độ. Từ xa, lại có mấy chục quân kị mã kéo tới. "Phi lấy làm hồ nghi", ra xem thì hoá ra quân My Chúc, My Phương, người nhà của My phu nhân! Có người mới đến, hai phu nhân lại có dịp "kể lại những việc Quan Công đã trải qua". "Trương Phi nghe hết chuyện, rỏ nước mắt khóc, thụp xuống lạy Vân Trường.".

Chỉ đến lúc ấy, màn kịch nhỏ mới thực sự kết thúc, kết thúc một cách viên mãn và hợp lí. [...]

Phân biệt lí lẽ phân tích của tác giả và các bằng chứng lấy từ văn bản truyện.

Tính chất hoàn chỉnh về cốt truyện của đoạn trích nêu ở mở đầu đã được làm rõ chưa?

Câu chuyện diễn ra qua hàng loạt biến cố bất ngờ đầy kịch tính. Bất ngờ mà lại là tất yếu, hợp lô gích. Có thể chứng minh không khó khăn tính tất yếu của một biến cố dường như bất ngờ trong đoạn trích. Có lẽ bất ngờ nhất là sự xuất hiện đột ngột của Sái Dương. Như trên đã nói, trong các tướng Tào, chỉ có một mình Sái Dương là không phục Quan Công... Trong cuộc tranh hùng triền miên, con người hiếu thắng và tự phụ ấy ắt sẽ tìm cơ hội để đọ tài với Quan Công. Biết Quan Công chém Tần Kỳ, tướng Hạ Hầu Đôn của Tào đã tiên đoán là thế nào Sái Dương cũng tìm cách báo thù. Quan Công trả ơn Tào Tháo dù biết đó là người của đối phương. Sái Dương báo oán Quan Công dù Tào mấy lần ngăn cản. Cả hai điều đó đều tất yếu vì đều là sản phẩm của quan niệm ân oán cá nhân trong xã hội phong kiến. Trước sau mâu thuẫn giữa Sái Dương và Quan Công cũng phải bùng nổ và sự bùng nổ ấy mang đến hai lần tính tất yếu! [...] Qua những va chạm, xung đột, tính cách hai nhân vật chính đã được thể hiện một cách sinh động, rõ nét.

(Theo Nguyễn Khắc Phi, *Nguyễn Khắc Phi tuyển tập*, NXB Giáo dục, 2006)

Nhận biết một số câu văn thể hiện rõ nhận xét của người viết.

Tác phẩm truyện thường được cấu tạo từ nhiều phương diện, nhiều yếu tố. Bài viết có thể phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm, nhưng cũng có thể chỉ tập trung làm rõ một yếu tố nội dung hoặc hình thức nào đó của truyện, chẳng hạn:

– Phân tích, đánh giá nhân vật Quận Huy trong đoạn trích *Kiêu binh nổi loạn* (*Hoàng Lê nhất thống chí* – Ngô gia văn phái).

– Phân tích, đánh giá các nhân vật Trương Phi và Quan Công qua đoạn trích *Hồi trống Cổ Thành* (*Tam quốc diễn nghĩa* – La Quán Trung).

– Phân tích, đánh giá nghệ thuật xây dựng cốt truyện của tác giả Sương Nguyệt Minh trong truyện *Người ở bến sông Châu*.

b) Để viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện, các em cần chú ý:

– Xác định rõ yêu cầu nghị luận mà đề văn đã nêu.

– Đọc lại văn bản truyện được nêu trong đề.

– Xác định vấn đề cụ thể (nội dung, hình thức) mà bài viết sẽ phân tích, đánh giá.

– Suy nghĩ và thực hiện theo các bước viết bài văn nghị luận văn học.

## 2 Thực hành

Bài tập: *Phân tích và đánh giá nhân vật dì Mây trong truyện "Người ở bến sông Châu" của Sương Nguyệt Minh.*

a) Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* và nội dung đọc hiểu văn bản *Người ở bến sông Châu*. Chú ý những chi tiết bộc lộ phẩm chất nhân vật dì Mây: từ ngữ, hình ảnh, nhân vật (ngoại hình, lời nói, hành động,...), sự kiện, lời nhận xét từ người kể chuyện và các nhân vật khác trong truyện,…

– Đọc kĩ đề bài và chú ý các vấn đề đã nêu trong mục *1. Định hướng* ở trên để vận dụng vào bài viết.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

Cuộc đời dì Mây được tác giả khắc hoạ bằng các sự kiện nào? Dì Mây có những tính cách, phẩm chất gì? → Tính cách và phẩm chất của dì Mây được tập trung thể hiện như thế nào qua các chi tiết, sự kiện sau ngày trở về quê hương? → Chỉ ra những đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật dì Mây (tạo tình huống, miêu tả hành động, tâm trạng,...). → Qua nhân vật dì Mây, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì? Thông điệp đó có ý nghĩa như thế nào với cuộc sống hôm nay? Vì sao?

– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn và sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

| | |
|---|---|
| **Mở bài** | Giới thiệu khái quát về nhân vật và vấn đề sẽ phân tích. |
| **Thân bài** | + Nêu bối cảnh lịch sử – xã hội của truyện *Người ở bến sông Châu*.<br>+ Tóm tắt về cuộc đời dì Mây: Hoàn cảnh gia đình, tình yêu của dì Mây với chú San trước chiến tranh; cuộc sống chiến đấu của dì Mây ở chiến trường; cuộc sống của dì Mây ngày trở về quê hương;...<br>+ Phân tích nhân vật dì Mây thông qua các tình huống trớ trêu, đau khổ; những lựa chọn khó khăn và lòng can đảm khi đối mặt với những thử thách của số phận.<br>+ Nêu nhận xét, đánh giá về nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.<br>+ Nêu cảm nhận, suy nghĩ của em về nhân vật dì Mây. |
| **Kết bài** | + Nêu khái quát thành công của tác giả qua việc xây dựng nhân vật.<br>+ Từ nhân vật dì Mây, liên hệ và nêu cảm nghĩ của em về thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm. |

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã chuẩn bị để viết bài văn hoàn chỉnh.

– Cần chú ý: Bài viết đủ ba phần; các luận điểm trong phần thân bài cần làm rõ cho vấn đề nêu ở mở bài (phân tích, đánh giá về nhân vật dì Mây); các ví dụ (bằng chứng) lấy từ truyện *Người ở bến sông Châu* phải phù hợp; lời văn trong sáng, thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết đối với nhân vật được phân tích;...

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với mục *1. Định hướng* và dàn ý ở trên để phát hiện và sửa lỗi theo yêu cầu sau:

| Nội dung kiểm tra | Yêu cầu cụ thể |
|---|---|
| Bố cục ba phần | – Mở bài: Đã giới thiệu được nhân vật và vấn đề cần phân tích chưa?<br>– Thân bài:<br>+ Có phân tích được bối cảnh, các sự kiện chính trong cuộc đời nhân vật dì Mây không?<br>+ Đã phân tích và nhận xét về tính cách, phẩm chất của nhân vật dì Mây như thế nào?<br>+ Có nêu được ý kiến nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả không?<br>+ Đã nêu được những suy nghĩ và cảm xúc của mình về nhân vật dì Mây chưa?<br>+ Có chia thành nhiều đoạn văn tương ứng với các ý cần triển khai không?<br>– Kết bài: Có khái quát được thành công về xây dựng nhân vật và thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua nhân vật này chưa? |
| Các lỗi còn mắc | Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 25). |
| Đánh giá chung | Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 25). |

## NÓI VÀ NGHE

# GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

### 1 Định hướng

a) Giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm truyện là nêu lên ý kiến phân tích, nhận xét của mình về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện. Cũng như viết,

việc thuyết trình để giới thiệu và đánh giá về một tác phẩm truyện có thể tập trung vào một phương diện hoặc vấn đề nổi bật nào đó. Trong phần *Viết*, các em đã được hướng dẫn cách làm bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện. Với phần *Nói và nghe*, các em cần chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình, kết hợp với lời nói, giọng điệu và ngôn ngữ cơ thể phù hợp để trình bày lại nội dung đã viết trước người nghe.

b) Để giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm truyện, các em cần chú ý:

– Đọc lại truyện; tìm hiểu, ghi nhớ các thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm; tóm tắt truyện, nắm vững các điểm đặc sắc về hình thức và nội dung của truyện.

– Xem lại dàn ý đã thực hiện ở phần *Viết*, suy nghĩ kĩ để bổ sung ý mới so với bài đã viết (nếu có), điều chỉnh dàn ý cho phù hợp với yêu cầu của việc thuyết trình.

## 2 Thực hành

Bài tập: *Chọn một trong hai vấn đề sau để trình bày trước lớp:*

(1) *Giới thiệu, đánh giá nghệ thuật xây dựng tính cách các nhân vật Trương Phi và Quan Công trong đoạn trích "Hồi trống Cổ Thành" ("Tam quốc diễn nghĩa" – La Quán Trung).*

(2) *Giới thiệu, đánh giá về nhân vật dì Mây trong truyện "Người ở bến sông Châu" của Sương Nguyệt Minh.*

a) Chuẩn bị (ví dụ với vấn đề 2)

– Đọc lại văn bản truyện *Người ở bến sông Châu* và các tài liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm.

– Đọc lại dàn ý và bài viết đã thực hành ở phần *Viết*.

– Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý: xem lại dàn ý đã chuẩn bị ở phần *Viết*; bổ sung ý (nếu cần) và những chỗ cần lược bỏ, cần nhấn mạnh trong bài nói.

– Lập dàn ý: xem lại dàn ý và nội dung đã làm ở phần *Viết*; tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp với trình tự bài nói. Các em cần chú ý:

+ Cân nhắc yêu cầu thuyết trình trong bài *Giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm truyện* để bổ sung ý mới, sắp xếp lại các ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung bài thuyết trình. Bố cục của bài nói này tương tự bố cục ba phần của bài viết.

+ Cũng có thể trình bày theo trật tự khác nhưng cần nêu được các nội dung chính mà đề bài đã yêu cầu.

c) Nói và nghe

– Dựa vào nội dung dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện thuyết trình.

– Cách thuyết trình và thảo luận: tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 27).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 27).

## TỰ ĐÁNH GIÁ

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu (từ câu 1 đến câu 9) bên dưới:**

# Ngày cuối cùng của chiến tranh

(Lược một đoạn: *Năm chiến sĩ Giải phóng quân được giao nhiệm vụ tìm đài quan sát. Họ tìm được một Cô nhi viện vốn là một trường học. Các chiến sĩ đóng chốt ở đây và câu chuyện đã xảy ra.*)

① Ngày hôm ấy, chúng tôi thay nhau trực trên đài quan sát với biết bao nôn nóng khi nghe tiếng pháo từ hướng đông, hướng tây và xa hơn nữa, hướng nam. Đôi lúc mơ hồ vọng đến cả tiếng súng nhỏ. Sẽ đến rất gần một ngày Sài Gòn; ngày mai, ngày kia, hay...?

Nhưng đã xảy ra một chuyện làm đảo lộn công việc của chúng tôi. Bắt đầu là binh nhất Ruân, con chiên xứ đạo gốc Hải Hậu, băn khoăn tìm đến vào lúc cuối chiều:

– Anh ạ, có chuyện này khó hiểu. Em hỏi ma xơ khi nào thì hành lễ, lúc đầu ma xơ làm bộ như không nghe, rồi sau đó bà hỏi: "Mấy ông Giải phóng cũng quan tâm chuyện đó sao? Chúng tôi làm lễ rồi, cảm ơn.". Em phải nói rằng em là con Chúa, bấy lâu ở rừng chỉ đến thầm với Chúa được thôi, nay có nhà nguyện thì sướng nhất rồi, em muốn đi lễ. Em nói thế, ma xơ nhìn em rất lạ rồi bỏ đi mà không nói gì thêm. Anh thấy không, chúng mình đến đây từ sớm, đã có buổi lễ nào đâu? Không có lễ sáng mà cũng chưa thấy lễ chiều. Em để ý kĩ lắm mà. Ma xơ nói thế thì lạ thật!

Tôi chưa kịp chia sẻ mối nghi hoặc thì tiểu đội trưởng Vinh xuất hiện:

– Báo cáo chủ nhiệm, không ổn đâu! – Vinh hạ giọng.

– Có địch!

Vinh cho biết anh đi kiếm rau dền, rau rệu quanh trường, vừa lúc qua phía sau nhà nguyện thì đột ngột cửa sổ hé mở rồi đóng vội lại ngay. Anh áp sát chân tường và nghe thấy bên trong có tiếng động.

– Anh xem. – Vinh chỉ – Đứng đây mình vẫn nhìn thấy ổ khoá trái đen đen kia. Rõ ràng là...

Ruân đưa thêm ý kiến:

– Có một lúc ma xơ đi ngang chỗ khoá cửa, em để ý thấy bà bước chậm, miệng lẩm bẩm điều gì đó và đôi mắt thì không yên ngó vào một chỗ.

Các chiến sĩ trinh sát của tôi khá đấy. Tôi cũng đã thấy đôi điều ngờ ngợ và giờ đây thì rất nhanh, như một phản ứng nghề nghiệp, tất cả các dữ kiện được xâu lại để bật lên thông tin chủ yếu này: ma xơ Giám đốc đã giấu ai đó – những ai đó – trong nhà nguyện kia vào lúc chúng tôi vừa hành quân đến đây. Ai?

② Vậy là cuối cùng, đã đến với chúng tôi một đêm bức bối và hồi hộp lạ thường. Pháo cứ rền lên từng đợt, chớp cứ rung bần bật phía đường chân trời và thân xác chúng tôi thì căng lên hết nỗi. Chúng tôi lắng theo bước chân chiến thắng của đồng đội, chúng tôi lo làm nhiệm vụ được giao, và chúng tôi... Thôi, khỏi cần kể thêm. Khuya, mọi thứ có dịu đi nhưng tuyệt nhiên không một ai muốn chợp mắt.

Lúc đó quãng nửa đêm, trăng hạ tuần chưa qua khỏi ngọn cây. Tôi làm hiệu bí mật theo dõi khi đồng đội phát hiện một bóng đen. Bóng đen từ đầu bên kia dãy nhà men theo chân tường, lợi dụng sự che khuất của các bóng cây, chầm chậm di chuyển về hướng này. Cuối cùng thì bóng đen cũng đến được gốc cây cách nhà nguyện lối chừng mươi bước. Mục đích có thể là đã rõ: tên này, hoặc làm nhiệm vụ đưa tin, hoặc tìm cách mở cửa cho đồng bọn. Nhưng điều tác hại là cả khoảng trước cửa nhà nguyện lại hết sức trống trải, và kẻ phiêu lưu kia đành hầu như án binh bất động nơi gốc cây. Tôi dự kiến bắt sống nhưng chưa kịp hành động thì ngay lúc đó đã đẩy tới một tình huống bất ngờ. Bóng đen bỗng tách khỏi gốc cây, nghe ngóng rồi nhảy lên bậc thềm chỗ cửa nhà nguyện và chắc là bước hụt, y ngã sấp với một tiếng "xoảng". Rất nhanh, bóng đen đứng vụt dậy, biến mất về hướng ngược lại. Tôi quyết định không đuổi theo.

③ Buổi sáng, các chiến sĩ thu được từ hiện trường một cặp lồng với cơm canh tung toé, mấy ổ bánh mì và một chiếc dép. Vậy là mục đích của cuộc phiêu lưu ban đêm đơn giản hơn điều chúng tôi tưởng. Tôi cho xếp gọn các thứ, để ngay ngắn trên thềm nhà nguyện.

Ngày làm việc đã trở lại mà không một ai trong Cô nhi viện đi qua hướng này, trong khi các ma xơ thì có vẻ lóng ngóng đứng ngồi chẳng yên. Cũng chẳng có lễ sáng trong nhà nguyện nữa, đương nhiên. Và cũng không một ai trong

chúng tôi nhìn thấy ma xơ Giám đốc đâu, bà như giấu mặt vậy. Tất cả giống một sự đồng loã tự tố cáo.

Vào phiên liên lạc sớm với trung đoàn, tôi được nhắc tăng cường cảnh giác và được biết thêm rằng ngày hôm nay – rất có thể là ngày hôm nay – các quân đoàn bộ binh sẽ tiến vào nội đô. Trong báo cáo của mình, tôi cũng đề cập đến tình hình mặt đất nơi tác nghiệp và xin được toàn quyền hành động. Trung đoàn trưởng đồng ý: "Gắng hết sức bắt sống hay gọi hàng. Đừng phung phí cái chết, chiến tranh sắp qua rồi. Vả lại ở đó đang có nhiều trẻ em, phải không?".

Tôi quyết định đi tìm ma xơ Giám đốc, phải nói chuyện với bà ta trước đã. Tất nhiên sẽ không có thuyết giảng về chính tà, về chỗ đứng, dù ở thời điểm này. Càng không cần "vòng vo Tam quốc". Tôi nghĩ là mình hiểu bà. Các ma xơ luôn hành động hướng thiện như bằng chứng đây về trại mồ côi. Tình huống mà chúng tôi gặp phải cũng vậy, hẳn vì bà muốn tránh đổ máu. Tôi sẽ nói với ma xơ rằng chúng tôi cũng muốn thế, do đó xin ma xơ vận động những kẻ đang ẩn náu trong nhà nguyện kia buông súng đầu hàng. Cách mạng sẽ khoan dung.

Nhưng tôi được trả lời là ma xơ Giám đốc đang ốm? Không thể chần chừ, tôi nói với một ma xơ khác có vẻ đứng tuổi:

– Xin ma xơ lấy chìa khoá mở căn nhà nguyện kia. Chúng tôi cần kiểm soát trong đó.

– Giê-su (Jesus)! – Bà thốt lên – Nhưng tôi không có chìa khoá. Thứ đó ma xơ Giám đốc giữ.

– Thì ma xơ trình lại với bà ấy yêu cầu của chúng tôi. Từ giờ phút này nhà nguyện bị phong toả, xin ma xơ thu xếp để tất cả mọi người, nhất là trẻ em, chuyển hết về đằng kia. – Tôi tuyên bố.

Ma xơ làm dấu thánh rồi tất bật đi luôn. Nhưng hơn nửa tiếng trôi qua, không thấy bà quay lại. Tuy nhiên, các trẻ em đã được đưa ra khỏi khu vực phụ cận.

Phải hành động ngay. Tôi triệu tập bộ đội, chỉ để một chiến sĩ ở lại đài quan sát. Vinh tới, anh nói mà không biểu hiện một trạng thái nào rõ rệt trên nét mặt:

– Quân đội Sài Gòn đã đầu hàng. Anh nghe đây...

Vinh tăng chiết áp của chiếc đài bán dẫn Sô-ni (Sony) lúc nào cũng cặp kè bên sườn anh. Đập ngay vào tai tôi lệnh hạ vũ khí cho quân đội Sài Gòn của Tổng thống Dương Văn Minh[1]. Tôi cảm nhận cả mình cũng không có cảm xúc rõ rệt nữa khi hướng về đồng đội:

(1) *Tổng thống Dương Văn Minh*: Dương Văn Minh (1916 – 2001) giữ chức vụ Tổng thống chế độ Việt Nam Cộng hoà trong hai ngày cuối cùng của chiến tranh.

– Chúng ta sẽ đánh trận cuối cùng của chiến tranh.

"Điều gì cũng có thể xảy ra", ý nghĩ đó lướt nhanh trong khi tôi phân công vị trí chiến đấu cho các chiến sĩ. Mọi sự chấp hành đều lập tức và tuyệt đối.

– Phá khoá gọi hàng! – Tôi ra lệnh.

– Kìa Chủ nhiệm, ma xơ...

Tôi quay lại. Ma xơ Giám đốc bỗng như từ đâu đó hiện ra đi về phía chúng tôi, bước chân lẩy bẩy như khựng lại. Khi bà gắng giơ cao một chùm chìa khoá, hào hển(1) điều chi mà khi đến gần mới nghe rành:

– Xin đừng bắn vô trỏng, trung uý...

Mới chỉ qua một đêm, ma xơ đã gầy rộc hẳn đi. Bà cúi xuống, đôi tay gầy guộc run rẩy lần tìm chiếc chìa khoá nhà nguyện. Có lẽ bà đã đếm qua nó cả chục lần nhưng vẫn tìm, tìm hoài. Cuối cùng thì bà cũng giữ lấy một chiếc, nhìn lên:

– Trung uý để tôi.

Thoắt một cái, động tác của ma xơ bỗng trở nên nhanh hoạt lạ lùng. Bà như khẳng định lại tư thế Giám đốc. Khoá nảy, cửa mở, sau dấu Chúa tuẫn nạn(2), bà kêu rành rọt:

– Má đây, ra đi các con...

Và bất đồ đổ ụp dưới chân tôi, bà nấc lên:

– Lạy Chúa, xin các ông đừng giết. Chúng đâu có tội, chúng không có tội...

Thôi rồi! Tôi chợt hiểu tất cả khi từ trong góc tối của nhà nguyện, thất thểu, sợ sệt và hốc hác vì đói, bước ra ba đứa trẻ lai: hai Mỹ đen, một Mỹ Trắng. "Trời! Lại có thể như thế sao, Chúa ơi.".

– Lấy sữa trong ba lô pha cho các cháu mau đi! – Tôi nói với đồng đội trong khi cúi xuống đỡ ma xơ dậy.

Và cũng chỉ nói được đến thế, tôi đã phải xoay người bước nhanh để lẩn trốn những giọt nước mắt của chính mình. "Lại có thể như thế được sao, lại có thể...".

(VŨ CAO PHAN, in trong *Giải nhất văn chương*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1998)

(1) *Hào hển* (như *hổn hển*): nói, thở mạnh và mệt nhọc.
(2) *Dấu Chúa tuẫn nạn* (dấu Thánh giá): cử chỉ, nghi thức của người theo đạo Thiên Chúa để tuyên xưng đức tin, nhớ ơn hoặc tạ ơn Chúa.

**1.** Câu chuyện xảy ra ở địa điểm nào?

A. Bên trong nhà thờ

B. Quanh nhà nguyện

C. Trên đài quan sát

D. Trong vườn cây

**2.** Trong phần ①, chuyện gì làm đảo lộn công việc của các chiến sĩ?

A. Các ma xơ ngăn cản không cho các chiến sĩ vào ở cùng trong ngôi trường

B. Binh nhất Ruân, con chiên xứ đạo gốc Hải Hậu đi tìm phòng cầu nguyện

C. Mối nghi ngờ Giám đốc Cô nhi viện đã giấu ai đó trong nhà nguyện

D. Tiểu đội trưởng Vinh đi kiếm rau dền, rau rệu quanh trường và gặp địch

**3.** Tình huống nào ở cuối truyện khiến ma xơ Giám đốc Cô nhi viện phải xuất hiện?

A. Bọn trẻ trong nhà nguyện khóc khi các chiến sĩ Giải phóng đập cửa

B. Nhà nguyện, nơi giấu các em bé, có thể trúng bom đạn máy bay

C. Khi nghe được lệnh phá khoá, gọi hàng người trốn trong nhà nguyện

D. Khi nghe tin thành phố Sài Gòn đã được giải phóng

**4.** Lí do khiến các ma xơ giấu "ba đứa trẻ lai" trong nhà nguyện là gì?

A. Chăm sóc trẻ em mồ côi

B. Lo sợ bị Quân Giải phóng trả thù

C. Thương xót những đứa trẻ con lai

D. Tránh bom rơi, đạn lạc

**5.** Chi tiết nào trong phần kết thúc đã giải toả những lo lắng, nghi ngờ của bà Giám đốc Cô nhi viện đối với các chiến sĩ Giải phóng?

A. Bà cúi xuống, đôi tay gầy guộc run rẩy lần tìm chiếc chìa khoá nhà nguyện.

B. Và bất đồ đổ ụp dưới chân tôi, bà nấc lên...

C. Mới chỉ qua một đêm, ma xơ đã gầy rộc hẳn đi.

D. Người chiến sĩ nói: "Lấy sữa trong ba lô pha cho các cháu mau đi!".

**6.** Trong phần ①, những người lính Giải phóng và các ma xơ ở trong tình huống nào? Tình huống đó có vai trò như thế nào trong việc xây dựng cốt truyện?

**7.** Tìm những chi tiết trong phần ② của văn bản miêu tả tâm trạng của người lính Giải phóng trong đêm cuối cùng của chiến tranh.

**8.** Tìm những chi tiết miêu tả thái độ của ma xơ Giám đốc Cô nhi viện lúc được yêu cầu mở cửa nhà nguyện.

**9.** Nhận xét về phần kết thúc của truyện ngắn *Ngày cuối cùng của chiến tranh*.

## HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**1.** Đọc sách, báo hoặc truy cập Internet để tìm hiểu và thu thập những thông tin cần thiết liên quan đến các văn bản đọc hiểu trong Bài 6; các bài giới thiệu, điểm sách, phê bình văn học có liên quan đến các tác giả, tác phẩm đã học.

**2.** Tìm đọc thêm:

– Một số truyện ngắn khác viết về đề tài chiến tranh.

– Một số chương khác của tiểu thuyết *Hoàng Lê nhất thống chí* và *Tam quốc diễn nghĩa*.

**3.** Lưu ý trong và sau khi đọc:

– Ghi lại những cảm xúc, điều tâm đắc, thích thú, băn khoăn, điều chưa hiểu,... trong lúc đọc.

– Tóm tắt tác phẩm, đưa ra các phân tích, đánh giá về hình thức và nội dung của tác phẩm sau khi đọc.

BÀI 7

# THƠ TỰ DO

## YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân tích, đánh giá được giá trị thẩm mĩ của các yếu tố hình thức (nhân vật trữ tình, hình ảnh, từ ngữ,...) và nội dung (cảm hứng chủ đạo, chủ đề,...) trong bài thơ trữ tình (thể thơ tự do) viết về đề tài quê hương, đất nước.
- Thực hành phân tích giá trị của một số biện pháp tu từ đã học.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ.
- Biết giới thiệu, đánh giá một tác phẩm thơ.
- Yêu quý, tự hào, có trách nhiệm với quê hương, đất nước; trân trọng, biết ơn các thế hệ đi trước.

## KIẾN THỨC NGỮ VĂN

**1. Thơ tự do** khác với thơ cách luật, không có thể thức nhất định, không bị ràng buộc về số dòng, số chữ, vần,... Khác với thơ văn xuôi, thơ tự do là thơ có phân dòng. Bài thơ tự do có thể là sự kết hợp của các đoạn làm theo nhiều thể khác nhau hoặc tự do hoàn toàn. Thơ tự do xuất hiện do nhu cầu giải phóng cảm xúc khỏi sự ràng buộc chặt chẽ của các quy tắc về hình thức, phản ánh được những khía cạnh mới của cuộc sống đa dạng, thể hiện cái nhìn nghệ thuật mới của nhà thơ.

**2. Nhân vật trữ tình**

Nhân vật trữ tình (một dạng biểu hiện của chủ thể trữ tình) là người trực tiếp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ,... trong bài thơ. Đó là một người hoặc một giọng nào đó nói với người đọc những cảm nhận, rung động, suy tư,... của bản thân về con người và cuộc sống. Nhân vật trữ tình "là con người "đồng dạng" của tác giả – nhà thơ hiện ra từ văn bản"[1], nhưng không đồng nhất giản đơn với tác giả.

(1) Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển Thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, 1992, trang 156.

**3. Hình ảnh, ngôn từ và cảm hứng chủ đạo**

– Hình ảnh trong bài thơ hiện lên qua việc tác giả sử dụng các từ ngữ (tượng thanh, tượng hình, từ láy,...) và các biện pháp tu từ gợi cho người đọc cảm nhận về bức tranh đời sống thông qua các giác quan (thị giác, thính giác,...); giúp nhà thơ truyền tải cảm xúc, tư tưởng mạnh mẽ, cách miêu tả thêm sống động.

– Cảm hứng chủ đạo trong thơ là trạng thái cảm xúc, tình cảm mãnh liệt, tràn đầy, bao trùm, xuyên suốt tác phẩm, gắn với một tư tưởng, một cách đánh giá của tác giả. Thường có những dạng cảm hứng chủ đạo như: cảm hứng anh hùng, tự hào, bi thương, trào lộng,...

**4. Ôn tập các biện pháp tu từ**

Có thể chia các biện pháp tu từ đã học thành hai nhóm:

– Các biện pháp tu từ dựa trên quan hệ liên tưởng, bao gồm: so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá. Đặc điểm của các biện pháp tu từ này là thông qua hiện tượng chuyển nghĩa lâm thời của từ ngữ để làm nên hiệu lực biểu đạt. Bài thơ *Thuyền và biển* của Xuân Quỳnh là một ví dụ về các biện pháp tu từ so sánh (*Những đêm trăng hiền từ / Biển như cô gái nhỏ*) và nhân hoá (*Chỉ có thuyền mới hiểu / Biển mênh mông nhường nào / Chỉ có biển mới biết / Thuyền đi đâu, về đâu*).

– Các biện pháp tu từ dựa trên quan hệ kết hợp, bao gồm: điệp ngữ, đảo ngữ, liệt kê, nói quá, nói giảm – nói tránh,... Đặc điểm của các biện pháp tu từ này là thông qua sự phối hợp, sắp xếp từ ngữ và các yếu tố ngữ âm để tạo ra những ý nghĩa bổ sung có hiệu quả cao. Ví dụ:

*Ngày em phá nhiều bom nổ chậm*
*Đêm nằm mơ nói mớ vang nhà*
*Chuyện kể từ nỗi nhớ sâu xa*
*Thương em, thương em, thương em biết mấy...*

(Phạm Tiến Duật)

Ở dòng thơ cuối, nhà thơ đã sử dụng biện pháp điệp ngữ bằng cách lặp lại liên tục ba lần cụm từ "thương em" nhằm thể hiện tình cảm yêu thương tha thiết của người chiến sĩ đối với cô thanh niên xung phong.

## ĐỌC

### Đọc hiểu văn bản

# ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN ĐÌNH THI

### 1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(*)

– Khi đọc bài thơ tự do, các em cần chú ý:(**)

+ Nhân vật trữ tình là ai và bộc lộ cảm xúc về điều gì?

+ Bài thơ có các hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,… đặc sắc nào? Các yếu tố đó có tác dụng ra sao trong việc bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm,… của tác giả?

+ Cảm hứng chủ đạo và chủ đề của bài thơ là gì?

Nguyễn Đình Thi
(1924 – 2003), quê ở Hà Nội

– Đọc trước bài thơ *Đất nước*, tìm hiểu những thông tin về nhà thơ Nguyễn Đình Thi và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Lựa chọn và ghi chép lại một số thông tin giúp đọc hiểu bài thơ.

– Em biết những bài thơ nào viết về đất nước? Ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ,… mà những bài thơ đó gợi ra cho em là gì?

### 2 Đọc hiểu

① Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa

② Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may(1)
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

– Khổ 1, 2: Nhân vật trữ tình hiện lên qua từ ngữ nào?
– Hãy hình dung về Hà Nội và "người ra đi" trong hoài niệm của nhân vật trữ tình.

(*), (**) Khi đọc hiểu các văn bản khác trong Bài 7, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.
(1) *Hơi may*: hơi gió heo may (*gió heo may*: gió nhẹ, lạnh và khô, thường có vào mùa thu ở miền Bắc nước ta).

③ Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha

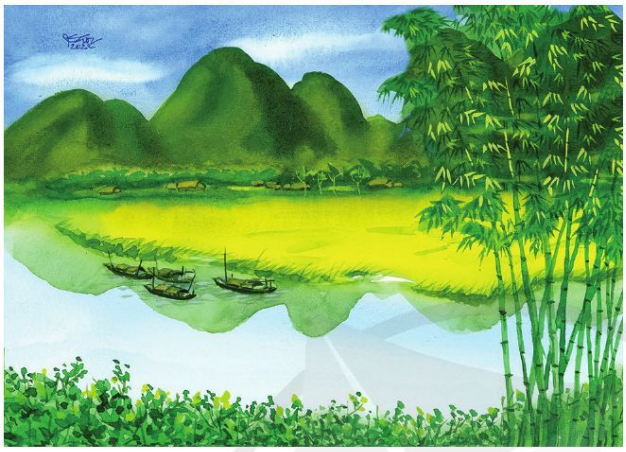

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về

– Khổ 3: Chú ý độ dài của các dòng thơ, phép điệp, phép liệt kê, hiệp vần, giọng điệu và cảm xúc của nhân vật trữ tình.
– Hình dung bức tranh đất nước trong "mùa thu nay" qua cảm nhận của nhân vật trữ tình.

④ Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu

Chú ý những cảm nhận của tác giả về đất nước trong chiến tranh.

⑤ Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngời lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
Đã bật lên những tiếng căm hờn

Từ khổ 5 – 10: Những dòng thơ nào chủ yếu thể hiện cảm nhận về:
– Đất nước đau thương, căm hờn?
– Đất nước quật cường, anh dũng?

⑥ Bát cơm chan đầy nước mắt
Bay còn giằng khỏi miệng ta
Thằng giặc Tây thằng chúa đất
Đứa đè cổ đứa lột da

⑦ Xiềng xích chúng bay không khoá được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà

⑧ Khói nhà máy cuộn trong sương núi
Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng
Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng

⑨ Ngày nắng đốt theo đêm mưa giội
Mỗi bước đường mỗi bước hi sinh
Trán cháy rực nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh

⑩ Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng loà.

1948 – 1955

(*Thơ*, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

Lưu ý thông tin về thời gian sáng tác.

**1.** Bài thơ *Đất nước* có thể được chia làm mấy phần? Cảm xúc của nhân vật trữ tình có sự thay đổi như thế nào qua các phần này? Từ đó, hãy nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

**2.** Mùa thu Hà Nội trong quá khứ hiện lên như thế nào trong 7 dòng đầu của bài thơ? Hình ảnh nào em thấy ấn tượng nhất? Vì sao?

**3.** Hãy phân tích cảm xúc của nhân vật trữ tình trong "mùa thu nay". Tại sao có sự khác nhau khi cảm nhận về mùa thu giữa hai khổ thơ đầu và khổ thơ thứ ba?

**4.** Những dòng thơ nào thể hiện sâu sắc, ấn tượng nhất về đất nước đau thương, quật cường trong chiến tranh? Cách diễn tả, thể hiện của nhà thơ có gì độc đáo?

**5.** Trình bày cảm nhận của em về hình tượng đất nước được khắc hoạ trong khổ thơ cuối.

**6.** Trong bài thơ, nhân vật trữ tình xưng "tôi", sau đó chuyển sang xưng "ta" ("chúng ta"). Theo em, việc thay đổi hai đại từ này có ý nghĩa gì?

**7.** Từ hai dòng thơ: "Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất / Những buổi ngày xưa vọng nói về", em cảm nhận được lời nhắn nhủ gì trong tiếng vọng "rì rầm" ấy? Hãy chia sẻ bằng một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng).

# 2 LÍNH ĐẢO HÁT TÌNH CA TRÊN ĐẢO

TRẦN ĐĂNG KHOA

## 1 Chuẩn bị

– Tìm hiểu những thông tin về nhà thơ Trần Đăng Khoa và xuất xứ của bài *Lính đảo hát tình ca trên đảo*. Lựa chọn và ghi chép lại một số thông tin cần thiết giúp đọc hiểu bài thơ; chú ý năm ra đời của bài thơ (1982).

– Đọc trước bài thơ *Lính đảo hát tình ca trên đảo*.

– Em có hiểu biết gì về quần đảo Trường Sa và cuộc sống của những người chiến sĩ trên các đảo ấy?

Trần Đăng Khoa,
sinh năm 1958, quê ở Hải Dương

## 2 Đọc hiểu

① Đá san hô kê lên thành sân khấu
Vài tấm tôn chôn mấy cánh gà
Em đừng trách bọn chúng anh tạm bợ
Chẳng phông màn nào chịu nổi gió Trường Sa

② Gió rát mặt, Đảo luôn thay hình dáng(1)
Sỏi cát bay như lũ chim hoang
Cứ mặc nó. Nào hỡi các chiến hữu
Ta bắt đầu thôi. Mây nước đã mở màn

③ Sân khấu lô nhô mấy chàng đầu trọc
Người xem ngổn ngang cũng rặt lính trọc đầu
Nước ngọt hiếm không lẽ dành gội tóc
Lính trẻ lính già đều trọc tếu như nhau

Khổ 1, 2: Chú ý từ ngữ nhân vật trữ tình tự xưng và sự đặc biệt của sân khấu do lính đảo tự tạo.

(1) Trường Sa là vùng đảo cát, gió to và sóng dữ, cứ sau vài giờ, đảo lại thay đổi hình dạng.

④ Có lúc vui cứ gọi đùa sư cụ
Là bà con xa với bụt ốc[1] đây mà
Thôi lặng yên nghe có gì đang sóng sánh
Hoá ra là sư cụ hát tình ca

Khổ 3, 4: Chú ý chi tiết những người lính đảo tự hoạ về ngoại hình của họ.

⑤ Những giai điệu ngang tàng như gió biển
Nhưng lời ca toàn nhớ với thương thôi
Đêm buông xuống nhìn nhau không rõ nữa
Cứ ngỡ như vỏ ốc cất thành lời

Bản tình ca của lính đảo có gì đặc biệt?

⑥ Rằng có đêm trăng dắt em đi dạo
Gương mặt em dịu dàng hàng cây cũng tươi xinh
Mở mắt chung chiêng lưng trời sóng vỗ
Và tay mình lại nắm lấy tay mình

⑦ Người yêu chúng anh ơi, các em ở phương nào?
Tóc em ngắn hay dài có trời mà biết được
Những bóng dáng nào sẽ đến với chúng anh
Trông bốn phía chỉ âm u mây nước

⑧ Nào hát lên cho mây nước biết
Rằng chúng ta là những con người
Yêu em thuỷ chung hơn muối mặn
Dù thư tình chưa biết gửi cho ai

Chú ý đến phép điệp trong các khổ thơ 8, 9.

⑨ Nào hát lên cho đêm tối biết
Rằng tình yêu sáng trong ngực ta đây

(1) *Bụt ốc*: cách dân gian gọi tượng Phật trong chùa ở thôn quê.

Ta đứng vững giữa muôn trùng sóng gió
Tổ quốc Việt Nam bắt đầu từ nơi này…

⑩ Điệu tình ca cứ ngân lên chót vót
Bỗng bàng hoàng nhìn lại phía sau
Ngoài mép biển người đâu lên đông thế
Ồ, hoá ra toàn những đá trọc đầu…

Kết thúc bài thơ có điều gì bất ngờ?

1982

(*Tuyển thơ*, NXB Văn học, Hà Nội, 2016)

**1.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ *Lính đảo hát tình ca trên đảo* là ai? Có thể chia bài thơ làm mấy phần? Hãy đặt tên cho mỗi phần đó.

**2.** Sân khấu, diễn viên và khán giả của buổi biểu diễn có gì đặc biệt? Đâu là lí do tạo ra sự đặc biệt này? Qua đó, em thấy hình tượng người lính đảo hiện lên như thế nào?

**3.** Phân tích tác dụng của một số biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng để thể hiện hình tượng người lính đảo và khúc tình ca của họ trong sáu khổ thơ cuối.

**4.** Hãy chỉ ra mạch cảm hứng của nhân vật trữ tình trong bài thơ *Lính đảo hát tình ca trên đảo*. Nêu nhận xét của em về ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ.

**5.** Bài thơ viết về những người lính trên quần đảo Trường Sa vào đầu những năm 80 của thế kỉ XX. Cuộc sống vật chất và tâm hồn của người lính đảo trong bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì?

**6.** Tưởng tượng em là khán giả trong buổi biểu diễn văn nghệ của người lính đảo. Hãy chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ,... của em khi đó bằng một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng).

## Thực hành đọc hiểu

# ĐI TRONG HƯƠNG TRÀM

HOÀI VŨ(*)

### 1 Chuẩn bị

– Đọc trước bài thơ *Đi trong hương tràm* và tìm hiểu, ghi chép những thông tin về nhà thơ Hoài Vũ.

(*) Tác giả Hoài Vũ, tên khai sinh là Nguyễn Đình Vọng, sinh năm 1935, quê ở Quảng Ngãi.

– Nghe bài hát *Đi trong hương tràm* do nhạc sĩ Thuận Yến phổ nhạc từ bài thơ này. Bài hát mang đến cho em những cảm xúc như thế nào?

– Tìm hiểu thêm về đặc điểm của cây tràm, sự gắn bó giữa cây tràm với cuộc sống của người dân Đồng Tháp Mười nói riêng, người dân Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

*Rừng tràm* (Ảnh: baodantoc.vn)

## 2 Đọc hiểu

① Em gởi gì trong gió trong mây
Để sáng nay lên Vàm Cỏ Tây(1)
Hoa tràm e ấp trong vòm lá
Mà khắp trời mây hương toả bay!

Chú ý không gian, thời gian, hình ảnh hoa tràm.

② Dù đi đâu và xa cách bao lâu
Dù gió mây kia đổi hướng thay màu
Dù trái tim em không trao anh nữa
Một thoáng hương tràm cho ta bên nhau

③ Gió Tháp Mười(2) đã thổi, thổi rất sâu
Có nỗi thương đau có niềm hi vọng
Bầu trời thì cao, cánh đồng thì rộng
Hương tràm bên anh, mà em đi đâu

Những biện pháp tu từ nào được sử dụng trong các khổ thơ 2 và 3?

(1) *Vàm Cỏ Tây*: tên một con sông chảy qua địa bàn tỉnh Long An.
(2) *Tháp Mười*: nay là tên một huyện thuộc tỉnh Đồng Tháp.

④ Dù đi đâu và xa cách bao lâu
Anh vẫn có bóng em, giữa bóng tràm bát ngát
Anh vẫn thấy mắt em trên lá tràm xanh ngát
Anh vẫn nghe tình em trong hương tràm xôn xao.

(*Tuyển tập thơ Việt Nam* (giai đoạn chống Mỹ cứu nước), NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999)

Cách diễn đạt của khổ thơ này có gì giống và khác với khổ 2?

**1.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ *Đi trong hương tràm* là ai? Vì sao em xác định như vậy?

**2.** Hãy chỉ ra các hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ. Những hình ảnh nào thể hiện tâm trạng trống trải, cô đơn của nhân vật trữ tình khi vắng "em"? Nêu cảm nhận về hình ảnh đó.

**3.** Cảm xúc của nhân vật trữ tình mỗi lần nhắc đến "hương tràm" trong các khổ thơ có gì giống nhau và khác nhau? Từ đó, em hiểu như thế nào về nhan đề *Đi trong hương tràm*?

**4.** Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của các hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai và khổ kết của bài thơ.

**5.** Vì sao hình tượng "tràm" (hương tràm, hoa tràm, lá tràm, bóng tràm) luôn gắn bó với nỗi nhớ "em"? Từ đó, hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nói về vẻ đẹp của tình yêu luôn gắn với hình ảnh quê hương, đất nước trong bài thơ.

# MÙA HOA MẬN

CHU THUỲ LIÊN(*)

## 1 Chuẩn bị

– Đọc trước bài *Mùa hoa mận* và tìm hiểu, ghi chép những thông tin về nhà thơ Chu Thuỳ Liên.

– Hãy tìm hiểu, chia sẻ ấn tượng của em về cảnh sắc thiên nhiên và mùa xuân của miền Tây Bắc.

(*) Tác giả Chu Thuỳ Liên, sinh năm 1966, quê ở Điện Biên.

## 2 Đọc hiểu

Cành mận bung cánh muốt
Lũ con trai háo hức chơi cù
Lũ con gái rộn ràng khăn áo
Bóng bay nâng ước mơ con trẻ

Chú ý hình ảnh, các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.

Cành mận bung cánh muốt
Giục mẹ xôn xang lá, gạo
Giục cha vui lòng căng cánh nỏ
Giục người già bản hối hả làm đu

Cành mận bung cánh muốt
Nhà trình tường[1] ủ hương nếp
Giục lửa hồng nở hoa trong bếp
Cho người đi xa nhớ lối trở về...

Dòng thơ cuối có gì đặc biệt về hình ảnh, cảm xúc?

Tháng Chạp, 2006

(*Thuyền đuôi én*, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 2009)

(1) *Nhà trình tường*: nhà có tường làm bằng đất nện.

**1.** Bài thơ *Mùa hoa mận* thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình về điều gì? Dòng thơ nào được điệp lại trong bài?

**2.** Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.

**3.** Tâm trạng, cảm xúc của con người hiện lên qua các từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ ra sao?

**4.** Hình dung và miêu tả lại bằng lời hoặc bằng bức tranh tự vẽ về thiên nhiên, con người Tây Bắc vào "mùa hoa mận" được thể hiện trong bài thơ.

**5.** Em thích nhất những câu thơ, hình ảnh nào trong văn bản *Mùa hoa mận*? Vì sao?

**6.** Tưởng tượng một "người đi xa" trong bài thơ đã "nhớ lối trở về" quê hương vào "mùa hoa mận". Những cảm xúc, tâm trạng nào đang diễn ra trong tâm hồn của người đó? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) để ghi lại cảm xúc, tâm trạng ấy.

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**1.** Phân tích giá trị của biện pháp tu từ so sánh trong các câu thơ dưới đây:

a) *Gió rát mặt, Đảo luôn thay hình dáng*
*Sỏi cát bay như lũ chim hoang*

(Trần Đăng Khoa)

b) *Những giai điệu ngang tàng như gió biển*
*Nhưng lời ca toàn nhớ với thương thôi*
*Đêm buông xuống nhìn nhau không rõ nữa*
*Cứ ngỡ như vỏ ốc cất thành lời*

(Trần Đăng Khoa)

c) *Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ*
*Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,*
*Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa*
*Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*

(Chế Lan Viên)

d) *Tình yêu là vũ khí*
*Giữ đất trời quê hương.*

(Lò Ngân Sủn)

**2.** Tìm và phân tích tác dụng nghệ thuật của các biện pháp tu từ trong những câu thơ dưới đây ở bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi:

a) *Ôi những cánh đồng quê chảy máu*
*Dây thép gai đâm nát trời chiều*

b) *Trán cháy rực nghĩ trời đất mới*
*Lòng ta bát ngát ánh bình minh*

c) *Súng nổ rung trời giận dữ*
*Người lên như nước vỡ bờ*
*Nước Việt Nam từ máu lửa*
*Rũ bùn đứng dậy sáng loà.*

**3.** Xác định biện pháp tu từ trong những câu thơ sau và phân tích tác dụng của chúng:

a) *Đã tan tác những bóng thù hắc ám*
*Đã sáng lại trời thu tháng Tám.*

(Tố Hữu)

b) *Trời xanh đây là của chúng ta*
*Núi rừng đây là của chúng ta*
*Những cánh đồng thơm mát*
*Những ngả đường bát ngát*
*Những dòng sông đỏ nặng phù sa*

(Nguyễn Đình Thi)

c) *Từ những năm đau thương chiến đấu*
*Đã ngời lên nét mặt quê hương*
*Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu*
*Đã bật lên những tiếng căm hờn*

(Nguyễn Đình Thi)

d) *Sân khấu lô nhô mấy chàng đầu trọc*
*Người xem ngổn ngang cũng rặt lính trọc đầu*

(Trần Đăng Khoa)

**4.** Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) bàn về giá trị nghệ thuật của bài thơ *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi), trong đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh.

VIẾT

# VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM THƠ

## 1 Định hướng

a) Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ là nêu lên và làm rõ ý kiến của người viết về giá trị nội dung, nghệ thuật (cái hay, cái đẹp) của một tác phẩm thơ nào đó.

Ở phần *Viết* của Bài 6, các em đã được biết thế nào là phân tích và đánh giá một tác phẩm truyện. Ở đây, với một tác phẩm thơ cũng hiểu cách phân tích, đánh giá như thế và chú ý thêm: Khi đánh giá, có thể nêu cả các hạn chế cũng như những điều tâm đắc, những phát hiện riêng của bản thân về tác phẩm thơ.

Tham khảo bài viết sau đây để nhận biết được đặc điểm và cách thức phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ (chú ý các hướng dẫn ở cột phải):

*Tự tình* (bài 2) là một tác phẩm trong chùm *Tự tình* của Hồ Xuân Hương – "Bà chúa thơ Nôm". Tự tình là kể nỗi lòng, một đề tài thường thấy trong thơ xưa.

Mở đầu là một âm thanh đêm khuya:

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn*

Những người có nhiều tâm sự thường không ngủ say, ngủ không yên giấc, đêm khuya chỉ một âm thanh nhỏ cũng dễ dàng bị đánh thức. "Văng vẳng" là âm thanh từ xa vọng lại. Đáng chú ý là chữ "dồn". Trống cầm canh đêm khuya là thứ trống giữ nhịp, thay gác, vốn bình thường hết sức, chẳng có gì gọi là dồn dập cả. "Dồn" ở đây là cảm xúc của nhà thơ. Trống canh là tín hiệu thời gian đang thúc giục.

*Trơ cái hồng nhan với nước non*

"Hồng nhan" là danh từ vốn chỉ vẻ đẹp phụ nữ, chỉ người phụ nữ đẹp một cách trang trọng. Đem ghép với chữ "cái" thành "cái hồng nhan" làm cho hồng nhan được vật thể hoá, mất đi màu sắc văn chương, để chỉ còn hiện ra một thiếu phụ cô đơn. "Trơ" ở đây không chỉ là trơ trọi, cô đơn, mà còn có gì như là vô duyên, vô phận, rất bẽ bàng và đáng thương,

Mở đầu nêu nội dung gì?

Người viết phân tích bài thơ theo trình tự nào?

đáng giận. Tiếng trống thời gian đang đánh vào cảm thức cô đơn. Người phụ nữ tỉnh dậy không chỉ thấy mình nằm một mình trơ trọi, mà cảm thấy rõ cái phận hồng nhan vô duyên của mình. "Nước non" là hình ảnh của vũ trụ, của đời, của thế giới. Một số phận dang dở giữa đời.

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,*

*Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*

Chén rượu tình mới thoảng qua, mới có chút say đã hết, lại tỉnh. Vầng trăng chưa tròn đang khuyết mà đã xế. Một cảm giác về sự dở dang, chưa được thoả mãn đủ đầy trong hai câu thơ. Ý thơ cũng mơ hồ: vầng trăng chưa tròn mà đã xế, hay đang khuyết, chưa tròn, đang đợi đến lúc tròn? Hình như có cả hai. Vầng trăng vừa có thật, vừa tượng trưng.

*Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,*

*Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*

Đây là cảnh thực của đêm trăng bóng xế, ánh sáng của nó xiên ngang mặt đất, "đâm toạc chân mây" hay còn là kí ức đã qua? "Xiên ngang", "đâm toạc" có thể là từ tả cảnh, nhưng đúng hơn nó tả tình, là gợi nhắc những kỉ niệm, đồng thời là cả khao khát nữa, những động tác mạnh mẽ đầy sức sống.

*Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,*

*Mảnh tình san sẻ tí con con.*

Thời gian trong bài thơ đâu phải chỉ là một đêm. Đó là một đêm trong vô vàn đêm, năm này qua năm khác. Xuân đi xuân lại lại. Thời gian tuần hoàn. Xuân vẫn đang còn. Nhưng cuộc đời tình ái thì ít ỏi quá. Người ta còn gọi tình người là "khối" tình, "tấm" tình, ở đây Hồ Xuân Hương chỉ gọi là "mảnh" tình. Cái mảnh như mảnh vỡ, mong manh, không nguyên vẹn. Một mảnh tình đã bé nhỏ đến thế, mà cũng chỉ được "san sẻ tí con con"!...

Cả bài thơ là một nỗi khao khát tình duyên, nỗi than đời bất công, là tình cảnh đáng thương của người phụ nữ dở dang, lẽ mọn, một biểu hiện thương thân mà con người cá nhân đã thức tỉnh. [...]

(Theo Trần Đình Sử, *Đọc văn, học văn*, NXB Giáo dục, 2001)

Những chi tiết, yếu tố nào của bài thơ được chú ý phân tích?

Chú ý các nhận xét của người viết khi phân tích.

Đoạn này có phải nêu khái quát về bài thơ?

Khi phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ, các em cần lưu ý một số điểm sau:

– Nội dung của tác phẩm thơ thể hiện qua các yếu tố như đề tài, chủ đề, tư tưởng, tình cảm và thái độ,... của chủ thể trữ tình.

– Nghệ thuật của tác phẩm thơ thể hiện ở các yếu tố hình thức thể loại như: thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, các biện pháp tu từ,...

– Nội dung và nghệ thuật liên quan chặt chẽ với nhau. Vì thế, khi phân tích cần làm rõ vai trò và tác dụng của các yếu tố hình thức nghệ thuật trong việc làm nổi bật nội dung.

– Nghị luận về một tác phẩm thơ có thể yêu cầu phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm, đoạn trích hoặc tập trung vào một số nội dung, hình thức của tác phẩm thơ.

b) Để viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá tác phẩm thơ, các em cần chú ý:

– Đọc kĩ tác phẩm thơ, chú ý xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật. Chỉ ra giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm thơ.

– Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn các dẫn chứng từ tác phẩm thơ cho mỗi luận điểm.

– Liên hệ, so sánh với các tác giả, tác phẩm có cùng đề tài, chủ đề để nhận xét điểm gặp gỡ và sáng tạo riêng của tác giả được thể hiện trong tác phẩm thơ.

– Suy nghĩ, nhận xét về những thành công và hạn chế (nếu có) của tác giả, về giá trị, sự tác động của tác phẩm thơ đối với người đọc cũng như bản thân em.

## 2 Thực hành

Bài tập: *Chọn một trong hai đề sau đây để viết bài văn phân tích, đánh giá về bài thơ, đoạn thơ:*

(1) *Hãy viết bài văn phân tích, đánh giá bài thơ "Mùa hoa mận" của Chu Thuỳ Liên.*

(2) *Cảm nhận của em về đoạn thơ:*

*"Sáng mát trong như sáng năm xưa*
*Gió thổi mùa thu hương cốm mới*
*Tôi nhớ những ngày thu đã xa*

*Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội*
*Những phố dài xao xác hơi may*

*Người ra đi đầu không ngoảnh lại*

*Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy"*

(*Đất nước* – Nguyễn Đình Thi)

a) Chuẩn bị (ví dụ với đề 2)

– Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề (nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ; phạm vi dẫn chứng: hai khổ thơ đầu của bài thơ *Đất nước*;...).

– Đọc kĩ lại đoạn thơ; chú ý vị trí của đoạn thơ, thể thơ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ; các hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng;...

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

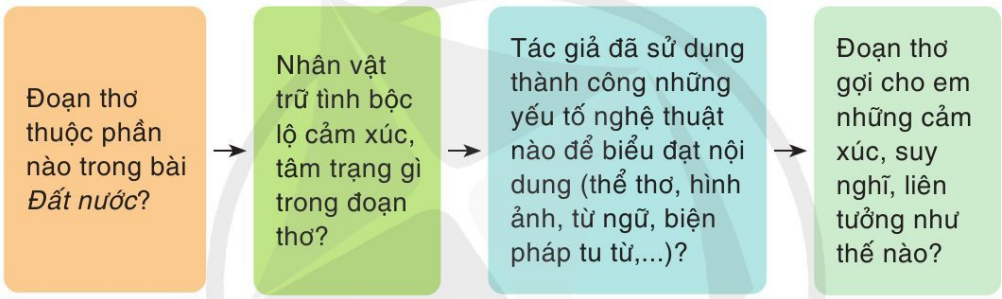


– Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn và sắp xếp theo bố cục ba phần:

| | |
|---|---|
| **Mở bài** | Giới thiệu khái quát về bài thơ và nêu vấn đề: Vẻ đẹp về nội dung và nghệ thuật trong hai khổ thơ mở đầu bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi. Ví dụ: *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi là một bài thơ hay. Bằng những hình ảnh, ngôn ngữ tinh tế, trong sáng, hai khổ thơ đầu trong bài đã mở ra dòng hoài niệm của nhân vật trữ tình về mùa thu Hà Nội trong quá khứ. |
| **Thân bài** | + Giới thiệu chung về đoạn thơ (tác giả, hoàn cảnh ra đời của bài thơ,...).<br>+ Phân tích, đánh giá đoạn thơ để làm rõ vấn đề của bài viết. Người viết có thể sắp xếp các ý theo trật tự khác nhau (theo bố cục, mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, theo các khía cạnh của vấn đề,...). Ví dụ, có thể sắp xếp nội dung phân tích, đánh giá hai khổ thơ đầu của bài *Đất nước* theo bố cục, mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình như sau:<br>• Tín hiệu gợi nhớ về "những ngày thu đã xa" (phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của khổ thơ đầu).<br>• Mùa thu Hà Nội trong quá khứ qua hoài niệm của nhân vật trữ tình (phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của khổ thơ sau). |

| | |
|---|---|
| **Kết bài** | + Khái quát, tổng hợp lại vẻ đẹp nội dung và hình thức của đoạn thơ.<br>+ Nêu suy nghĩ, đánh giá khái quát và cảm xúc của bản thân về đoạn thơ. |

c) Viết

– Viết bài văn theo dàn ý đã lập.

– Chú ý nêu rõ cảm nhận, ý kiến của bản thân về vẻ đẹp của đoạn thơ; diễn đạt (hành văn) có cảm xúc trung thực, không sao chép văn mẫu; dùng từ ngữ chính xác và viết đúng chính tả, ngữ pháp;...

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Đọc lại bài văn đã viết. Đối chiếu với mục *1. Định hướng* và dàn ý ở trên để phát hiện và sửa lỗi theo yêu cầu sau:

| Nội dung kiểm tra | Yêu cầu cụ thể |
|---|---|
| Bố cục ba phần | – Mở bài: Đã giới thiệu được đoạn thơ và nêu ý kiến nhận xét, đánh giá của bản thân về đoạn thơ chưa?<br>– Thân bài:<br>+ Có giới thiệu được ngắn gọn thông tin khái quát về đoạn thơ không?<br>+ Có phân tích được các yếu tố hình thức, nội dung của đoạn thơ để làm rõ ý kiến không?<br>+ Có so sánh với tác giả, tác phẩm khác cùng đề tài, chủ đề và liên hệ với bản thân người viết hay không?<br>+ Có chia thành nhiều đoạn văn tương ứng với các ý cần triển khai không?<br>– Kết bài: Có khái quát, tổng hợp nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ và nêu được suy nghĩ,... của người viết không? |
| Các lỗi còn mắc | Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 25). |
| Đánh giá chung | Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 25). |

## NÓI VÀ NGHE

# GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ

### 1 Định hướng

a) Giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ là trình bày trước người nghe những thông tin cơ bản về bài thơ như: nhan đề, tác giả, nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc,...)

và đặc sắc nghệ thuật (thể loại, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ,...); đồng thời, nêu nhận xét, ý kiến của người giới thiệu về nội dung, nghệ thuật,... của bài thơ đó.

b) Để giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ, các em cần chú ý:

– Lựa chọn bài thơ định giới thiệu, đọc kĩ để hiểu bài thơ.

– Xác định thời lượng và người nghe bài giới thiệu để có cách trình bày phù hợp.

– Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói.

– Kết hợp ngôn ngữ nói với các yếu tố phi ngôn ngữ (nét mặt, ánh mắt, giọng điệu,...) phù hợp với nội dung giới thiệu.

## 2 Thực hành

Bài tập: *Hãy giới thiệu và nêu ý kiến đánh giá của em về một bài thơ thuộc đề tài quê hương, đất nước.*

a) Chuẩn bị

– Đọc kĩ đề bài và xác định yêu cầu của đề.

– Lựa chọn bài thơ về đề tài quê hương, đất nước mà em muốn giới thiệu với mọi người. Ví dụ: bài *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi), *Lính đảo hát tình ca trên đảo* (Trần Đăng Khoa), *Mùa hoa mận* (Chu Thuỳ Liên),... hoặc một bài thơ tự chọn.

– Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

– Tập đọc diễn cảm bài thơ.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài giới thiệu bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

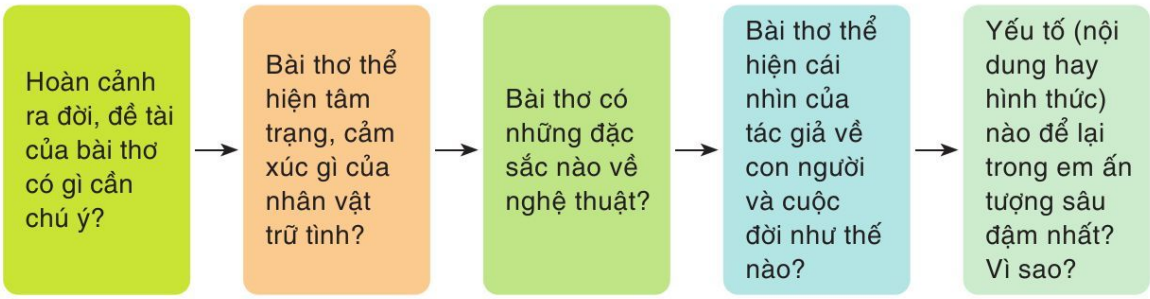


– Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

| | |
|---|---|
| **Mở đầu** | Giới thiệu bài thơ và vấn đề trình bày. |
| **Nội dung chính** | Lần lượt giới thiệu bài thơ theo trình tự phù hợp. Ví dụ:<br>+ Đọc diễn cảm bài thơ (đoạn thơ); giới thiệu hoàn cảnh ra đời, nội dung chính của bài thơ (nhân vật trữ tình và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ,...).<br>+ Chỉ ra đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, hình ảnh, nhịp điệu, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) và tác dụng của chúng.<br>+ Phát biểu chủ đề, ý nghĩa của bài thơ.<br>+ Nêu ấn tượng sâu đậm và những nhận xét, đánh giá của em về nội dung, nghệ thuật của bài thơ,... |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại ý nghĩa của bài thơ và bày tỏ mong muốn nhận sự trao đổi, thảo luận của người nghe. |

c) Nói và nghe

– Dựa vào nội dung dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện bài nói.

– Cách thuyết trình và thảo luận: tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 27).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 27).

## TỰ ĐÁNH GIÁ

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu (từ câu 1 đến câu 10) bên dưới:**

# Khoảng trời, hố bom

① Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường
Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương
Cho đoàn xe kịp giờ ra trận
Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa
Đánh lạc hướng thù, hứng lấy luồng bom...

② Đơn vị tôi hành quân qua con đường mòn
Gặp hố bom nhắc chuyện người con gái
Một nấm mồ, nắng ngời bao sắc đá,
Tình yêu thương bồi đắp cao lên...
Tôi nhìn xuống hố bom đã giết em
Mưa đọng lại một khoảng trời nho nhỏ
Đất nước mình nhân hậu
Có nước trời xoa dịu vết thương đau.

③ Em nằm dưới đất sâu
Như khoảng trời đã nằm yên trong đất
Đêm đêm, tâm hồn em toả sáng
Những vì sao ngời chói, lung linh.

④ Có phải thịt da em mềm mại, trắng trong
Đã hoá thành những làn mây trắng?
Và ban ngày khoảng trời ngập nắng
Đi qua khoảng trời em – Vầng dương thao thức
Hỡi Mặt Trời, hay chính trái tim em trong ngực
Soi cho tôi
Ngày hôm nay bước tiếp quãng đường dài?

⑤ Tên con đường là tên em gửi lại
Cái chết em xanh khoảng trời con gái
Tôi soi lòng mình trong cuộc sống của em
Gương mặt em, bạn bè tôi không biết
Nên mỗi người có gương mặt em riêng.

1972

LÂM THỊ MỸ DẠ

(*Thơ Việt Nam 1945 – 1985*, NXB Giáo dục, 1985)

**1.** Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

A. "Em" – cô thanh niên xung phong

B. "Tôi" – người lính trên đường hành quân

C. Đồng đội của "tôi" – những người lính

D. Bạn bè của "tôi" – những người "có gương mặt em riêng"

**2.** Phương án nào nêu đúng về các hình ảnh "ngọn lửa", "vì sao ngời chói lung linh", "làn mây trắng", "vầng dương" trong bài thơ?

A. Hình ảnh tả thực khung cảnh hố bom nơi người nữ thanh niên hi sinh

B. Hình ảnh tả thực con đường hành quân của nhân vật trữ tình

C. Hình ảnh biểu tượng cho sự bất tử của vẻ đẹp thanh xuân và tâm hồn người nữ thanh niên xung phong

D. Hình ảnh biểu tượng cho vẻ đẹp trường tồn của thiên nhiên đất nước

**3.** Khổ nào trong bài thơ thể hiện sự hi sinh dũng cảm của người nữ thanh niên xung phong?

A. Khổ 1 B. Khổ 2

C. Khổ 4 D. Khổ 5

**4.** Phương án nào sau đây **không** thể hiện nội dung của khổ thơ thứ tư?

A. Sự bất tử hoá vẻ đẹp cao cả của người nữ thanh niên xung phong

B. Cảm hứng ngợi ca, trân trọng sự hi sinh cao cả của người nữ thanh niên xung phong

C. Nỗi đau đớn, bi thương trước sự hi sinh của người nữ thanh niên xung phong

D. Ý nghĩa cao cả của sự hi sinh dũng cảm ở những người nữ thanh niên xung phong

**5.** Phương án nào nêu đúng biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ "Cái chết em xanh khoảng trời con gái" và tác dụng của biện pháp đó?

A. Ẩn dụ – Sự trân trọng, xúc động sâu sắc trước hành động hi sinh, dâng hiến trọn vẹn tuổi thanh xuân cho Tổ quốc của người nữ thanh niên xung phong

B. Hoán dụ – Sự khẳng định vẻ đẹp tâm hồn bất tử của người nữ thanh niên xung phong

C. Nhân hoá – Sự hi sinh, dâng hiến trọn vẹn tuổi thanh xuân cho Tổ quốc của người nữ thanh niên xung phong đã thấu động cả thiên nhiên

D. So sánh – Sự hi sinh, dâng hiến trọn vẹn tuổi thanh xuân cho Tổ quốc của người nữ thanh niên xung phong cao cả, đẹp đẽ như khoảng trời còn mãi

**6.** Điểm gặp gỡ giữa nhân vật người nữ thanh niên xung phong trong bài thơ trên và người lính trong bài thơ *Lính đảo hát tình ca trên đảo* của Trần Đăng Khoa là gì?

A. Tâm hồn lạc quan, yêu đời

B. Tình yêu cao cả dành cho Tổ quốc

C. Tình yêu lứa đôi thuỷ chung, son sắt

D. Nỗi nhớ quê hương, gia đình da diết

**7.** Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ *Khoảng trời, hố bom*?

**8.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ trong bài thơ.

**9.** Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về tình cảm, trách nhiệm của thế hệ trẻ hôm nay đối với Tổ quốc?

**10.** Từ hai dòng thơ: "Gương mặt em, bạn bè tôi không biết / Nên mỗi người có gương mặt em riêng", hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) thể hiện cảm nhận về nhân vật "em" trong bài thơ.

## HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**1.** Tìm đọc thêm một số bài thơ về chủ đề quê hương, đất nước.

**2.** Lưu lại, học thuộc lòng những câu thơ hay và ghi chép cảm nhận, đánh giá của bản thân về một bài thơ hoặc một vài câu thơ đã lựa chọn thuộc chủ đề quê hương, đất nước.

BÀI 8

# VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

## YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được nội dung, mối quan hệ, cách sắp xếp của luận đề, luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu và vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. Xác định được mục đích, quan điểm của người viết và ý nghĩa, tác động của văn bản đối với bản thân.
- Nhận biết và phân tích được tính mạch lạc, tính liên kết của đoạn văn và văn bản; từ đó, nhận biết và sửa lỗi về mạch lạc, liên kết trong đoạn văn và văn bản.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá nội dung và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học.
- Biết giới thiệu, đánh giá về vẻ đẹp của tác phẩm văn chương.
- Giữ gìn và phát huy những giá trị nhân văn cao đẹp (yêu thương, chia sẻ, cảm thông,...); trân trọng và yêu thích khám phá vẻ đẹp của tác phẩm văn học.

## KIẾN THỨC NGỮ VĂN

### 1. Cách sắp xếp, trình bày luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng

Trong văn bản nghị luận, luận đề là quan điểm bao trùm toàn bộ bài viết, thường được nêu ở nhan đề hoặc trong phần mở đầu của bài viết. Luận điểm nhằm triển khai làm rõ cho luận đề; số luận điểm nhiều hay ít tuỳ thuộc vào dung lượng và nội dung của vấn đề. Mỗi luận điểm thường được trình bày bằng một câu khái quát và được làm sáng tỏ bởi các lí lẽ, dẫn chứng. Cách sắp xếp, trình bày các yếu tố trên thể hiện bố cục và trình tự, thứ bậc (kết cấu) của hệ thống ý trong bài nghị luận; giúp cho bài viết rõ ràng, mạch lạc và có sức thuyết phục cao.

### 2. Tác phẩm văn học và người đọc

Tác phẩm văn học là sáng tạo nghệ thuật ngôn từ của nhà văn, là đối tượng tiếp nhận của người đọc. Thông qua hoạt động tiếp nhận, người đọc không chỉ nhận ra

cái hay, cái đẹp (hoặc chưa hay, chưa đẹp) về nội dung, nghệ thuật của văn bản mà còn hiểu biết thêm về cuộc sống và chính mình. Các hoạt động tiếp nhận thường bao gồm: đọc văn bản; tưởng tượng, tái tạo thế giới hình tượng; tìm kiếm, kết nối thông tin trong và ngoài văn bản để phân tích, đánh giá nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm cũng như bổ sung các ý nghĩa từ vốn sống, trải nghiệm của người đọc và bối cảnh thời đại;...

**3. Sửa lỗi về đoạn văn và văn bản**

Văn bản phải có tính mạch lạc (liên kết về mặt nội dung) và tính liên kết (liên kết về mặt hình thức). Để bảo đảm tính mạch lạc, các phần, các đoạn văn, các câu trong văn bản đều phải phục vụ chủ đề chung của văn bản và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Để bảo đảm tính liên kết, mối quan hệ về nội dung giữa các câu, các đoạn văn, các phần trong văn bản phải được thể hiện bằng những phương tiện ngôn ngữ thích hợp.

Các lỗi thường gặp về đoạn văn và văn bản là:

– Lỗi về mạch lạc

+ Các câu của đoạn văn (hoặc các đoạn văn, các phần trong văn bản) không nói về cùng một chủ đề. Ví dụ:

(1) *Mọi tác phẩm nghệ thuật đều bắt đầu từ một cảm xúc.* (2) *Thơ là loại hình nghệ thuật ngôn từ giàu hình ảnh và nhạc điệu.* (3) *Văn xuôi không có vần.* Ở đoạn văn này, từng câu đều đúng nhưng mỗi câu nói về một chủ đề khác nhau. Cách sửa: viết lại các câu (2), (3) theo đúng chủ đề đã nêu ở câu (1).

+ Các câu của đoạn văn (các phần, các đoạn văn trong văn bản) mâu thuẫn với nhau. Ví dụ:

(1) *Hình tượng người nông dân trong văn học hiện thực có những nét đẹp truyền thống.* (2) *Nếu đặt họ bên những nhân vật phản diện như Nghị Lại, Nghị Quế, thì họ hoàn toàn đối lập với bản chất kệch cỡm, nhố nhăng, tàn ác của bọn quan lại.* (3) *Chị Dậu không như Thuý Kiều hay Kiều Nguyệt Nga khi gặp hoạn nạn thì vào cõi Phật để hưởng chút bình an, mà chị đã đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm.* (Dẫn theo Nguyễn Minh Thuyết)

Trong đoạn văn trên, ý câu (3) mâu thuẫn với ý câu (1). Cách sửa: viết lại câu (3) để thống nhất với chủ đề được nêu ở câu (1).

+ Các câu của đoạn văn (các phần, các đoạn văn trong văn bản) không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. Ví dụ: (1) *Năm 19 tuổi chị đẻ đứa con trai, sau đó chồng chị mắc bệnh, ốm liền trong hai năm rồi chết.* (2) *Chị làm quần quật phụng dưỡng cha mẹ*

*chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con.* (3) *Có những ngày ngắn ngủi cơn bệnh tạm lui, chồng chị yêu thương chị vô cùng.* (Dẫn theo Trần Ngọc Thêm)

Trong đoạn văn trên, các câu được sắp xếp không theo một trình tự hợp lí: Những sự việc nói ở câu (2) và câu (3) không thể diễn ra sau sự việc ở câu (1). Cách sửa: bổ sung từ ngữ trước câu (2) để xác định thời gian diễn ra sự việc là "trước đó, suốt thời gian chồng ốm".

– Lỗi về liên kết

Biểu hiện của lỗi này là người viết không sử dụng phương tiện liên kết giữa các câu trong một đoạn văn (các phần, các đoạn văn trong văn bản) hoặc sử dụng phương tiện liên kết không phù hợp. Ví dụ:

*Trong tác phẩm "Chí Phèo", Nam Cao đã vẽ lên bộ mặt của con quỷ dữ ở làng Vũ Đại. Nhắc đến Chí Phèo là người ta lại nhớ đến một tên say, một kẻ chuyên nghề đâm thuê, chém mướn và rạch mặt ăn vạ.* ***Nhưng*** *tất cả những ước mơ tưởng rất bình thường của Chí đều không được xã hội thừa nhận.* (Dẫn theo Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh)

Cách sửa: Thay từ *nhưng* bằng *bởi vậy*, *vì vậy*, *bởi thế*.

## ĐỌC

### Đọc hiểu văn bản

# BẢN SẮC LÀ HÀNH TRANG

NGUYỄN SĨ DŨNG(*)

### 1 Chuẩn bị

– Văn bản nghị luận xã hội cũng như nghị luận văn học, thường có sự kết hợp với các yếu tố biểu cảm, thể hiện chủ yếu qua ngôn từ, giọng điệu nghị luận. Yếu tố biểu cảm góp phần quan trọng trong việc bộc lộ quan điểm, chính kiến của người viết. Vì thế, khi đọc hiểu văn bản nghị luận, cần chú ý những từ ngữ, câu văn, biện pháp nghệ thuật,... thể hiện tình cảm, thái độ của tác giả.

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.(**)

– Khi đọc một văn bản nghị luận, các em cần chú ý:(***)

(*) Tác giả Nguyễn Sĩ Dũng, sinh năm 1955, quê ở Nghệ An.

(**), (***) Khi đọc hiểu văn bản nghị luận khác trong Bài 8, học sinh cần vận dụng các gợi ý ở đây.

+ Đọc nhan đề và suy đoán vấn đề xã hội được người viết đưa ra bàn luận.

+ Đọc kĩ văn bản, nhận diện hệ thống luận điểm của bài viết.

+ Ở mỗi luận điểm, tìm hiểu lí lẽ, dẫn chứng và cách lập luận để hiểu rõ mục đích, quan điểm của người viết và nét đặc sắc của hình thức trình bày.

+ Liên hệ, kết nối để thấy ý nghĩa và tác động của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.

– Đọc trước văn bản *Bản sắc là hành trang*, tìm hiểu thêm những bài viết về bản sắc dân tộc và yêu cầu hội nhập quốc tế.

– Từ những hiểu biết và trải nghiệm cá nhân, em hãy suy nghĩ về ý nghĩa của vấn đề mà văn bản nghị luận trên đã nêu lên.

## 2 Đọc hiểu

① Hội nhập là việc sông kết vào với biển, chứ không phải việc sông tan biến vào trong biển. Chúng ta gắn kết với thế giới, chứ không phải chúng ta tan biến vào thế giới.

② Tuy nhiên, vấn đề là làm thế nào để hơn 80 triệu người không bị hoà lẫn và biến mất trong hơn 6 000 triệu người? Làm thế nào để chúng ta vẫn được nhận biết trong một thế giới dẹt[1], trong một làng toàn cầu? Câu trả lời cho thời kì hội nhập là bản sắc của cộng đồng chúng ta làm nên sự tồn tại của cộng đồng chúng ta. Nếu bản sắc của chúng ta bất diệt, thì chúng ta cũng ngàn đời bất diệt.

Tỉ lệ các con số nói lên điều gì?

Bản sắc là tất cả những gì đặc trưng cho dân tộc Việt Nam, tất cả những gì làm cho người Việt chúng ta khác với mọi tộc người khác trên thế giới. Đó trước hết là tiếng Việt, thứ ngôn ngữ do cha ông để lại và được chia sẻ bởi các cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đó là những thành tựu văn hoá của chúng ta. Là trống đồng, là tượng chùa Tây Phương, là kho tàng dân ca, kho tàng văn học nghệ thuật mà tiêu biểu là *Truyện Kiều*, là hệ thống giá trị của chúng ta, trong đó có tình yêu quê hương xứ sở, có đời sống tâm linh phong phú với việc thờ cúng tổ tiên theo cách của riêng mình…

Câu nào nêu cách hiểu khái quát về bản sắc dân tộc? Những câu còn lại trong đoạn văn có tác dụng gì?

(1) *Thế giới dẹt* (giống cách nói "thế giới phẳng"): chỉ sự phát triển toàn cầu hoá, theo đó, sự truyền bá thông tin và kết nối giữa mọi người trên Trái Đất dễ dàng và nhanh chóng hơn nhờ Internet.

Ngày nay, người ta thường nói nhiều đến sự xung đột giữa chiếc xe Lếch-xớt[1] (Lexus) với cây ô liu[2]. Chiếc xe Lếch-xớt đại diện cho sự hiện đại và sự toàn cầu hoá. Cây ô liu đại diện cho bản sắc và cho truyền thống. Có vẻ như toàn cầu hoá đang áp đặt vô số những chuẩn mực chung cho mọi tộc người. Các chuẩn mực về kĩ thuật, về công nghệ thông tin và truyền thông, về thương mại, về đầu tư,... tất cả là chung và tất cả những cái chung đang ngày một nhiều thêm lên. Cái chung nhiều thêm lên, thì cái riêng sẽ bị giảm bớt đi. Đó là một nguy cơ hoàn toàn có thật. Tuy nhiên, chiếc xe Lếch-xớt và cây ô liu không nhất thiết bao giờ cũng phải xung đột và triệt tiêu lẫn nhau. Ngược lại, chiếc xe Lếch-xớt vẫn có thể tạo điều kiện cho việc bảo tồn cây ô liu và cây ô liu vẫn có thể trang điểm cho chiếc xe Lếch-xớt. Việc hội nhập và việc giữ gìn bản sắc cũng vậy. Không có hội nhập, nghề múa rối nước, nghề thổ cẩm của chúng ta chắc sẽ rất khó phát triển. Ngược lại, các nhà hàng, khách sạn cao cấp chắc cũng sẽ có ít sức hấp dẫn đối với khách du lịch nước ngoài, nếu thiếu sự hiện diện của hồn văn hoá Việt.

Tác giả mượn hình ảnh chiếc xe Lếch-xớt và cây ô liu để nói về điều gì?

Bản sắc thậm chí là một lợi thế cạnh tranh. Bởi vì bản sắc tạo nên sự độc đáo, sự hấp dẫn. Ví dụ, phố cổ Hà Nội mang bản sắc văn hoá của người Việt và là duy nhất trên thế giới nên có sức cuốn hút to lớn đối với du khách nước ngoài. Hồ Gươm cũng vậy, các gánh hàng hoa trên đường Hà Nội cũng vậy...

Hai đoạn cuối phần ② khẳng định thêm điều gì về bản sắc văn hoá?

Bản sắc văn hoá còn có thể bổ sung giá trị cho các hàng hoá và dịch vụ của chúng ta. Nhờ đó, chúng cũng trở nên đặc biệt hơn, hấp dẫn hơn đối với khách hàng cả trong nước, lẫn ngoài nước.

③ Tóm lại, tiếp thu tinh hoa của nhân loại, nhưng giữ gìn bản sắc của dân tộc không chỉ là phương châm[3] hành động, mà còn là bản năng[4] tồn tại của chúng ta.

Kết bài, tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?

(*Những nghịch lí của thời gian*, NXB Thời đại, Hà Nội, 2011)

---

(1), (2) *Xe Lếch-xớt*: loại xe hơi hạng sang của hãng Tô-y-ô-ta (Toyota), Nhật Bản. *Cây ô liu*: loại cây xanh quanh năm, rất phổ biến ở các nước thuộc vùng Địa Trung Hải, hoa trắng, quả nhỏ, dùng để ăn hoặc ép lấy dầu. *Chiếc xe Lếch-xớt và cây ô liu* (*The Lexus and the Olive tree*) là tên một tác phẩm của Thô-mát Phơ-rai-men (Thomas Friedman) viết về toàn cầu hoá.

(3) *Phương châm*: tư tưởng chỉ đạo hành động, thường được diễn đạt bằng những câu ngắn gọn.

(4) *Bản năng*: toàn bộ những hoạt động, những hành vi bẩm sinh tự nhiên của một sinh vật đối với môi trường xung quanh hay những kích thích từ bên trong để tự vệ, sinh sản,... thường để phân biệt với ý thức.

**1.** Em hiểu như thế nào về nhan đề *Bản sắc là hành trang*? Nhan đề này cho em biết vấn đề tác giả bàn luận trong văn bản là gì? Vấn đề ấy có ý nghĩa như thế nào trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập?

**2.** Hãy nêu ý chính được trình bày ở ba phần của bài viết theo gợi ý sau:

| | |
|---|---|
| Phần ① | M Làm thế nào để hội nhập mà không bị tan biến vào thế giới (hoà nhập mà không hoà tan)? |
| Phần ② | |
| Phần ③ | |

**3.** Phân tích những biểu hiện của bản sắc dân tộc Việt Nam được tác giả nêu lên trong văn bản *Bản sắc là hành trang*. Em có thể bổ sung những biểu hiện nào khác của bản sắc dân tộc?

**4.** Phân tích mối quan hệ giữa hiện đại và truyền thống, cái riêng và cái chung được tác giả nêu lên qua ví dụ về chiếc xe Lếch-xớt và cây ô liu.

**5.** Tác giả có thái độ như thế nào đối với vấn đề bản sắc và hội nhập toàn cầu hoá? Dẫn ra một số câu văn, đoạn văn trong văn bản thể hiện rõ thái độ ấy.

**6.** Em hiểu như thế nào về câu kết của bài viết: "Giữ gìn bản sắc của dân tộc không chỉ là phương châm hành động, mà còn là bản năng tồn tại của chúng ta."? Vấn đề đặt ra trong văn bản trên có ý nghĩa gì với cá nhân em?

# GIÓ THANH LAY ĐỘNG CÀNH CÔ TRÚC

CHU VĂN SƠN(*)

## 1 Chuẩn bị

– Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

– Đọc trước văn bản *Gió thanh lay động cành cô trúc* và tìm hiểu thêm toàn văn bài viết về Nguyễn Khuyến qua chùm thơ thu của tác giả Chu Văn Sơn.

## 2 Đọc hiểu

① Mùa thu phải chăng là mùa mà thiên nhiên trở nên thư thái hơn? Nó là cái quãng lặng để hoà giải hai đối cực là mùa hè nóng nực và mùa đông buốt giá. Sự hoà giải ấy

(*) Tác giả Chu Văn Sơn (1962 – 2019), quê ở Thanh Hoá.

khiến cho tất cả đều như được thanh lọc. Tất cả dường như đều êm ái hơn, nhẹ nhàng hơn, mênh mông hơn, trong trẻo hơn, mát mẻ hơn, phong quang hơn, thưa thoáng hơn,… Nắm được cái *thần* của mùa thu phải chăng là cảm được, truyền được những nét ấy vào thi ca của mình? Chùm thơ này, bài nào cũng làm được điều đó.

Ở phần ①, tác giả nhắc đến chùm thơ nào?

Hãy nhìn riêng vào một bài, một bài thôi, *Thu vịnh*:

*Trời thu xanh ngắt mấy từng cao,*
*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.*
*Nước biếc trông như tầng khói phủ,*
*Song thưa để mặc bóng trăng vào.*
*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,*
*Một tiếng trên không ngỗng nước nào.*
*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*
*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào*[1].

② Hai câu *đề* đã ghi ngay được cái thần thái của trời thu. Câu thứ nhất gợi ra cái nền phông cảnh bằng nét rộng khoáng đạt, thoáng đãng: *Trời thu xanh ngắt mấy từng cao*. Chữ *xanh ngắt* gợi được cái sắc xanh riêng của mùa thu với tất cả vẻ êm ả, mát mẻ và trong xanh của nó. Ba chữ *mấy từng cao* cho thấy tầm nhìn thi sĩ rộng mở cùng với các tầng trời. Nếu nền phông gợi những khoảng xa của hậu cảnh, thì ở gần tầm mắt hơn, hiện ra một tiền cảnh là *cần trúc lơ phơ*… Tầm nhìn dịch chuyển từ xa đến gần. Và, không phải cành trúc, ngọn trúc mà phải là *cần trúc*. Chữ *cần* là nét cong mềm mại thật hợp điệu thu. Chữ *lơ phơ* tả vẻ đẹp lưa thưa mà lay động. Chữ *hắt hiu* thật là cái hồn của gió thu. Cả *lơ phơ* và *hắt hiu* như phụ hoạ với nhau để thâu tóm cái hồn của gió thu: *Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*. Thi sĩ đã dùng cái động gần để gợi cái tĩnh xa trong bao la của thinh không[2]. Đó là những gợn gió thật mỏng manh, nếu không có một mĩ cảm tinh tế thì khó mà nhận biết. Đó chính là những gợn *gió thanh* từng làm xao động thân *cô trúc* của Nguyễn Khuyến đấy chăng?

Trong phần ②, tác giả đã nêu và muốn chứng minh với người đọc điều gì?

③ Bức tranh thu thanh đạm cứ hạ dần độ cao. Hai câu *thực* tả cảnh mặt nước và mặt đất: *Nước biếc trông như tầng khói phủ / Song thưa để mặc bóng trăng vào*. Nếu *xanh ngắt* rất đặc trưng cho sắc trời thu, thì *xanh biếc* lại tóm đúng cái thần thái của nước thu.

Xác định những câu văn, cụm từ cho biết thái độ và cảm xúc của người viết trong phần ③.

(1) *Ông Đào*: Đào Tiềm (? – 427), một trong những nhà thơ lớn của Trung Quốc thời nhà Tấn và Lưu Tống, được coi là người có nhân cách cao quý, lối sống thanh cao.
(2) *Thinh không*: khoảng không, nơi hoàn toàn vắng lặng.

Nước và trời soi chiếu qua nhau qua cảm quan của thi sĩ. Với hai sắc độ ấy, bức tranh thu của Nguyễn Khuyến đã lan toả một gam xanh vừa thanh đạm vừa sâu lắng, điều mà Xuân Diệu gọi là "những điệu xanh". Thi sĩ nhìn ra cái làn hơi dường có lại dường không quấn quýt đầu con sóng. Ấy là vẻ hư ảo chỉ có trong tiết trời thu: *Nước biếc trông như tầng khói phủ.* Cái nhà cỏ thấp le te của Nguyễn Khuyến thấp thoáng trong cả ba bài *thu*, ở đây được hiện ra chỉ với một khung cửa sổ theo lối cắt cảnh: *Song thưa để mặc bóng trăng vào*. Không gian mở ra từ những khung cửa với hàng *song thưa* vốn là không gian quen thuộc của trăng thu, cũng là không gian quen thuộc của các thi sĩ phương Đông. Cửa sổ mở thông vào thiên nhiên, cho tâm hồn giao lưu với ngoại giới, hoà với tạo vật. Chữ *song thưa* rất không đâu mà thật ăn nhịp, hoà điệu được với cái không khí riêng của mùa thu. Thực thì, khung cửa kia mùa nào chẳng thế, chẳng phải thu đến thì nó thưa hơn. Nhưng, có phải sang đến mùa thu thì cái vẻ *thưa* của nó mới lưu thành ấn tượng trong nhỡn quan(1) thi sĩ như một nét song thu, để khung cửa ấy thật sự ăn nhập với cái vẻ thưa thoáng, phong quang và êm đềm vốn là ý vị riêng của mùa thu? Và vầng trăng tri kỉ chỉ thoải mái đi về cùng với thi nhân qua cái khung trời thông thoáng trữ tình ấy?

④ Đến hai câu *luận*, không gian và thời gian bỗng mở rộng ra:

*Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,*
*Một tiếng trên không ngỗng nước nào.*

Câu trên là một ảo giác về thời gian. Câu dưới là một thảng thốt trước không gian. Với hai câu này, bức tranh thu bỗng giàu những thi vị hư huyền. Chữ *năm ngoái* (gắn với hoa) vốn được Nguyễn Du sáng tạo từ chữ *y cựu* (y như cũ) trong thơ Thôi Hộ(2). Giờ đây, qua thời gian, nó lại trôi về Yên Đổ(3), đậu lên cái chùm hoa nơi lưng giậu của Nguyễn Khuyến, phổ vào hình ảnh thơ một chút hoài niệm bâng khuâng. *Trước giậu* là xác thực về không gian. Còn *hoa năm ngoái* đã có vẻ không thật xác thực về thời gian. Có một cái gì như một thoáng ngưng đọng trên chùm hoa kia. Hoa vẫn lặng lẽ ở đó từ năm ngoái, hay hoa mới hiện về từ trong kỉ niệm? Khó mà phân định. Chỉ biết rằng trong lòng phải mang nặng nỗi u hoài không dễ tỏ bày, thi nhân mới có cái cảm nhận huyền hồ(4) ấy!

Hãy chỉ ra những từ ngữ có tính gợi hình, gợi cảm trong phần ④.

(1) *Nhỡn quan*: ở đây có thể hiểu là cái nhìn, suy cảm của thi sĩ (*nhỡn – nhãn*: mắt; *quan*: xem, nhìn).
(2) *Thôi Hộ* (722 – 846): nhà thơ thời Đường (Trung Quốc).
(3) *Yên Đổ*: tên xã (xã Yên Đổ), quê nội của nhà thơ Nguyễn Khuyến.
(4) *Huyền hồ*: mơ hồ, khi thực, khi hư.

Với một tiếng ngỗng rớt xuống từ thinh không, không gian quê kiểng chợt mở ra mênh mông đến chân trời khác: *Một tiếng trên không ngỗng nước nào*. Hai chữ *nước nào* không xác định ở cuối câu như một thoáng hồ nghi, một giây thảng thốt đã khiến cho thinh không càng tĩnh lặng, xa vắng hơn. Ở bài *Thu điếu*, ta gặp một tiếng cá quẫy vọng lên từ đáy nước (*Cá đâu đớp động dưới chân bèo*). Ở bài *Thu vịnh*, ta lại gặp một tiếng chim di trú rớt xuống từ không trung. Đến từ hai phía khác nhau, nhưng cùng đánh động một tâm hồn, cả hai đều là những tiếng động nhằm làm cho vẻ yên tĩnh của trời và nước trở nên thẳm sâu, thanh vắng. Âu đó cũng là cái thủ pháp quen thuộc: dùng cái *động* để gợi cái *tĩnh*. Hai chữ *nước nào* cuối câu, thực ra cũng là chữ rất không đâu nhưng sao lại dồn chứa được trong đó bao nhiêu là xa vắng của thiên không[1]. Nó gợi ra dáng điệu thi nhân nghe vọng vào xa xăm. Mà vọng vào xa xăm kì thực là chìm vào cõi tâm tư bất tận của chính mình. Chữ nghĩa của Nguyễn Khuyến ở đâu cũng lắng, cũng lặng những cảm xúc chìm. Cảm xúc được tiết chế, được giấu kín. Lối thể hiện ấy giữ cho tình nồng mà lời vẫn đạm là thế.

⑤ Cuối cùng, *Thu vịnh* đã kết lại bằng bức hoạ thật nhanh mà thật đọng:

*Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*
*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào.*

Nỗi niềm u ẩn không chịu buông tha cho Tam nguyên Yên Đổ. Cái cảm giác thẹn với ông Đào là nét thanh tao, lặng thầm mà khiêm cung của Nguyễn Khuyến. Nó không chỉ in riêng vào bài thơ này, mà còn đổ bóng xuống cả ba bài thơ, làm nên một chân dung thật nhất quán của Nguyễn Khuyến: một thi nhân tao nhã – một nho gia[2] khí tiết.

Những từ ngữ nào có tác dụng kết nối ý của phần ⑤ với các phần trước đó?

Tất cả những điều ấy chẳng phải đã khiến cho Nguyễn Khuyến hiện ra giữa chốn "vườn Bùi"[3] như một cây *cô trúc* thanh cao hay sao? Thân *cô trúc* chỉ cần một gợn gió nhẹ thôi cũng đủ xao mình, trăn trở! Giữa nơi yên mà nào nó có yên? Và làm sao biết trong cõi riêng của ba bài *thu* kia, thân *cô trúc* ấy còn *lơ phơ*, còn *hắt hiu*, còn bất an như thế đến thế kỉ nào?

(*Thơ, điệu hồn và cấu trúc*, NXB Giáo dục, 2007)

---

(1) *Thiên không*: khoảng không trên bầu trời.
(2) *Nho gia*: nhà nho có tên tuổi (*nhà nho*: người trí thức thời phong kiến theo Nho học).
(3) *Vườn Bùi*: vườn nhà Nguyễn Khuyến. "Bùi" là tiếng Nghệ – Tĩnh dùng để gọi cây vối. Người xứ Nghệ, tổ tiên Nguyễn Khuyến khi ra xã Yên Đổ (Bình Lục, Hà Nam), thấy ở đây có một loài cây mà xứ Nghệ gọi là cây bùi, nên gọi vườn nhà là vườn Bùi.

**1.** Em hiểu như thế nào về nhan đề *Gió thanh lay động cành cô trúc*?

**2.** Hãy chỉ ra các luận điểm của văn bản *Gió thanh lay động cành cô trúc* và trình tự sắp xếp các luận điểm đó.

**3.** Để làm rõ đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của từng cặp câu "đề, thực, luận, kết", tác giả đã kết hợp những thao tác nghị luận nào? Hãy chỉ ra các thao tác ấy và phân tích hiệu quả phối hợp của chúng trong một đoạn cụ thể.

**4.** Ở đoạn văn cuối ("Tất cả những điều ấy [...] đến thế kỉ nào?"), tác giả chủ yếu sử dụng kiểu câu nào? Theo em, kiểu câu ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện thông điệp, giọng điệu, sắc thái cảm xúc của người viết?

**5.** Đoạn văn sau cho thấy tác giả đã huy động những kiến thức nào vào việc đọc hiểu văn bản: "Ba chữ *mấy từng cao* cho thấy tầm nhìn thi sĩ rộng mở cùng với các tầng trời. Nếu nền phông gợi những khoảng xa của hậu cảnh, thì ở gần tầm mắt hơn, hiện ra một tiền cảnh là *cần trúc lơ phơ*... Tầm nhìn dịch chuyển từ xa đến gần. Và, không phải cành trúc, ngọn trúc mà phải là *cần trúc*. Chữ *cần* là nét cong mềm mại thật hợp điệu thu. Chữ *lơ phơ* tả vẻ đẹp lưa thưa mà lay động. Chữ *hắt hiu* thật là cái hồn của gió thu."?

**6.** Liên hệ với bài *Thu điếu* đã học ở Bài 2, em hãy đề xuất một luận điểm (1 hoặc 2 câu) nêu rõ được tâm hồn và tài nghệ của Nguyễn Khuyến qua chùm thơ thu.

## Thực hành đọc hiểu

# ĐỪNG GÂY TỔN THƯƠNG

CA-REN CA-XÂY(*)

### 1 Chuẩn bị

– *Đừng gây tổn thương* là văn bản trích từ tác phẩm *Khi ta thay đổi, thế giới sẽ đổi thay* của Ca-ren Ca-xây (Karen Casey).

– Đọc trước văn bản *Đừng gây tổn thương* và tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm; lựa chọn những thông tin liên quan giúp em hiểu thêm văn bản nghị luận này.

(*) Ca-ren Ca-xây sinh năm 1947, là tác giả Mỹ nổi tiếng chuyên về tâm lí và nghệ thuật sống.

## 2 Đọc hiểu

① "Đừng bao giờ khiến người khác tổn thương" ư? Một điều nghe qua có vẻ đơn giản; nhưng cái khó là làm sao chúng ta biết được mình đã gây tổn thương cho người khác, đặc biệt là khi họ không bị tổn hại gì về thân thể. Không giao tiếp bằng mắt với người bạn nói chuyện hay đang được giới thiệu, không đáp lại khi ai đó cần bạn trả lời một câu hỏi, không đếm xỉa đến người đang nói trong cuộc thảo luận – tất cả những hành vi này đều gây tổn thương. Coi nhẹ lời gợi ý của bạn thân về công việc quan trọng cả hai đang tham gia thực hiện có thể gây bất lợi cho mối quan hệ cũng như lòng nhiệt tình của người ấy. Một trong những hình thức gây tổn thương phổ biến và rõ ràng nhất là không lắng nghe khi người khác đang cố nói điều gì đó với bạn. Một số người nói rằng, bị lờ đi như thế khiến họ cảm thấy đau đớn không kém gì bị xâm phạm thân thể.

Chú ý cách nêu vấn đề của tác giả.

Sự tổn thương ẩn nấp dưới nhiều dáng vẻ khác nhau. Chắc chắn là cả người gây ra tổn thương và người bị tổn thương đều không cảm thấy hạnh phúc. Nạn nhân có thể thấy mình bị xúc phạm sau buổi gặp gỡ mà không hiểu tại sao. Mặc dù vậy, cảm giác tổn thương vẫn tồn tại.

### ② Không gây tổn thương bằng lời nói

Trong lúc bạn phát ngôn và cả sau đó, bạn có ý thức được lời phê bình của mình đã ảnh hưởng đến người khác như thế nào không? Bạn có nhanh chóng đáp trả bằng một nhận xét đầy ác ý sau khi bị người khác chỉ trích không? Bạn có chú ý đến cảm giác của mình sau khi gắt gỏng với bạn bè hay một người hoàn toàn xa lạ không? Bạn có bao giờ tỏ ra tử tế ngay cả khi người ta đối xử với bạn chẳng ra gì không?

Các câu hỏi mở đầu phần ② hướng vào vấn đề gì?

Câu trả lời của chúng ta cho những câu hỏi trên đủ để nói lên tất cả. Ngẫm nghĩ từng câu hỏi và trả lời chúng một cách trung thực mang đến phác hoạ đơn giản về vị trí của bạn trong thế giới này. Sau đó, nó có thể giúp ích cho bạn như một bản kế hoạch để bạn trở thành con người mà mình mong muốn.

Nếu muốn thay đổi tính chất của các mối quan hệ với mọi người xung quanh, bạn phải ý thức rõ tác động của những gì mình nói ra. Có lẽ, chúng ta không cố tình gây tổn thương người khác bằng nhận xét của mình. Thật ra, chúng ta cứ nghĩ mình đang cư xử lịch thiệp hay thậm chí là ân cần, nhưng biểu hiện trên gương mặt của người đối diện mới nói lên sự thật.

Không ai trong chúng ta đủ khéo léo để che giấu mức độ ảnh hưởng từ lời nói và hành động của người khác đối với mình. Cặp mắt trừng trừng, ánh nhìn lơ đi nơi khác, cái nhếch mép hay đôi môi trễ xuống,... thường bộc lộ cảm xúc thật của chúng ta. Nhận thấy được những biểu hiện này ở người khác giúp chúng ta đưa ra các lựa chọn tốt hơn trong những lần giao tiếp về sau, với bất kì ai.

Chú ý cách nhận ra việc mình đã làm tổn thương người khác.

Hầu hết chúng ta đều không chủ tâm tỏ ra ác ý trong giao tiếp, trừ khi với kẻ thù thật sự. Những câu bình luận mỉa mai cũng thường xuất hiện một cách vô ý, xuất phát từ cảm xúc nhất thời hay sự thiếu suy nghĩ chứ không phải từ bản chất xấu xa, hèn hạ.

Phương pháp giải quyết vấn đề này là tập trung trí óc. Đơn giản thôi! Bạn hãy đưa ra quyết định và theo đuổi nó bằng cách rèn luyện. Bạn có thể tạo nên mọi sự khác biệt trong mối quan hệ nếu tuân theo quy tắc ứng xử cơ bản: Đừng nói với người khác những điều mà bạn không muốn nghe. Tôi muốn bạn nhớ lại câu chuyện về người phóng viên vẫn mua báo từ một kẻ bán báo vô văn hoá. Người phóng viên ấy đã lựa chọn cách cư xử tử tế ngay cả với một kẻ chẳng ra gì. Ông ấy chọn hành động ôn hoà. Đôi lúc chúng ta có suy nghĩ sai lầm rằng đáp trả là cần thiết. Và nó thường được nguỵ biện rằng đó là sự công bằng. Nhưng hành động "ăn miếng trả miếng" chỉ cho thấy bạn là người yếu đuối và thiếu suy nghĩ. Nói đơn giản hơn là bạn chẳng được lợi gì khi đối xử với người khác không tử tế.

Nhận biết lí lẽ và bằng chứng của người viết.

Mỗi tình huống ta trải qua đều là cơ hội để lựa chọn con đường tương tác đúng đắn giữa ta và người khác. Chúng ta không cần phải đáp trả bằng thái độ tương tự khi ai đó đối xử tệ với mình. Chọn cách ứng xử cùng với yêu thương không quá khó so với chọn cách đáp trả tàn nhẫn. Đó chỉ là một quyết định mà thôi – quyết định mang lại lợi ích cho tất cả mọi người.

Trong quá trình giao tiếp, chúng ta luôn có các phương án lựa chọn khác nhau như chú ý lắng nghe, giả vờ lắng nghe một cách tế nhị hay phớt lờ người khác ra mặt. Bất cứ điều gì không thể hiện sự chú tâm của chúng ta đều đồng nghĩa với sự thô lỗ; thái độ thô lỗ này gây tổn hại tinh thần cho bất kì ai liên quan đến chúng ta trong mối tương tác. Điều này thậm chí có thể đo đếm được bằng các nghiên cứu về sinh lí. Tổ chức Hớt Mát (Heart Math) đã tiến hành nghiên cứu sự ảnh hưởng của cách cư xử thiếu tử tế đối với tình trạng thể chất con người. Sau đó, họ áp dụng những điều phát hiện được vào việc tư vấn cho khoảng 500 công ti đang cần xây dựng môi trường làm việc thân thiện hơn. Cuối cùng, họ kết luận rằng, không chỉ người bị chúng ta đối xử tệ mà bản thân chúng ta cũng bị ảnh hưởng về mặt trí tuệ, cảm xúc, thể chất và tinh thần. Đúng vậy! Sức khoẻ mỗi chúng ta đều phụ thuộc vào những cử chỉ yêu thương lẫn nhau.

Theo tác giả, thế nào là "thô lỗ"?

Tại sao chúng ta cư xử thô lỗ? Bởi vì chúng ta bị xao nhãng, đầu óc ta đang mải mơ màng những việc khác? Đôi khi, lí do này đúng. Nhưng sự thô lỗ thường là dấu hiệu của cảm giác bất an. Đó là cách chúng ta tránh né người khác để họ không nhận thấy cảm giác thật của mình. Làm như vậy có thể hiệu quả nhưng nó chẳng giúp ích cho ai cả. Nó khiến mọi người xa rời nhau thay vì đoàn kết vì một mục đích chung. Chúng ta không bao giờ tìm thấy sự bình yên nếu cứ khăng khăng bảo vệ cái ốc đảo cô đơn của mình. Cố gắng theo đuổi mối liên kết chung với mọi người là con đường bằng phẳng nhất đưa chúng ta đến hoà bình.

Chú ý cách lí giải: "Tại sao chúng ta cư xử thô lỗ?".

Hãy đối mặt với thực tế. Dùng lời nói sỉ nhục người khác không bao giờ là thái độ hợp lí, ngay cả trong những hoàn cảnh thù địch nhất; nó gây ra những vết thương không đáng có trong tâm hồn. Có người từng nói, đại ý: "Chúng ta chỉ được giao phó một nhiệm vụ duy nhất, đó là yêu thương lẫn nhau. Nếu không thể làm được như vậy thì ít nhất hãy cố gắng kiềm chế để không xúc phạm nhau.". Đó là lời gợi ý đơn giản để sống cuộc đời bình yên và hạnh phúc. Nó khởi đầu bằng những thay đổi tích cực nhỏ bé mà về sau trở thành thói quen. Bất kì ai trong chúng ta cũng có thể hoàn thành nhiệm vụ này nếu có quyết tâm.

### ③ Mỗi ngày một cam kết

"Mỗi ngày, chúng ta phải sống sao cho xứng đáng.". Lựa chọn này giúp ta đơn giản hoá cuộc sống và quyết định của mình trên nhiều khía cạnh, hơn hẳn điều chúng ta tưởng tượng ban đầu. [...] Chúng ta chỉ có duy nhất ngày hôm nay thôi. Chúng ta chỉ có duy nhất khoảnh khắc này mà thôi.

Nội dung "cam kết" ở phần này là gì?

Dường như quan điểm trên có vẻ gần với sự tránh né trách nhiệm. Song, việc cố gắng sống quá xa khoảnh khắc hiện tại không những lãng phí năng lượng trí tuệ mà còn lãng phí năng lượng cảm xúc của chúng ta. Mỗi ngày, đừng gây tổn thương cho ai là một phương pháp thực hiện nguyên tắc quan trọng này. Tại sao chúng ta phải cam kết như thế với bản thân mỗi ngày? Bởi vì trong quá trình thay đổi, chúng ta thường không chú ý đến lối cư xử của mình và kết quả là ta gây tổn thương cho người khác. Chúng ta dễ dàng hạ thấp giá trị của người khác chỉ trong một phút suy nghĩ thiếu thận trọng.

Chúng ta phán xét và quy tội cho người khác. Chúng ta "giăng bẫy" khiến họ thất bại, đôi khi do cố ý nhưng thường thì vô ý nhiều hơn. Lời nói, nét mặt, ngôn ngữ cơ thể của chúng ta, tất cả đều chuyển tải một thông điệp nào đó, nếu ta bất cẩn, chúng sẽ dễ dàng biến thành thái độ khinh thường hoặc vô tâm. Nhiều hình thức gây tổn thương khác nhau đã ăn sâu vào tiềm thức, đến nỗi chúng ta phải thật cảnh giác để không lặp lại nó. Tương tự, đôi khi, việc chúng ta hạ thấp người khác

trở thành một thói quen. Chỉ cần cam kết thực hiện và kết hợp với việc rèn luyện, "không làm tổn thương người khác" sẽ trở nên đơn giản, và phần thưởng của nó sẽ xuất hiện ngay lập tức. Chúng ta cảm thấy nhẹ nhõm và thanh thản cả về thể chất lẫn tinh thần. Chúng ta không còn phải đoán già đoán non liệu những hành động của mình sẽ gây ra tác động hay hậu quả như thế nào đối với người khác. Mỗi ngày mới có một dòng chảy mới, dòng chảy hứa hẹn đem đến cảm giác hạnh phúc và bình yên cho chúng ta.

Không làm tổn thương người khác mang lại hiệu quả gì?

Bạn sẽ gặt hái được nhiều điều tốt đẹp từ lời cam kết đơn giản này. Thế nhưng, sự lôi kéo, dụ dỗ của thói quen ứng xử cũ vẫn lởn vởn quanh bạn gần như mọi lúc. Không phải vì bạn cố tình thô lỗ hay vô tâm mà hầu hết chúng ta đều cảm thấy sợ hãi, sợ rằng người khác đang qua mặt mình về tiền tài, sự nghiệp, thậm chí cả tình cảm và tinh thần. Nỗi sợ hãi thúc đẩy chúng ta hành động theo chiều hướng gây tổn thương cho mọi người, trong đó có bản thân ta. Vết thương gây ra cho chính bản thân là trầm trọng và khó lành nhất.

Mỗi lần bị tổn thương vì cách cư xử của mình, chúng ta càng dễ làm đau người khác, đôi khi không vì lí do nào. Mọi việc sẽ tiếp tục như thế cho đến lúc mỗi ngày, chúng ta thực hiện lời cam kết không gây tổn thương cho bất kì ai. Chúng ta có thể làm được! Mỗi ngày, chúng ta có quyền theo đuổi một cảm giác bình yên hoàn toàn mới mẻ. Đó chẳng phải là điều tất cả chúng ta mong muốn ư? […]

(*Khi ta thay đổi, thế giới sẽ đổi thay*,
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016)

**1.** Em hiểu như thế nào về nhan đề *Đừng gây tổn thương*?

**2.** Chỉ ra mối quan hệ giữa phần mở đầu và hai phần sau trong văn bản.

**3.** Dựa vào văn bản, hãy làm sáng tỏ ý kiến của tác giả nêu ở phần đầu văn bản *Đừng gây tổn thương*: "Sự tổn thương ẩn nấp dưới nhiều dáng vẻ khác nhau.".

**4.** Phân tích tác hại của việc làm tổn thương người khác và những hệ quả tích cực từ lời cam kết: "Không làm tổn thương người khác.".

**5.** Theo em, vấn đề đặt ra trong văn bản *Đừng gây tổn thương* có ý nghĩa gì với cuộc sống ngày nay?

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**1.** Trong các đoạn văn sau đây, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để liên kết các câu trong đoạn?

a) *Nếu muốn thay đổi tính chất của các mối quan hệ với mọi người xung quanh, bạn phải ý thức rõ tác động của những gì mình nói ra. Có lẽ, chúng ta không cố tình gây tổn thương người khác bằng nhận xét của mình. Thật ra, chúng ta cứ nghĩ mình đang cư xử lịch thiệp hay thậm chí là ân cần, nhưng biểu hiện trên gương mặt của người đối diện mới nói lên sự thật.* (Ca-ren Ca-xây)

b) *Sự sáng tạo trong văn học nghệ thuật gần giống với sự sáng tạo ra sự sống: "Dùng hình tượng là để lấy sự sống tác động vào sự sống, lấy sự sống sinh ra sự sống". Nhưng đây là một sự sống đặc biệt, một sự sống bất diệt. Hình tượng văn học có giá trị, một khi ra đời, tham gia vào sinh hoạt xã hội như một con người thực. Người ta tâm sự với Kiều, thương Kiều, khóc Kiều và mê Kiều. Từ những nét mực, trang giấy bỗng hiện lên cả một thế giới đã lùi sâu vào dĩ vãng. Chính cái "phép mầu" kì diệu ấy đã khiến Go-rơ-ki (Gorki) ngồi đọc truyện ngắn "Trái tim bình dị" của Phlô-be (Flaubert), cảm thấy như trong quyển sách có một thứ ảo thuật gì khó hiểu; và Go-rơ-ki đã mấy lần giơ tờ giấy ra trước ánh sáng, nhìn qua các dòng chữ để tìm xem có cái bí mật gì ở trong ấy không.* (Nguyễn Duy Bình)

**2.** Đọc các đoạn văn dưới đây và thực hiện những nhiệm vụ sau:

– Xác định chủ đề của đoạn văn.

– Nhận xét về tính liên kết trong đoạn văn.

– Nhận xét về tính mạch lạc của đoạn văn.

a) *Ngày nay, người ta thường nói nhiều đến sự xung đột giữa chiếc xe Lếch-xớt với cây ô liu. Chiếc xe Lếch-xớt đại diện cho sự hiện đại và sự toàn cầu hoá. Cây ô liu đại diện cho bản sắc và cho truyền thống. Có vẻ như toàn cầu hoá đang áp đặt vô số những chuẩn mực chung cho mọi tộc người. Các chuẩn mực về kĩ thuật, về công nghệ thông tin và truyền thông, về thương mại, về đầu tư,... tất cả là chung và tất cả những cái chung đang ngày một nhiều thêm lên. Cái chung nhiều thêm lên, thì cái riêng sẽ bị giảm bớt đi. Đó là một nguy cơ hoàn toàn có thật. Tuy nhiên, chiếc xe Lếch-xớt và cây ô liu không nhất thiết bao giờ cũng phải xung đột và triệt tiêu lẫn nhau. Ngược lại, chiếc xe Lếch-xớt vẫn có thể tạo điều kiện cho việc bảo tồn cây ô liu và cây ô liu vẫn có thể trang điểm cho chiếc xe Lếch-xớt. Việc hội nhập và việc giữ gìn bản sắc cũng vậy. Không có hội nhập, nghề múa rối nước, nghề thổ cẩm của chúng ta chắc sẽ rất khó phát triển. Ngược lại, các nhà hàng, khách sạn cao cấp chắc*

*cũng sẽ có ít sức hấp dẫn đối với khách du lịch nước ngoài, nếu thiếu sự hiện diện của hồn văn hoá Việt.* (Nguyễn Sĩ Dũng)

b) *Cuối cùng, "Thu vịnh" đã kết lại bằng bức hoạ thật nhanh mà thật đọng:*

*"Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,*
*Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào."*

*Nỗi niềm u ẩn không chịu buông tha cho Tam nguyên Yên Đổ. Cái cảm giác "thẹn với ông Đào" là nét thanh tao, lặng thầm mà khiêm cung của Nguyễn Khuyến. Nó không chỉ in riêng vào bài thơ này, mà còn đổ bóng xuống cả ba bài thơ, làm nên một chân dung thật nhất quán của Nguyễn Khuyến: một thi nhân tao nhã – một nho gia khí tiết.* (Chu Văn Sơn)

c) *Tại sao chúng ta cư xử thô lỗ? Bởi vì chúng ta bị xao nhãng, đầu óc ta đang mải mơ màng những việc khác? Đôi khi, lí do này đúng. Nhưng sự thô lỗ thường là dấu hiệu của cảm giác bất an. Đó là cách chúng ta tránh né người khác để họ không nhận thấy cảm giác thật của mình. Làm như vậy có thể hiệu quả nhưng nó chẳng giúp ích cho ai cả. Nó khiến mọi người xa rời nhau thay vì đoàn kết vì một mục đích chung. Chúng ta không bao giờ tìm thấy sự bình yên nếu cứ khăng khăng bảo vệ cái ốc đảo cô đơn của mình. Cố gắng theo đuổi mối liên kết chung với mọi người là con đường bằng phẳng nhất đưa chúng ta đến hoà bình.* (Ca-ren Ca-xây)

**3.** Phát hiện và sửa lỗi trong các đoạn văn sau:

a) *Cảnh vật trong bài thơ "Câu cá mùa thu" của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ.* Ngõ trúc quanh co, *sóng nước* gợn tí, *lá vàng* đưa vèo, *chiếc thuyền* bé tẻo teo. *Cảnh vật dường như ngưng đọng, im lìm. Bởi vậy, nét bút của Nguyễn Khuyến đã tạo dựng được rất thành công cảnh sắc im ắng ấy.* (Dẫn theo Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh)

b) *Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn tất cả. Họ yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau sinh sống. Những người nông dân yêu người làng, người nước, yêu từ cảnh ruộng đồng, đến công việc trong xóm, ngoài làng. Tình yêu trong bài ca dao thật nồng nhiệt, đằm thắm.* (Dẫn theo Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh)

c) *Cắm đi một mình trong đêm. Trận địa đại hội 2 ở phía bãi bồi bên một dòng sông. Hai bố con cùng viết đơn xin ra mặt trận. Mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối.* (Dẫn theo Trần Ngọc Thêm)

**4.** Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) triển khai ý từ câu chủ đề sau đây: *Đừng để người thân bị tổn thương vì sự vô tâm của bạn.*

VIẾT

# VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

## 1 Định hướng

a) Đọc hai đoạn trích sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:

Đoạn 1:

Khác với bút pháp truyện cổ tích, truyện Nôm,..., nhân vật và hoàn cảnh được lí tưởng hoá, phân tuyến rạch ròi, *Kiêu binh nổi loạn* không thế, đã được ghi chép gần gũi với hiện thực. Điều đó được thể hiện trong việc xây dựng các nhân vật. *Kiêu binh nổi loạn* có hai phe: Trịnh Tông và Trịnh Cán; phe Trịnh Tông có thể xem là chính thống, phe Hoàng Đình Bảo và Đặng Thị Huệ là phản nghịch nhưng cả hai đều không có những nhân vật cực đoan, hoặc quá hoàn hảo, hoặc quá xấu xa, mà nói chung đều đa dạng, đều thực. Lấy nhân vật Hoàng Đình Bảo làm ví dụ. Hoàng là nhân vật phản diện, thao túng cả triều đình, nhiều tham vọng, quyền mưu nhưng y vẫn còn chút ánh sáng trong lương tâm, thể hiện ở việc đối xử với Trịnh Tông, người đã từ chối sự cộng tác và đe doạ sẽ giết Hoàng, đối thủ chính có thể đem đến sự nguy hiểm cho sự nghiệp của Hoàng. Hoàng còn có thể khóc khi người ta đặt vấn đề tính mạng của Tông với y. [...]

(Theo Trần Thị Băng Thanh, *Kiêu binh nổi loạn*,
in trong *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005)

Đoạn 2:

Ở bài *Thu điếu*, ta gặp một tiếng cá quẫy vọng lên từ đáy nước (*Cá đâu đớp động dưới chân bèo*). Ở bài *Thu vịnh*, ta lại gặp một tiếng chim di trú rớt xuống từ không trung. Đến từ hai phía khác nhau, nhưng cùng đánh động một tâm hồn, cả hai đều là những tiếng động nhằm làm cho vẻ yên tĩnh của trời và nước trở nên thẳm sâu, thanh vắng. Âu đó cũng là cái thủ pháp quen thuộc: dùng cái *động* để gợi cái *tĩnh*. Hai chữ *nước nào* cuối câu, thực ra cũng là chữ rất không đâu nhưng sao lại dồn chứa được trong đó bao nhiêu là xa vắng của thiên không. Nó gợi ra dáng điệu thi nhân nghe vọng vào xa xăm. Mà vọng vào xa xăm kì thực là chìm vào cõi tâm tư bất tận của chính mình. Chữ nghĩa của Nguyễn Khuyến ở đâu cũng lắng, cũng lặng những cảm xúc chìm. Cảm xúc được tiết chế, được giấu kín. Lối thể hiện ấy giữ cho tình nồng mà lời vẫn đạm là thế.

(Theo Chu Văn Sơn, *Thơ, điệu hồn và cấu trúc*. Sách đã dẫn)

– Yếu tố hình thức nghệ thuật nào đã được xác định để phân tích, đánh giá trong từng đoạn trích trên?

– Mỗi tác giả đã chỉ ra tác dụng của yếu tố hình thức ấy trong việc thể hiện nội dung, ý nghĩa như thế nào?

– Đoạn nào chủ yếu sử dụng thao tác phân tích và đoạn nào tập trung nêu cảm nhận, đánh giá của người viết? Hãy chỉ ra sự khác nhau giữa phân tích và đánh giá trong hai đoạn trích trên.

b) Đối tượng phân tích, đánh giá có thể là toàn bộ tác phẩm hoặc chỉ tập trung vào một số yếu tố nổi bật về nội dung (đề tài, cảm hứng,...), hình thức nghệ thuật (ngôn từ, kết cấu,...). Để viết bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học, ngoài các yêu cầu cơ bản đã nêu ở Bài 6 (trang 58), các em cần chú ý thêm một số điểm sau:

– Xác định đối tượng phân tích, đánh giá: toàn bộ tác phẩm hay một số yếu tố, thể loại của tác phẩm, tác giả và bối cảnh lịch sử, hoàn cảnh ra đời,...

– Xem xét cách triển khai bài phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm khác phân tích, đánh giá một số yếu tố như thế nào. Tham khảo gợi ý sau:

| Các phần | Phân tích, đánh giá toàn bộ tác phẩm | Phân tích, đánh giá một số yếu tố |
|---|---|---|
| **Mở bài** | Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả, bối cảnh lịch sử (nếu cần) và khái quát giá trị của tác phẩm. | – Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm, thể loại.<br>– Nêu yếu tố nổi bật sẽ phân tích, đánh giá. |
| **Thân bài** | – Nêu tóm tắt nội dung chính của tác phẩm.<br>– Phân tích giá trị của tác phẩm (nội dung và nghệ thuật).<br>– Đánh giá (nhận xét, bình luận) về thành công của tác giả trong việc thể hiện nội dung và nghệ thuật. | – Giới thiệu cụ thể một số yếu tố nổi bật mà bài viết phân tích, đánh giá.<br>– Phân tích cái hay, cái đẹp của các yếu tố đã nêu.<br>– Đánh giá (nhận xét, bình luận) về vai trò, tác dụng của các yếu tố ấy trong tác phẩm. |
| **Kết bài** | – Khái quát về vị trí, ý nghĩa của tác phẩm đối với sự nghiệp văn học của tác giả.<br>– Chỉ ra tác động của tác phẩm với người đọc và với cá nhân người viết. | – Khái quát về giá trị của các yếu tố đã phân tích đối với tác phẩm.<br>– Nêu ấn tượng và cảm xúc của người viết về các yếu tố đã phân tích. |

## 2 Thực hành

Bài tập: *Viết bài văn phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của một tác phẩm văn học mà em đã học hoặc đã đọc.*

a) Chuẩn bị

– Đọc và nhận diện yêu cầu của bài tập về kiểu bài và nội dung, phạm vi vấn đề cần giải quyết.

– Lựa chọn tác phẩm văn học (thơ, truyện, kịch, kí) mà các em yêu thích, tâm đắc để phân tích, đánh giá.

– Xác định các yếu tố nội dung và hình thức nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm đã chọn.

b) Tìm ý và lập dàn ý

– Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

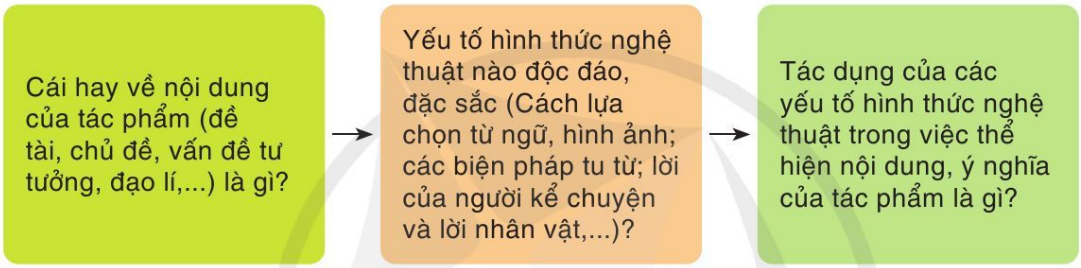


– Lập dàn ý theo ba phần của bài văn. Chú ý: đây là dạng bài phân tích, đánh giá nét đặc sắc về nội dung hoặc hình thức, không phải toàn bộ tác phẩm. Tham khảo thêm cách triển khai bài phân tích, đánh giá một số yếu tố đã nêu ở ý b, mục 1. *Định hướng*.

c) Viết

– Dựa vào dàn ý đã làm để viết bài văn hoàn chỉnh.

– Lưu ý:

+ Mỗi luận điểm có thể triển khai thành một hoặc một số đoạn văn.

+ Khi viết, chú ý kết hợp các thao tác nghị luận: phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận.

+ Cần sử dụng ngôn từ giàu hình ảnh, cảm xúc.

+ Thể hiện một cách tự nhiên quan điểm, cách hiểu riêng của bản thân, có thể tham khảo nhưng không được sao chép nội dung phân tích, đánh giá của người khác.

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, đối chiếu lại các yêu cầu của bài văn để chỉnh sửa theo hướng dẫn sau:

| Nội dung kiểm tra | Yêu cầu cụ thể |
|---|---|
| Bố cục ba phần | – Mở bài: Đã giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề văn học sẽ trình bày chưa?<br>– Thân bài:<br>+ Đã giới thiệu được một số yếu tố đặc sắc về nội dung và hình thức của tác phẩm chưa?<br>+ Đã phân tích được cái hay, cái đẹp của các yếu tố đã nêu chưa?<br>+ Có đánh giá (nhận xét, bình luận) về vai trò, tác dụng của các yếu tố ấy trong tác phẩm không?<br>– Kết bài: Có khái quát được ý nghĩa của vấn đề và nêu lên ấn tượng, cảm xúc của người viết không? |
| Các lỗi còn mắc | Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 25). |
| Đánh giá chung | Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5 (trang 25). |

## NÓI VÀ NGHE

# GIỚI THIỆU, ĐÁNH GIÁ VẺ ĐẸP CỦA TÁC PHẨM VĂN HỌC

### 1 Định hướng

a) Giới thiệu, đánh giá vẻ đẹp của tác phẩm văn học là sử dụng ngôn ngữ nói và các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có) để trình bày và thuyết phục người nghe về những nét đặc sắc, độc đáo của tác phẩm văn chương hay vai trò, sức mạnh của văn học đối với cuộc sống con người mà cá nhân đã tự tìm hiểu, lí giải, chiêm nghiệm.

b) Để giới thiệu, đánh giá cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học, các em cần chú ý:

– Xác định tác phẩm văn học mà mình tâm đắc, yêu thích và có hiểu biết chắc chắn, nhất là hiểu biết về những giá trị nội dung, hình thức nghệ thuật đặc sắc sẽ được trình bày.

– Xây dựng đề cương bài nói với ba phần chính:

+ Mở đầu: nêu vấn đề sẽ trình bày.

+ Nội dung: các ý sẽ trình bày theo một trình tự hợp lí.

+ Kết thúc: khẳng định ý nghĩa của vấn đề được trình bày; có thể nêu hướng triển khai tiếp.

– Xây dựng nội dung chi tiết cho bài nói.

– Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,... và máy chiếu, màn hình (nếu có).

## 2 Thực hành

Bài tập: *Giới thiệu, đánh giá nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của một tác phẩm văn học mà em đã học hoặc đã đọc.*

a) Chuẩn bị

– Thực hiện việc chuẩn bị như hướng dẫn ở mục *1. Định hướng*.

– Xem lại dàn ý đã làm ở phần *Viết*.

b) Tìm ý và lập dàn ý

Xem xét dàn ý đã nêu ở phần *Viết* và bổ sung một số ý phù hợp với phần *Nói và nghe*.

c) Nói và nghe

– Dựa vào nội dung dàn ý đã chuẩn bị để thực hiện thuyết trình.

– Cách thuyết trình và thảo luận: tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 5, phần *Nói và nghe*, mục c (trang 27).

d) Kiểm tra và chỉnh sửa

Tham khảo yêu cầu đã nêu ở Bài 5, phần *Nói và nghe*, mục d (trang 27).

## TỰ ĐÁNH GIÁ

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu (từ câu 1 đến câu 10) bên dưới:**

# "Phép mầu" kì diệu của văn học(*)

① Sự sáng tạo trong văn học nghệ thuật gần giống với sự sáng tạo ra sự sống: "Dùng hình tượng là để lấy sự sống tác động vào sự sống, lấy sự sống sinh ra sự sống.". Nhưng đây là một sự sống đặc biệt, một sự sống bất diệt. Hình tượng văn học có giá trị, một khi ra đời, tham gia vào sinh hoạt xã hội như một con người thực. Người ta tâm sự với Kiều, thương Kiều, khóc Kiều và mê Kiều. Từ những nét mực, trang giấy bỗng hiện lên cả một thế giới đã lùi sâu vào dĩ vãng. Chính cái "phép mầu" kì diệu ấy đã khiến Go-rơ-ki ngồi đọc truyện ngắn *Trái tim bình dị* của Phlô-be, cảm thấy như trong quyển sách có một thứ ảo thuật gì khó hiểu; và Go-rơ-ki đã mấy lần giơ tờ giấy ra trước ánh sáng, nhìn qua các dòng chữ để tìm xem có cái bí mật gì ở trong ấy không. [...]

(*) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

Tác phẩm văn học có sức hấp dẫn làm cho người đọc nhập vào cái thế giới do nhà văn sáng tạo, cùng sống với những nhân vật tưởng tượng như với người thực. Tác phẩm trò chuyện với con người về những sự việc ngoài đời, dần dần dẫn dắt thành ra câu chuyện của người đọc với chính mình. Cái nội dung ở ngoài người đọc chuyển hoá thành chuyện của chính người đọc. Những vấn đề của tác phẩm nêu lên biến thành những vấn đề của chính người đọc tự đặt ra với mình mà suy nghĩ. Mấy câu thơ sau đây của Huy Cận nói về âm nhạc cũng có thể mở rộng cho văn học:

*Nhạc giúp ta mở thêm nghìn chiều rộng,*
*Nghìn chiều sâu nghe lắng cuộc đời,*
*Âm thanh hay sức mạnh đất trời!*
*Ồ nhạc sĩ đã thức dậy trong tôi phần tôi sâu thẳm nhất*
*Để trò chuyện với tôi bằng những lời tôi giấu cất*
*Trong tận cùng xương tuỷ.*

(*Người bác sĩ*)

"Sự khô mòn của tình yêu thương, sự quen cho những cái không tốt, không đúng, không đẹp, sự lười biếng suy nghĩ, sự tính toán cho mình – những cái đó làm cho con mắt người ta thường ngày mờ đi ít nhiều.". Phẩm chất của con người, những suy nghĩ, tình cảm khát vọng cao đẹp bị cuộc sống vùi dập, mờ đi. Tác phẩm văn học tốt sẽ có tác dụng làm cho con người như "bừng thức tỉnh, tự nhận thấy rõ tâm hồn mình, thực sự tìm thấy mình" (Nguyễn Đình Thi). [...]

② Không nên nghĩ rằng tác động của tác phẩm cũng như sự liên hệ của người đọc bao giờ cũng phải thông qua con đường lô gích. Tác động thẩm mĩ có đặc điểm và quy luật riêng rất uyển chuyển. Thường là trực tiếp, gần như bằng trực giác và bằng liên tưởng rất linh hoạt, chịu sự quy định của rất nhiều yếu tố. Rồi sau đó, ta mới có thể dùng tư duy lô gích để giải thích. Xin lấy một ví dụ, những suy nghĩ của Ta-go (Tagore) khi đọc Sếch-xpia (Shakespeare): "Trong tình yêu thắm thiết của Rô-mê-ô (Romeo) và Giu-li-ét (Juliet), trong tiếng rên xiết điên dại của vua Lia (Lear), trong ngọn lửa ghen ngày càng bùng cháy của Ô-then-lô (Othello), có một cái gì làm cho chúng tôi hăng say và phấn khởi. Cuộc đời bó hẹp của chúng ta đã bị ngăn cách bởi một sự đơn điệu làm cho tình cảm sôi nổi không thể xuất hiện trong cuộc sống xã hội, môi trường hoạt động của chúng ta. Tất cả mọi việc của chúng ta đều lặng lẽ và yên ả. Tất nhiên những trái tim của chúng ta khao khát một nguồn thúc đẩy mãnh liệt của những tình cảm sôi nổi trong văn học Anh. Chúng tôi sung sướng thưởng thức nghệ thuật văn học Anh không phải vì thẩm mĩ mà vì trong sự đình trệ của chúng ta, văn học ấy đem đến một làn sóng

mãnh liệt, mặc dầu làn sóng ấy có thể mang tất cả cái gì dơ bẩn từ dưới đáy phơi trần lên trên mặt.". Tuy Ta-go nói "không phải vì thẩm mĩ", nhưng rõ ràng chính cái thẩm mĩ đã tạo nên xúc động và suy nghĩ ấy của ông.

(NGUYỄN DUY BÌNH, *Dạy văn dạy cái hay – cái đẹp*, NXB Giáo dục, 1983)

**1.** Theo văn bản trên, một tác phẩm văn học được xem là hấp dẫn khi tác phẩm ấy khiến cho người đọc:

A. Mải mê đọc và quên hết nội dung của tác phẩm

B. Thích thú đi tìm những kiến thức ở ngoài tác phẩm

C. Cùng sống với thế giới do nhà văn sáng tạo ra

D. Thấy hiện ra trên trang sách cả một thế giới đương đại

**2.** Chiêm nghiệm của Nguyễn Đình Thi về việc "bừng thức tỉnh, tự nhận thấy rõ tâm hồn mình, thực sự tìm thấy mình" khi đến với văn học cho biết điều gì?

A. Vai trò của nhà văn đối với nghệ thuật

B. Sức mạnh của nghệ thuật vị nghệ thuật

C. Chức năng giải trí của văn học nghệ thuật

D. Khả năng thanh lọc tâm hồn của văn học

**3.** Hãy sắp xếp lại các ý sau cho đúng với trình tự: luận điểm, các lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả đã trình bày ở phần ②.

A. *Tác động thẩm mĩ có đặc điểm và quy luật riêng rất uyển chuyển.*

B. *Xin lấy một ví dụ, những suy nghĩ của Ta-go khi đọc Sếch-xpia.*

C. *Thường là trực tiếp, gần như bằng trực giác và bằng liên tưởng rất linh hoạt, chịu sự quy định của rất nhiều yếu tố.*

D. *Không nên nghĩ rằng tác động của tác phẩm cũng như sự liên hệ của người đọc bao giờ cũng phải thông qua con đường lô gích.*

E. *Rồi sau đó, ta mới có thể dùng tư duy lô gích để giải thích.*

**4.** Nhận xét nào nêu đúng và đầy đủ những đặc điểm chung về ngôn từ trong các câu văn sau?

"Sự khô mòn của tình yêu thương, sự quen cho những cái không tốt, không đúng, không đẹp, sự lười biếng suy nghĩ, sự tính toán cho mình – những cái đó làm cho con mắt người ta thường ngày mờ đi ít nhiều.".

"Trong tình yêu thắm thiết của Rô-mê-ô và Giu-li-ét, trong tiếng rên xiết điên dại của vua Lia, trong ngọn lửa ghen ngày càng bùng cháy của Ô-then-lô, có một cái gì làm cho chúng tôi hăng say và phấn khởi.".

A. Giàu ẩn dụ, so sánh và nhạc tính

B. Giàu nhịp điệu, hình ảnh và cảm xúc

C. Giàu hình tượng và phong cách cá nhân

D. Giàu tính văn chương và tính thời sự

**5.** Phương án nào cho thấy đặc điểm của giọng điệu nghị luận trong đoạn văn sau?

"Không nên nghĩ rằng tác động của tác phẩm cũng như sự liên hệ của người đọc bao giờ cũng phải thông qua con đường lô gích. Tác động thẩm mĩ có đặc điểm và quy luật riêng rất uyển chuyển. Thường là trực tiếp, gần như bằng trực giác và bằng liên tưởng rất linh hoạt, chịu sự quy định của rất nhiều yếu tố. Rồi sau đó, ta mới có thể dùng tư duy lô gích để giải thích. Xin lấy một ví dụ...".

A. Độc thoại nhẹ nhàng để chia sẻ thông tin mới

B. Mạnh mẽ, sôi nổi để tranh luận về quan điểm

C. Gay gắt, phủ nhận ý kiến của đối phương

D. Đối thoại, trao đổi nhằm thuyết phục

**6.** Ghép các lí lẽ, dẫn chứng ở cột B cho phù hợp với luận điểm ở cột A.

| A | B |
|---|---|
| (1) Tác phẩm văn học có sức hấp dẫn làm cho người đọc nhập vào cái thế giới do nhà văn sáng tạo. | a) Thường là trực tiếp, gần như bằng trực giác và bằng liên tưởng rất linh hoạt, chịu sự quy định của rất nhiều yếu tố. |
| | b) *Ồ nhạc sĩ đã thức dậy trong tôi phần tôi sâu thẳm nhất*<br>*Để trò chuyện với tôi bằng những lời tôi giấu cất* |
| (2) Tác động thẩm mĩ có đặc điểm và quy luật riêng rất uyển chuyển. | c) Những vấn đề của tác phẩm nêu lên biến thành những vấn đề của chính người đọc. |
| | d) ... *trong tiếng rên xiết điên dại của vua Lia, trong ngọn lửa ghen ngày càng bùng cháy của Ô-then-lô, có một cái gì làm cho chúng tôi hăng say và phấn khởi.* |

**7.** Chỉ ra câu văn cho biết quan điểm của tác giả về sự sáng tạo nghệ thuật trong văn bản trên.

**8.** Em hiểu ý kiến sau như thế nào: "Những vấn đề của tác phẩm nêu lên biến thành những vấn đề của chính người đọc tự đặt ra với mình mà suy nghĩ."?

**9.** Theo em, tác giả muốn làm sáng tỏ luận điểm gì khi đưa ra ví dụ về "những suy nghĩ của Ta-go khi đọc Sếch-xpia" ở phần ②?

**10.** Vì sao nói: Tác phẩm văn học tốt sẽ có tác dụng làm cho con người như "bừng thức tỉnh"?

## HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

**1.** Đọc mở rộng các văn bản nghị luận (nghị luận xã hội và nghị luận văn học) bằng cách:

– Tìm đọc các sách, báo về các bài văn nghị luận xã hội và các bài phân tích, đánh giá tác phẩm văn học.

– Sử dụng Internet để tìm các bài nghị luận về tình cảm nhân văn cao đẹp (yêu thương, chia sẻ, cảm thông,...), phê phán những lối sống ích kỉ, gây tổn thương cho người khác,...; về tác giả, tác phẩm, các vấn đề lí luận văn học. (Chú ý: trao đổi với thầy, cô về những nguồn thông tin tin cậy).

**2.** Tập viết các bài phân tích, bình luận và gửi bài tham gia: câu lạc bộ văn học, báo tường, báo, tạp chí.

# ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

## YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
- Hiểu được yêu cầu về mục tiêu nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập trong việc đánh giá kết quả học tập cuối học kì II.

## NỘI DUNG ÔN TẬP

### ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

**Câu 1.** Hãy kẻ bảng hoặc vẽ sơ đồ về các bài đọc hiểu theo thể loại và kiểu văn bản đã học trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai. Tham khảo và hoàn thành bảng sau vào vở:

| Loại văn bản đọc | Thể loại hoặc kiểu văn bản | Tên văn bản |
|---|---|---|
| Văn bản văn học | | |
| Văn bản nghị luận | | |

**Câu 2.** Nêu tên các văn bản đọc hiểu tiêu biểu cho mỗi thể loại truyện trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai và chỉ ra đặc điểm cơ bản cần chú ý khi đọc mỗi thể loại đó.

**Câu 3.** Nêu đặc điểm chung về nội dung và hình thức của các văn bản thơ được học trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai. Phân tích ý nghĩa của những nội dung chủ đề đặt ra trong các bài thơ được học. Xác định những điểm cần chú ý về cách đọc hiểu các văn bản thơ này.

**Câu 4.** Nhận xét về đặc điểm của các văn bản nghị luận được học trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai. Phân tích yêu cầu và ý nghĩa của việc đọc hiểu các văn bản nghị luận ấy.

**Câu 5.** Trình bày cấu trúc của bài *Thơ văn Nguyễn Trãi* bằng một sơ đồ. Nêu các nội dung chính của văn bản *Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp*. Nhận xét về các tác phẩm của Nguyễn Trãi (nội dung và hình thức thể loại) được học trong bài này.

## VIẾT

**Câu 6.** Nêu tên các kiểu văn bản nghị luận được rèn luyện viết trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai; nhận xét điểm khác nhau của các kiểu văn bản viết được rèn luyện ở *Ngữ văn 10*, tập hai so với *Ngữ văn 10*, tập một. Ví dụ:

| Kiểu bài | Tập một | Tập hai |
|---|---|---|
| Nghị luận xã hội | M Bàn về một vấn đề gắn với các tác phẩm văn học. | M Bàn về một tư tưởng, hiện tượng trong cuộc sống. |
| | | |

**Câu 7.** Chỉ ra các điểm giống nhau và khác nhau về yêu cầu viết (mục đích và nội dung) của bài *Phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học* và *Nghị luận về một vấn đề xã hội* đã học. Hoàn thành yêu cầu của bài tập vào vở theo bảng sau:

| Tên kiểu văn bản | Mục đích | Nội dung |
|---|---|---|
| Phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học | | |
| Nghị luận về một vấn đề xã hội | | |

**Câu 8.** Nêu một số vấn đề xã hội mà em thấy có thể viết bài nghị luận để phát biểu ý kiến của mình. Giải thích vì sao đó là vấn đề xã hội cần có ý kiến.

## NÓI VÀ NGHE

**Câu 9.** Nêu các nội dung chính được rèn luyện trong kĩ năng nói và nghe ở sách *Ngữ văn 10*, tập hai. Những nội dung nói và nghe liên quan chặt chẽ với nội dung đọc hiểu và viết như thế nào?

**Câu 10.**

a) Nêu một số biện pháp tu từ có trong Bài 7 và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ mà em thấy nổi bật trong các bài thơ đã học ở đó.

b) Nêu một ví dụ về biện pháp tu từ chêm xen ngoài bài học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10* và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ấy.

## ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

| | |
|---|---|
| **Nội dung** | – Kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực viết văn bản.<br>– Đánh giá sự vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học vào tình huống mới, với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học.<br>– Đánh giá sự sáng tạo trong ý tưởng và thể hiện, trình bày. |
| **Hình thức** | – Thời lượng làm bài đánh giá trong 2 tiết (90 phút).<br>– Phạm vi đánh giá là những yêu cầu cần đạt đã nêu trong các bài học ở *Ngữ văn 10*, tập hai.<br>– Yêu cầu đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học, thuộc hai loại: văn bản văn học, văn bản nghị luận.<br>– Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và tự luận; tăng tỉ lệ yêu cầu viết tự luận (câu trả lời ngắn).<br>– Đánh giá năng lực viết qua một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức như các kiểu văn bản đã được học (nghị luận là chính). |

## TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

### I. Đọc hiểu

a) Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu (từ câu 1 đến câu 6) bên dưới:

*Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi*
*Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể*

*Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn*

*Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*

*Tóc mẹ thì bới sau đầu*

*Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*

*Cái kèo, cái cột thành tên*

*Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng*

*Đất Nước có từ ngày đó...*

(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng* – Nguyễn Khoa Điềm)

**1.** Đặc điểm nổi bật của mạch cảm xúc trong đoạn thơ trên là gì?

A. Giàu tính tự sự

B. Thiên về giới thiệu

C. Đậm màu sắc miêu tả

D. Giàu chất triết lí, suy tưởng

**2.** Đoạn thơ trên có đặc điểm như thế nào?

A. Không vần, có nhịp, không có hình ảnh

B. Không vần, có nhịp, giàu chất liệu dân gian

C. Không vần, không nhịp, không biện pháp tu từ

D. Không vần, không nhịp, nhiều biện pháp tu từ

**3.** Cái "ngày xửa ngày xưa" trong câu thơ "Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể" được hiểu là gì?

A. Là câu chuyện cổ mẹ thường hay kể

B. Là câu chuyện hằng ngày của mẹ

C. Là lời ru của mẹ khi con còn nhỏ

D. Là câu ca xưa cũ mẹ khuyên nhủ con

**4.** Hai câu thơ "Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn / Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc" nhắc ta nhớ đến câu chuyện cổ nào?

A. *Sự tích trầu cau* và *Sự tích ông bình vôi*

B. Truyện *Thánh Gióng* và *Cây tre trăm đốt*

C. *Sự tích ông bình vôi* và *Cây tre trăm đốt*

D. *Sự tích trầu cau* và truyện *Thánh Gióng*

**5.** Dòng thơ nào sử dụng thành ngữ?

A. *Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi*

B. *Cái kèo, cái cột thành tên*

C. *Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*

D. *Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn*

**6.** Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên trong khoảng 3 – 4 dòng.

b) Đọc đoạn trích sau và làm các bài tập ở bên dưới:

Nguyễn Trãi đã dùng văn học phục vụ chiến đấu, viết văn để đánh giặc. Văn chính luận của ông có nội dung yêu nước sâu sắc và tính chiến đấu cao, *Quân trung từ mệnh tập* "có sức mạnh như mười vạn quân" (Phan Huy Chú), từng đợt tiến công mãnh liệt vào kẻ thù. *Bình Ngô đại cáo* cháy bỏng khát vọng chiến đấu cho độc lập dân tộc, bừng dậy hùng khí của những năm "đoạt sáo, cầm Hồ"(1), trào dâng khí thế chiến đấu và chiến thắng của những năm tháng "Bình Ngô phục quốc". Trong *Quân trung từ mệnh tập*, Nguyễn Trãi đã dùng trí mưu để phân tích *thời – thế – lực* nhằm chứng minh ta nhất định thắng, địch nhất định thua. Nguyễn Trãi đã vận dụng đạo lí lên án vua quan triều Minh về tội ác xâm lược, dối trá, tàn bạo,... tuyên dương nghĩa quân về việc làm chính nghĩa, quang minh chính đại, trung thực, khoan hồng,... Sức mạnh chiến đấu của văn chính luận Nguyễn Trãi là sức mạnh của chiến lược "lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo", của sự ưu thắng khi phân tích về *thời – thế – lực*. Từ nhu cầu "tâm công" và từ nhận thức về tính năng chiến đấu của văn chương, với tinh thần chiến đấu không mệt mỏi, không khoan nhượng, trên những điểm căn bản và tuân theo một sách lược linh hoạt, Nguyễn Trãi đã viết thư giáng cho địch những đòn tới tấp, đánh cho kẻ địch phải thua trên mặt trận tư tưởng. Chiến đấu là tính đặc thù của văn chính luận dân tộc. Nhưng chiến đấu ngoan cường, trực diện, tập trung, thường xuyên và có hiệu quả cao, xuất phát từ trí tuệ nhạy bén, tình cảm chân thành và nhất là từ ý thức dùng văn chương làm vũ khí "mạnh như vũ bão, sắc như gươm dao" (Phạm Văn Đồng), thì chỉ có thể tìm thấy sớm nhất trong văn chính luận Nguyễn Trãi.

(BÙI DUY TÂN, in trong *Nguyễn Trãi – Về tác gia tác phẩm*, NXB Giáo dục, 1999)

**1.** Đoạn trích viết về vấn đề gì? Tóm tắt trong khoảng 3 – 4 dòng.

**2.** Nêu các biểu hiện cụ thể giúp em nhận biết được phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

(1) *Đoạt sáo, cầm Hồ*: cướp lấy giáo, bắt giặc Nguyên Mông (*Hồ*: từ do người Trung Quốc xưa dùng để chỉ các dân tộc thiểu số và ngoại tộc ở phía bắc với thái độ khinh miệt, ở đây dùng để chỉ giặc Nguyên Mông).

**3.** Đoạn trích được triển khai theo kiểu diễn dịch, quy nạp hay tổng – phân – hợp? Em dựa vào đâu để xác định cấu trúc ấy?

**4.** Nêu nhận xét của em về nội dung và hình thức của đoạn trích (trình bày trong khoảng 8 – 10 dòng).

## II. Viết

Chọn một trong hai đề sau để viết thành bài văn ngắn:

*Đề 1.* Phân tích, đánh giá nội dung và hình thức một trong các tác phẩm văn xuôi đã học trong *Ngữ văn 10*, tập hai.

*Đề 2.* Phân tích một vấn đề xã hội mà em thấy có ý nghĩa đặt ra trong các tác phẩm truyện hoặc thơ đã học trong sách *Ngữ văn 10*, tập hai.

# BẢNG TRA CỨU TỪ NGỮ


| Từ ngữ | Trang | Từ ngữ | Trang |
|---|---|---|---|
| ẩn dụ | 69, 114 | Hoài Vũ | 75 |
| bài văn | 24, 25, 58, 60,... | kết bài | 24, 25, 59, 60,... |
| bài văn nghị luận | 58, 61, 81, 83,... | kết cấu | 4, 33, 91, 108 |
| biện pháp tu từ | 3, 4, 20, 21,... | kết luận | 102, 103 |
| biểu cảm | 4, 18, 25, 34,... | không gian | 33, 45, 50, 76,... |
| bối cảnh | 3, 10, 22, 27,... | La Quán Trung | 29, 30, 34, 50,... |
| Ca-ren Ca-xây | 100, 104, 105, 106 | lập luận | 18, 31, 94, 95 |
| cảm xúc | 4, 5, 17, 22,... | lí lẽ | 4, 15, 22, 23,... |
| câu chuyện | 30, 34, 50, 54,... | liên kết | 91, 92, 93, 103,... |
| chêm xen | 33, 34, 54, 55,... | liệt kê | 3, 4, 5, 20,... |
| chi tiết | 33, 40, 42, 46,... | luận đề | 23, 91 |
| Chu Thuỳ Liên | 77, 83, 86 | luận điểm | 21, 23, 30, 60,... |
| Chu Văn Sơn | 96, 106, 107 | mạch lạc | 62, 91, 92, 105,... |
| chủ đề | 33, 35, 68, 70,... | mở bài | 24, 25, 59, 60,... |
| chủ thể trữ tình | 68, 83 | mở đầu | 7, 56, 57, 81,... |
| chú thích | 19 | nghị luận | 3, 4, 21, 22,... |
| cốt truyện | 33, 50, 56, 57,... | nghị luận văn học | 56, 58, 93, 115 |
| dẫn chứng | 18, 23, 24, 25,... | Ngô gia văn phái | 34, 35, 36, 58 |
| đánh giá | 3, 4, 33, 42,... | ngôn từ | 4, 16, 18, 69,... |
| đề tài | 22, 32, 33, 35,... | Nguyễn Duy Bình | 105, 113 |
| điểm nhìn | 33, 34, 50 | Nguyễn Đình Thi | 70, 80, 84, 86,... |
| đoạn trích | 35, 36, 42, 50,... | Nguyễn Sĩ Dũng | 93, 106 |
| đoạn văn | 11, 16, 21, 24,... | Nguyễn Trãi | 3, 4, 5, 6,... |
| đọc hiểu | 3, 5, 10, 18,... | người kể chuyện | 33, 34, 36, 38,... |
| giọng điệu | 12, 27, 61, 71,... | người kể chuyện hạn tri | 33, 34 |
| giới thiệu | 10, 25, 27, 33,... | | |
| hình ảnh | 4, 9, 10, 12,... | người kể chuyện toàn tri | 34 |
| hình thức | 9, 20, 27, 33,... | | |
| hình thức nghệ thuật | 35, 83, 91, 107,... | nhà thơ | 7, 9, 68, 69,... |

| Từ ngữ | Trang | Từ ngữ | Trang |
|---|---|---|---|
| nhà văn | 3, 4, 7, 9,... | thơ tự do | 68, 70 |
| nhan đề | 20, 28, 77, 85,... | thời gian | 26, 27, 33, 45,... |
| nhân vật | 23, 29, 33, 34,... | thuyết trình và thảo luận | 3, 25, 26, 62,... |
| nội dung | 3, 5, 7, 10,... | | |
| phân tích | 3, 18, 20, 22,... | thực hành | 3, 18, 23, 25,... |
| phương án | 89, 102, 114, 118,... | tiểu thuyết | 29, 33, 34, 35,... |
| phương thức biểu đạt | 120 | tiểu thuyết chương hồi | 33, 34, 35, 36 |
| quan điểm | 31, 34, 42, 91,... | | |
| sơ đồ | 27, 50, 86, 116,... | tính cách | 35, 43, 48, 50,... |
| sự kiện | 3, 4, 10, 23,... | tình huống | 33, 35, 43, 48,... |
| sự việc | 4, 5, 11, 23,... | Trần Đăng Khoa | 73, 79, 80, 86,... |
| Sương Nguyệt Minh | 34, 42, 43, 55,... | trích dẫn | 7, 25 |
| tác phẩm | 3, 4, 7, 8,... | truyện ngắn | 33, 34, 42, 43,... |
| tâm lí | 33, 34, 50, 100,... | tư tưởng | 3, 4, 7, 9 |
| tâm trạng | 20, 44, 45, 46,... | văn bản | 2, 3, 4, 5,... |
| thân bài | 24, 25, 59, 60,... | văn bản nghị luận | 3, 4, 33, 68,... |
| thân phận | 22 | | |
| thất ngôn xen lục ngôn | 4, 9, 19, 123 | văn bản truyện | 42, 57, 58, 61,... |
| | | viết | 2, 3, 4, 6,... |
| thể thơ | 4, 68, 83, 84,... | Vũ Cao Phan | 34, 54, 55 |
| thông điệp | 43, 59, 60, 100,... | ý nghĩa | 5, 18, 20, 23,... |
| thông tin | 5, 20, 27, 32,... | yếu tố | 18, 27, 33, 58,... |

# BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

| Tên phiên âm | Tên gốc hoặc tên tiếng Anh | Trang |
|---|---|---|
| Ca-ren Ca-xây | Karen Casey | 100, 104, 105, 106 |
| Giê-su | Jesus | 64 |
| Giu-li-ét | Juliet | 112, 113 |
| Go-rơ-ki | Gorki | 105, 111 |
| Hớt Mát | Heart Math | 102 |
| Lếch-xớt | Lexus | 95, 96, 105 |
| Lia | Lear | 112, 114 |
| Ô-then-lô | Othello | 112, 114 |
| Phlô-be | Flaubert | 106, 111 |
| Rô-mê-ô | Romeo | 112, 113, 114 |
| Sếch-xpia | Shakespeare | 112, 113, 115 |
| Sô-ni | Sony | 64 |
| Ta-go | Tagore | 112, 113, 115 |
| Thô-mát Phơ-rai-men | Thomas Friedman | 94, 95 |
| Tô-y-ô-ta | Toyota | 94, 95 |

# BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt(*) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | ấn | 6 | phù hiệu, con dấu của vua, quan | *ấn* thụ // *ấn* kiếm, *ấn* tín |
| 2 | bá | 5 | tước thứ ba sau tước hầu, trong bậc thang chức tước hàng quan lại thời phong kiến (công, hầu, bá, tử, nam) | *bá* tước |
| 3 | bản | 1 | gốc của mọi vật, thực chất cơ bản bên trong sự vật | *bản* chất // *bản* chính, *bản* tính |
| 4 | bảo | 2 | quý báu | *bảo* kính, *bảo* kiếm // *bảo* vật, gia *bảo* |
| 5 | bảo | 5, 6 | giữ gìn, chăm sóc | Tiệp *bảo* (đội thân binh hầu hạ), *bảo* tồn, *bảo* quản // *bảo* an, *bảo* hộ, *bảo* mạng, *bảo* tàng, *bảo* toàn, *bảo* trì, *bảo* vệ |
| 6 | bĩ | 5 | bế tắc, rủi ro | hết *bĩ* rồi lại thái // *bĩ* cực |
| 7 | biên | 7 | chỗ giáp giới với nước khác, phần sát cạnh của một bề mặt | *biên* cương, *biên* giới // *biên* thuỳ, *biên* vực |
| 8 | biện | 6 | xét sự việc rồi phân ra tốt xấu | *biện* lại // *biện* lí |
| 9 | biểu | 4 | bày ra để làm rõ, biểu hiện một cách tượng trưng và tiêu biểu nhất | *biểu* trưng // *biểu* thị, *biểu* đồ, *biểu* hiện, *biểu* lộ, *biểu* tượng |
| 10 | bôn | 5 | chạy | *bôn* tẩu // *bôn* ba |
| 11 | can | 5 | cái mộc (để đỡ tên, giáo, mác) | *can* qua |
| 12 | canh | 2 | khoảng thời gian bằng một phần năm của đêm, thời trước dùng làm đơn vị tính thời gian về ban đêm | trống *canh* // năm *canh*, *canh* chầy, *canh* gà, *canh* khuya, *canh* thâu |

(*) Cột này bao gồm các từ có trong sách giáo khoa (phía trước dấu //) và một số từ thông dụng ở ngoài sách giáo khoa (phía sau dấu //) chứa yếu tố được giải thích.

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt |
|---|---|---|---|---|
| 13 | cầm | 2 | đàn | Ngu *cầm* // Hồ *cầm*, dương *cầm*, thụ *cầm*, vĩ *cầm* |
| 14 | chí | 5, 7 | – ý muốn bền bỉ theo đuổi một việc gì tốt đẹp<br>– rất, to lớn | – bền *chí* // ý *chí*, *chí* hướng, *chí* khí<br>– *chí* nhân // *chí* tốt, *chí* thiện, *chí* thân |
| 15 | chinh | 5 | đánh trận | *chinh* chiến // *chinh* phạt, *chinh* phục |
| 16 | chính | 3, 5 | việc của nhà nước | *chính* sự, chuyên *chính*, phò *chính*, *chính* biến // *chính* phủ, *chính* quyền, *chính* sách, *chính thể*, *chính* trị |
| 17 | chính | 8 | ngay thẳng, đứng đắn, chuẩn mực | *chính* chuyên // đoan *chính*, liêm *chính*, *chính* đạo, *chính* nhân, *chính* nghĩa, *chính* quy, *chính* thống |
| 18 | chung | 7 | trọn vẹn, cuối, kết cục | thuỷ *chung* // *chung* cuộc, *chung* kết |
| 19 | chứng | 5 | cái đưa ra để đảm bảo sự việc là có thật | *chứng* cứ // vật *chứng*, *chứng* dẫn, *chứng* minh, *chứng* nhân, *chứng* nhận, *chứng* thực, *chứng* tích, *chứng* từ |
| 20 | cô | 8 | chỉ có một mình | *cô* trúc // *cô* độc, *cô* đơn, *cô* lập, *cô* liêu, *cô* nhi, *cô* quả, *cô* trung, thân *cô*, thế *cô* |
| 21 | cơ | 6 | khả năng ứng phó linh hoạt trước sự biến hoá của sự vật, khéo léo | *cơ* trí // *cơ* mưu, thấp *cơ*, kém *cơ* |
| 22 | cơ | 6 | nền móng, gốc | *cơ* nghiệp // *cơ* bản, *cơ* đồ, *cơ* sở |
| 23 | danh | 1, 8 | tên gọi, danh vọng, tiếng tăm, nổi tiếng | *danh* tiếng, *danh* dự // *danh* gia, *danh* hiệu, *danh* lợi, *danh* nghĩa, *danh* phận, *danh* sách, *danh* tính, thanh *danh* |

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt |
|---|---|---|---|---|
| 24 | di | 8 | dời đi, chuyển đi | *di* trú //*di* căn, *di* chuyển, *di* cư, *di* dân, *di* dịch, *di* động, *di* tản, *di* thực |
| 25 | dinh | 8 | toà nhà ở, làm việc của quan lại | *dinh* thự, *dinh* cơ // *dinh* quan, *dinh* Tổng thống |
| 26 | duy | 5 | màn vây xung quanh | *duy* ác (màn che quân doanh) |
| 27 | duy | 5 | chỉ một | *duy* tân // *duy* nhất, *duy* chí |
| 28 | duyên | 3 | mối ràng buộc (tình cảm) như được định sẵn | giao *duyên*, nhân *duyên*, *duyên* tình, cơ *duyên* |
| 29 | dương | 2, 7 | mặt trời | tịch *dương*, vầng *dương* // bóng *dương*, *dương* khí |
| 30 | điều | 4 | chỉnh đốn, sắp xếp cho thích hợp | *điều* tiết // *điều* chỉnh, *điều* động, *điều* hành, *điều* hoà, *điều* phối, *điều* vận |
| 31 | điếu | 5 | thương xót, viếng | *điếu* phạt // *điếu* văn, phúng *điếu* |
| 32 | đồ | 5 | mưu tính, lo liệu | *đồ* hồi // *đồ* mưu, *đồ* tính |
| 33 | gian | 1, 5 | khó khăn, khốn khổ | *gian* nguy, *gian* nan // *gian* khó, *gian* khổ, *gian* truân |
| 34 | giới | 2, 3 | răn bảo, ngăn cấm, điều cấm | cảnh *giới* (bảo kính cảnh *giới*), phá *giới* // *giới* đàn, *giới* luật, *giới* sắc |
| 35 | hà | 5 | – bạo ngược, khe khắt<br>– nhỏ mọn | – *hà* khắc // *hà* hiếp, *hà* khốc, *hà* lạm, *hà* ngược<br>– phiền *hà* // *hà* tiện |
| 36 | hành | 1, 5 | cử chỉ, hành động, thực thi | *hành* vi, *hành* hình // *hành* đạo, *hành* hạ, *hành* hung, *hành* hương, *hành* lễ, *hành* nghề, *hành* quyết, *hành* sự, *hành* tội, *hành* xử |
| 37 | hào | 5 | tài trí hơn người | *hào* kiệt |

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt |
|---|---|---|---|---|
| 38 | hằng | 3 | thường, luôn luôn, giữ được lâu | đạo *hằng* // *hằng* đẳng thức, *hằng* năm, *hằng* ngày, *hằng* số |
| 39 | hiếu | 5 | coi trọng, ham thích, yêu thương | *hiếu* sinh // *hiếu* chiến, *hiếu* danh, *hiếu* đễ, *hiếu* động, *hiếu* học, *hiếu* nghĩa, *hiếu* sắc, *hiếu* sự, *hiếu* thắng, *hiếu* thuận; đạo *hiếu* |
| 40 | hoá | 8 | – sự vật thay đổi hình thể hoặc tính chất<br>– quy luật hoặc biến hoá của tự nhiên | tạo *hoá* // *hoá* công, *hoá* kiếp, *hoá* sinh, biến *hoá* |
| 41 | hoài | 5 | nung nấu, ấp ủ | *hoài* bão // *hoài* cảm, *hoài* mong, *hoài* tưởng, *hoài* vọng |
| 42 | hối | 5 | tối | *hối* rồi lại minh |
| 43 | khâm | 5 | tôn kính | *khâm* phục |
| 44 | khởi | 3, 5 | dấy lên, bắt đầu một hoạt động | *khởi* binh, *khởi* sự // *khởi* chiến, *khởi* công, *khởi* đầu, *khởi* điểm, *khởi* động, *khởi* hành, *khởi* nguyên, *khởi* phát, *khởi* sắc, *khởi* thảo, *khởi* thuỷ, *khởi* tố, *khởi* xướng |
| 45 | khuất | 1, 5 | hàng phục, chịu thua | *khuất* phục, chịu *khuất* |
| 46 | kiền | 5 | trời | *kiền* khôn (*càn* khôn: trời đất) |
| 47 | kinh | 5 | sửa trị, xếp đặt | *kinh* bang (trị nước) ) // *kinh* luân (tổ chức, xếp đặt về mặt chính trị) |
| 48 | kinh | 6 | trung tâm đầu não quốc gia, nơi vua và triều đình ngự trị thời phong kiến | *kinh* kì, *kinh* thành // *kinh* đô, *kinh* sư |
| 49 | liên | 2 | sen, hoa sen | hồng *liên* // bạch *liên* |
| 50 | linh | 4, 8 | – thuộc về tinh thần<br>– thuộc về thần thánh | – tâm *linh* // *linh* cảm, *linh* nghiệm, *linh* tính<br>– thần *linh* // *linh* thiêng |
| 51 | lược | 3, 5 | mưu kế, mưu lược | *lược* thao, *lược* kế |

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt |
|---|---|---|---|---|
| 52 | lưu | 6 | chuyển động, chuyển đi, truyền bá | *lưu* truyền // *lưu* chuyển, *lưu* động, *lưu* hành, *lưu* thông, *lưu* vong |
| 53 | mai | 5 | ẩn, ẩn nấp | *mai* phục //*mai* danh, *mai* tích |
| 54 | mạo | 1 | liều lĩnh | *mạo* hiểm |
| 55 | minh | 6 | sáng, rõ ràng | hối rồi lại *minh*, *minh* bạch // *minh* chứng, *minh* định, *minh* hoạ, *minh* xác, *minh* xét |
| 56 | môn | 3 | cửa | nha *môn* // huyện *môn*, *môn* đăng, *môn* hạ, *môn* khách |
| 57 | mưu | 5 | – lo liệu, sắp đặt trước khi làm việc<br>– cách khôn khéo nghĩ ra để đánh lừa đối phương | *mưu* phạt // *mưu* chước, *mưu* đồ, *mưu* đoạt, *mưu* hại, *mưu* kế, *mưu* lược, *mưu* sinh |
| 58 | nghi | 4 | khuôn mẫu, lễ tiết | *nghi* lễ, *nghi* thức // *nghi* tiết |
| 59 | nha | 3 | cơ quan hành chính cấp cao trong tổ chức chính quyền thời trước, nơi làm việc của quan lại | huyện *nha* //*nha* môn, quan *nha* |
| 60 | nhân | 5, 6 | – người<br>– lòng thương người | – *nhân* tài, *nhân* dân // *nhân* chủng, *nhân* chứng, *nhân* công, *nhân* khẩu, *nhân* loại, *nhân* luân, *nhân* lực, *nhân* mạng, *nhân* sĩ, *nhân* sự, *nhân* tài, *nhân* tâm, *nhân* tình, *nhân* tính, *nhân* văn, *nhân* vật, *nhân* viên<br>– *nhân* nghĩa, chí *nhân*, *nhân* hậu // *nhân* đạo, *nhân* từ |
| 61 | phách | 5 | vía (điều tạo nên sức mạnh tinh thần của con người theo quan niệm dân gian) | *phách* lạc // hồn *phách* |
| 62 | phạm | 3 | người có tội | *phạm* gian // *phạm* đồ, *phạm* nhân |
| 63 | phát | 4 | mở ra, dựng lên | *phát* huy // *phát* minh, *phát* triển, *phát* sinh |

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt |
|---|---|---|---|---|
| 64 | phủ | 6 | đơn vị hành chính thời phong kiến, lớn hơn và có vị trí quan trọng hơn cấp huyện | *phủ* đường |
| 65 | phục | 5 | làm việc | *phục* dịch // *phục* vụ |
| 66 | phương | 1, 3 | – cách giải quyết sự việc<br>– hướng, phương diện | – *phương* thức // *phương* án, *phương* châm, *phương* kế, *phương* pháp, *phương* sách, *phương* thức<br>– thập *phương* // quan *phương*, tam *phương*, tứ *phương*, *phương* diện, *phương* hướng |
| 67 | quả | 3 | người phụ nữ goá chồng | *quả* phụ // cô *quả* |
| 68 | quân | 1, 5, 6 | đội binh, việc binh, binh lính | *quân* thù, trung *quân*, *quân* thanh, *quân* kị, *quân* mã // *quân* bản bộ, *quân* báo, *quân* bị, *quân* bưu, *quân* cảnh, *quân* chính, *quân* chủng, *quân* công, *quân* cơ, *quân* nhân, *quân* dịch, *quân* dụng, *quân* đoàn, *quân* đội, *quân* hàm, *quân* hành, *quân* hiệu, *quân* khu, *quân* kì, *quân* lệnh, *quân* lính, *quân* ngũ, *quân* phục, *quân* sĩ,… |
| 69 | quy | 8 | phép tắc | *quy* luật, *quy* định // *quy* cách, *quy* chế, *quy* chuẩn, *quy* củ, *quy* ước, nội *quy* |
| 70 | sa | 2, 5 | rơi vào tình trạng không may mắn | *sa* sậm, *sa* cơ // *sa* chân, *sa* đà, *sa* lầy, *sa* ngã, *sa* sẩy |
| 71 | song | 5 | cùng, hai | *song* toàn // *song* ca, *song* hỉ, *song* kiếm, *song* mã, *song* ngữ, *song* phi, *song* phương, *song song*, *song* tấu, *song* thân, *song* thất lục bát, *song* tiết |
| 72 | tai | 5 | điều rủi ro bất ngờ tới | *tai* vạ // *tai* ách, *tai* bay vạ gió, *tai* biến, *tai* hoạ, *tai* nạn, *tai* ương |

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt |
|---|---|---|---|---|
| 73 | tang | 3 | vật làm chứng cho việc làm sai trái, phi pháp | nguyên *tang*, vu *tang* // *tang* chứng, *tang* vật, *tang* tích |
| 74 | tao | 8 | thanh cao, nhã nhặn | *tao* nhã // thanh *tao* |
| 75 | tắc | 5 | thần lúa, nơi tế thần nông | xã *tắc* |
| 76 | tâm | 5, 8 | – lòng người<br>– bản tính, tính tình<br>– tinh thần | – *tâm* công // *tâm* địa, *tâm* khảm, *tâm* sự, *tâm* tình, *tâm* tư<br>– *tâm* tính // *tâm* huyết, *tâm* phúc<br>– *tâm* linh // *tâm* bệnh, *tâm* hồn, *tâm* lí, *tâm* lực, *tâm* thần, *tâm* trạng, *tâm* trí |
| 77 | tận | 5, 8 | đến đó là hết, là giới hạn kết thúc, đến cùng | *tận* tuỵ, bất *tận* // *tận* cùng, *tận* dụng, *tận* hưởng, *tận* lực, *tận* số, *tận* tâm, *tận* thế, *tận* thu |
| 78 | tế | 5 | cứu, giúp | *tế* thế // *tế* bần, *tế* độ, cứu *tế*, y *tế* |
| 79 | thái | 5 | thông thuận, may mắn | bĩ rồi lại *thái* |
| 80 | thái | 6, 8 | an bình, vô sự, tuyệt đối | *thái* bình, thư *thái* // *thái* hoà, thông *thái* |
| 81 | thảm | 5 | đau thương, u sầu, ảm đạm | *thảm* đạm // *thảm* bại, *thảm* cảnh, *thảm* hoạ, *thảm* khốc, *thảm* kịch, *thảm* sầu, *thảm* thiết |
| 82 | thủ | 5 | phòng giữ, chờ thời cơ tấn công | *thủ* hiểm (chiếm giữ nơi hiểm yếu) // phòng *thủ*, cố *thủ*, *thủ* môn, *thủ* thành |
| 83 | thụ | 4 | nhận, dung nạp | *thụ* lộc // *thụ* bệnh, *thụ* giáo, *thụ* mệnh, *thụ* phấn, *thụ* phần, *thụ* phong, *thụ* tinh, hưởng *thụ* |
| 84 | ti | 3 | thấp hèn | *ti* tiện |
| 85 | tịch | 2 | buổi chiều | *tịch* dương |

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt |
|---|---|---|---|---|
| 86 | tiết | 3 | lòng ngay thẳng, trong sạch, giữ trước sau như một | *tiết* hạnh // *tiết* nghĩa, khí *tiết*, phẩm *tiết*, *tiết* phụ, *tiết* tháo, trinh *tiết* |
| 87 | tiêu | 2, 5 | – rơi rụng, thê lương<br>– mất đi | – *tiêu* điều // *tiêu* sơ, *tiêu* tao<br>– *tiêu* vong // *tiêu* hao, *tiêu* hoá, *tiêu* huỷ, *tiêu* ma, *tiêu* mòn, *tiêu* phí, *tiêu* tan, *tiêu* thổ |
| 88 | tinh | 5 | – phần tinh tuý, tốt đẹp nhất<br>– những hoạt động thuộc về đời sống nội tâm của con người (suy tư, tình cảm,…)<br>– khôn ngoan và lanh lợi | – *tinh* hoa // *tinh* khiết, *tinh* khôi, *tinh* nhuệ, *tinh* tế, *tinh* tuý, *tinh* vi, *tinh* xảo<br>– *tinh* thần // *tinh* anh, *tinh* lực<br>– *tinh* khôn // *tinh* ma, *tinh* nghịch, *tinh* nhanh, *tinh* quái, *tinh* ranh, *tinh* thông, *tinh* thục, *tinh* ý |
| 89 | tôn | 3, 6 | đề cao, kính trọng | *tôn* phù, *tôn* kính // *tôn* sùng, *tôn* thờ, *tôn* trọng, *tôn* vinh |
| 90 | tôn | 4 | giáo phái | *tôn* giáo |
| 91 | trang | 5 | làm tôn vẻ đẹp hình thức, tô điểm | *trang* sức // *trang* điểm, *trang* hoàng |
| 92 | trang | 3 | nhà trại, trang trại | gia *trang* // thôn *trang*, *trang* viên |
| 93 | tru | 5 | giết | *tru* di (hình phạt thời phong kiến: giết người có tội và cả gia đình, họ hàng của họ) |
| 94 | trữ | 4 | cất, chứa | *trữ* lượng // dự *trữ*, *trữ* kim |
| 95 | tuyệt | 1, 4, 5 | – đứt, dứt, hết, tử vong<br>– ở mức độ tột đỉnh | – *tuyệt* mệnh // *tuyệt* chủng, *tuyệt* diệt, *tuyệt* giao, *tuyệt* nọc, *tuyệt* tình, cự *tuyệt*, *tuyệt* tự, *tuyệt* vọng<br>– *tuyệt* sắc, *tuyệt* diệu, *tuyệt* vời // *tuyệt* bút, *tuyệt* đích, *tuyệt* đỉnh, *tuyệt* đối, *tuyệt* mĩ, *tuyệt* phẩm, *tuyệt* sắc, *tuyệt* thế, *tuyệt* trần, *tuyệt* vời, *tuyệt* xảo |

| Thứ tự | Yếu tố Hán Việt | Bài | Nghĩa | Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt |
|---|---|---|---|---|
| 96 | văn | 4, 5, 8 | chỉ ngôn ngữ, văn tự, thư tịch, văn chương, giáo dục khoa cử, điển chương, phong tục,… | *văn* hiến, *văn* chương, *văn* hoá, *văn* vật // *văn* học, *văn* liệu, *văn* nhân, *văn* nghệ, *văn* thơ, *văn* võ |
| 97 | vũ | 5 | võ | thần *vũ* // *vũ* dũng, *vũ* đài, *vũ* lực, võ (*vũ*) nghệ, *vũ* (võ) sĩ, văn *vũ* |
| 98 | vũ | 4 | múa | dân *vũ* // *vũ* đạo, *vũ* điệu, *vũ* khúc, *vũ* kịch, *vũ* nữ |
| 99 | xã | 5 | thần đất, nơi tế thần đất | *xã* tắc // *xã* đàn |
| 100 | xuân | 3 | cây xuân, loại cây to, sống lâu, thường được ví với người cha | *xuân* huyên (cha mẹ) // *xuân* đường |

# MỤC LỤC

Kí hiệu dùng trong sách


| Bài | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| **5. Thơ văn Nguyễn Trãi** | Yêu cầu cần đạt | 3 |
| | Kiến thức ngữ văn | 3 |
| | **Đọc** | 5 |
| | • Đọc hiểu văn bản | 5 |
| | – *Nguyễn Trãi – Cuộc đời và sự nghiệp* | 5 |
| | – *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi) | 10 |
| | • Thực hành đọc hiểu | 18 |
| | *Gương báu khuyên răn* – bài 43 (Nguyễn Trãi) | 18 |
| | **Thực hành tiếng Việt** | 20 |
| | **Viết**: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | 21 |
| | **Nói và nghe**: Thuyết trình và thảo luận về một vấn đề xã hội | 25 |
| | Tự đánh giá: *Thư dụ Vương Thông lần nữa* (Nguyễn Trãi) | 28 |
| | Hướng dẫn tự học | 32 |
| **6. Tiểu thuyết và truyện ngắn** | Yêu cầu cần đạt | 33 |
| | Kiến thức ngữ văn | 33 |
| | **Đọc** | 35 |
| | • Đọc hiểu văn bản | 35 |
| | – *Kiêu binh nổi loạn* (Ngô gia văn phái) | 35 |
| | – *Người ở bến sông Châu* (Sương Nguyệt Minh) | 42 |
| | • Thực hành đọc hiểu | 50 |
| | *Hồi trống Cổ Thành* (La Quán Trung) | 50 |
| | **Thực hành tiếng Việt** | 54 |
| | **Viết**: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện | 55 |
| | **Nói và nghe**: Giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm truyện | 60 |
| | Tự đánh giá: *Ngày cuối cùng của chiến tranh* (Vũ Cao Phan) | 62 |
| | Hướng dẫn tự học | 67 |

| Bài | Nội dung | Trang |
|---|---|---|
| **7. Thơ tự do** | Yêu cầu cần đạt | 68 |
| | Kiến thức ngữ văn | 68 |
| | **Đọc** | 70 |
| | • Đọc hiểu văn bản | 70 |
| | – *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi) | 70 |
| | – *Lính đảo hát tình ca trên đảo* (Trần Đăng Khoa) | 73 |
| | • Thực hành đọc hiểu | 75 |
| | – *Đi trong hương tràm* (Hoài Vũ) | 75 |
| | – *Mùa hoa mận* (Chu Thuỳ Liên) | 77 |
| | **Thực hành tiếng Việt** | 79 |
| | **Viết**: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ | 81 |
| | **Nói và nghe**: Giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm thơ | 85 |
| | Tự đánh giá: *Khoảng trời, hố bom* (Lâm Thị Mỹ Dạ) | 87 |
| | Hướng dẫn tự học | 90 |
| **8. Văn bản nghị luận** | Yêu cầu cần đạt | 91 |
| | Kiến thức ngữ văn | 91 |
| | **Đọc** | 93 |
| | • Đọc hiểu văn bản | 93 |
| | – *Bản sắc là hành trang* (Nguyễn Sĩ Dũng) | 93 |
| | – *Gió thanh lay động cành cô trúc* (Chu Văn Sơn) | 96 |
| | • Thực hành đọc hiểu | 100 |
| | *Đừng gây tổn thương* (Ca-ren Ca-xây) | 100 |
| | **Thực hành tiếng Việt** | 105 |
| | **Viết**: Viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học | 107 |
| | **Nói và nghe**: Giới thiệu, đánh giá vẻ đẹp của tác phẩm văn học | 110 |
| | Tự đánh giá: *"Phép mầu" kì diệu của văn học* (Nguyễn Duy Bình) | 111 |
| | Hướng dẫn tự học | 115 |
| Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II | | 116 |
| Bảng tra cứu từ ngữ | | 122 |
| Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài | | 124 |
| Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt thông dụng | | 125 |

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ**
Địa chỉ: 07 Hà Nội, TP. Huế
Điện thoại: 0234 383 4486
Website: http://huph.hueuni.edu.vn

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*
Giám đốc
TRẦN BÌNH TUYÊN

*Chịu trách nhiệm nội dung:*
Quyền Tổng biên tập
NGUYỄN CHÍ BẢO

*Biên tập:*
NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

*Trình bày bìa:*
TRẦN TIỂU LÂM

*Thiết kế sách:*
LƯƠNG QUỐC HIỆP – PHAN THỊ TÚ UYÊN

*Minh hoạ:*
NGÔ XUÂN KHÔI

*Sửa bản in:*
NGUYỄN THỊ HƯƠNG CÚC – LÊ THỊ BÍCH HẢO

*Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:*
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGƯT NGÔ TRẦN ÁI
Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

*Địa chỉ: Tầng 5, toà nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

Tranh bìa: *Nhớ một chiều Tây Bắc* (PHAN KẾ AN).

*Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên Internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả.*

# NGỮ VĂN 10 – TẬP HAI

Mã số: .....

ISBN: .....

In ....., khổ 19 x 26,5cm, tại .....

Địa chỉ: .....

Số xác nhận đăng kí xuất bản: .....

Quyết định xuất bản số: .....

In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm 20...